

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HOA LƯ
KHOA TIỂU HỌC - MẦM NON

Phạm Công Chứ

**THIẾT KẾ KẾ HOẠCH DẠY HỌC TÍCH HỢP
GIÁO DỤC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
TRONG MÔN KHOA HỌC LỚP 4
Ở TRƯỜNG TIỂU HỌC**

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP
Mã sinh viên: 2052020005

NINH BÌNH, (2020)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HOA LƯ
KHOA TIỂU HỌC - MẦM NON

Phạm Công Chứ

**THIẾT KẾ KẾ HOẠCH DẠY HỌC TÍCH HỢP
GIÁO DỤC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
TRONG MÔN KHOA HỌC LỚP 4
Ở TRƯỜNG TIỂU HỌC**

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Mã sinh viên: 2052020005

Người hướng dẫn: ThS. Nguyễn Thị Tố Uyên

NINH BÌNH, (2020)

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan: Bản khóa luận tốt nghiệp Đại học này là kết quả nghiên cứu thực sự của tôi, dưới sự hướng dẫn khoa học của Thạc sĩ Nguyễn Thị Tố Uyên Các số liệu trong khóa luận là hoàn toàn trung thực. Những kết luận nêu trong khóa luận chưa từng được công bố ở bất kì công trình khoa học nào khác.

Sinh viên

Phạm Công Chứ

XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC

Người hướng dẫn

(Ký, ghi rõ họ tên)

Nguyễn Thị Tố Uyên

BẢNG CÁC KÝ HIỆU, CHỮ VIẾT HOA

STT	Chữ viết tắt	Độc là
1	GDMT	Giáo dục môi trường
2	BVMT	Bảo vệ môi trường
3	HSTH	Học sinh tiểu học
4	HS	Học sinh
5	GV	Giáo viên
6	KHBH	Kế hoạch bài học
7	TBDH	Thiết bị dạy học
8	CNTT	Công nghệ thông tin
9	PPDH	Phương pháp dạy học
10	SGK	Sách giáo khoa
11	PHT	Phiếu học tập

DANH MỤC CÁC BẢNG

Bảng 1.1: Tầm quan trọng của việc dạy học tích hợp giáo dục BVMT	18
thông qua môn Khoa học lớp 4	18
Bảng 1.2: Hiệu quả của việc lồng ghép, tích hợp các kiến thức BVMT	19
trong môn Khoa học lớp 4.....	19
Bảng 1.3: Các nội dung tích hợp giáo dục BVMT trong môn Khoa học lớp 4.....	21
Bảng 2.1: Các nội dung tích hợp giáo dục BVMT trong môn Khoa học lớp 4	31
Bảng 3.1: Bảng đánh giá kết quả kế hoạch dạy học tích hợp GDMT	68
Bảng 3.2: Bảng đánh giá mục tiêu GDMT	72
Bảng 3.3: Bảng đánh giá nội dung tích hợp GDMT	72
Bảng 3.4: Bảng đánh giá phương pháp GDMT	73
Bảng 3.5: Bảng đánh giá hình thức tích hợp GDMT	73
Bảng 3.6: Bảng đánh giá nguyên tắc tích hợp GDMT.....	74

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
1. Lý do chọn đề tài.....	1
2. Tổng quan tình hình nghiên cứu	3
3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu.....	7
4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu.....	7
5. Phương pháp nghiên cứu.....	8
6. Ý nghĩa khoa học và ý nghĩa thực tiễn.....	8
NỘI DUNG	10
Chương 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN CỦA ĐỀ TÀI	10
1.1. CƠ SỞ LÝ LUẬN.....	10
1.1.1. Giáo dục môi trường	10
1.1.1.1. Khái niệm môi trường.....	10
1.1.1.2. Khái niệm bảo vệ môi trường	11
1.1.1.3. Khái niệm giáo dục môi trường	12
1.1.2. Dạy học tích hợp giáo dục môi trường	13
1.1.2.1. Tích hợp	13
1.1.2.2. Tích hợp giáo dục môi trường.....	14
1.1.2.3. Tích hợp giáo dục môi trường trong dạy học tiểu học.....	16
1.2. CƠ SỞ THỰC TIỄN.....	17
1.2.1. Thực trạng giáo dục bảo vệ môi trường trong dạy môn Khoa học ở trường Tiểu học	17
1.2.2. Cấu trúc nội dung chương trình môn Khoa học lớp 4	21
KẾT LUẬN CHƯƠNG 1.....	22
Chương 2: TÍCH HỢP GIÁO DỤC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TRONG DẠY HỌC MÔN KHOA HỌC LỚP 4.....	24
2.1. QUY TRÌNH THIẾT KẾ KẾ HOẠCH DẠY HỌC TÍCH HỢP GIÁO DỤC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TRONG MÔN KHOA HỌC LỚP 4.....	24
2.1.1. Xác định mục tiêu chính của bài và mục tiêu giáo dục môi trường	24
2.1.2. Chia nội dung bài học thành từng phần tương ứng với các hoạt động dạy học	27
2.1.3. Chọn hoạt động có thể tích hợp nội dung giáo dục môi trường	27

2.1.4. Dự tính thời gian và lựa chọn phương pháp cụ thể.....	27
2.1.5. Thiết kế các hoạt động dạy học.....	28
2.2. CÁC NỘI DUNG TÍCH HỢP GIÁO DỤC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TRONG MÔN KHOA HỌC LỚP 4	31
2.3. MỘT SỐ BÀI SOẠN THIẾT KẾ KẾ HOẠCH DẠY HỌC TÍCH HỢP GIÁO DỤC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG	36
KẾT LUẬN CHƯƠNG 2.....	57
Chương 3: ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU	58
3.1. MỤC ĐÍCH ĐÁNH GIÁ	58
3.2. NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ	58
3.2.1. Các bài học được thiết kế tích hợp giáo dục môi trường.....	58
3.2.2. Bảng đánh giá theo các tiêu chí	59
3.3. TIẾN HÀNH ĐÁNH GIÁ	61
3.3.1. Thời gian thiết kế kế hoạch dạy học và đánh giá chuyên gia	61
3.3.2. Chọn giáo viên tham gia đánh giá.....	61
3.3.3. Cách tiến hành đánh giá	62
3.3.3.1. Xây dựng hệ thống đánh giá: đánh giá bằng 2 phiếu đánh giá.....	62
3.3.3.2. Hướng dẫn kĩ thuật đánh giá.....	62
3.3.3.3. Trưng cầu ý kiến các chuyên gia	68
3.3.3.4. Thu thập và xử lý các ý kiến.....	68
3.4. KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ	68
3.4.1. Phân tích định lượng	68
3.4.2. Phân tích định tính	74
KẾT LUẬN CHƯƠNG 3.....	76
KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ.....	77
1. Kết luận	78
2. Kiến nghị.....	79
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	80
PHỤ LỤC	

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Môi trường đã trở thành vấn đề chung của nhân loại, được toàn thế giới quan tâm. Nằm trong khung cảnh chung của thế giới, đặc biệt là khu vực Châu Á – Thái Bình Dương, môi trường Việt Nam đang xuống cấp, có nơi bị hủy hoại nghiêm trọng gây nên nguy cơ mất cân bằng sinh thái; sự cạn kiệt các nguồn tài nguyên, làm ảnh hưởng đến chất lượng cuộc sống và phát triển của đất nước. Cùng với sự phát triển của nền kinh tế thị trường, sự mở mang các đô thị và sự phát triển của công nghiệp đã và đang làm nảy sinh những vấn đề trong an ninh lương thực, an toàn thực phẩm, đảm bảo vệ sinh môi trường. Một trong những nguyên nhân chính là do nhận thức và thái độ của con người đối với môi trường còn hạn chế. Từ đó một vấn đề đặt ra là: cần thiết phải tăng cường giáo dục BVMT.

BVMT là việc làm, hành động không của riêng một cá nhân hay một tổ chức nào mà đó là sự chung sức, nỗ lực của toàn nhân loại. Mỗi việc làm của chúng ta đều tác động và ảnh hưởng trực tiếp đến môi trường, đó có thể là tác động mang ảnh hưởng tích cực, cũng có thể ảnh hưởng tiêu cực tới môi trường. Sự ảnh hưởng đó không chỉ tác động đến chúng ta mà nó sẽ tác động vô cùng lớn đến những thế hệ mai sau.

Giáo dục với nhiệm vụ đào tạo ra những con người không những có kiến thức mà còn phải hội tụ đủ các kỹ năng để đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của xã hội. Nhằm nâng cao ý thức BVMT cho các em học sinh, những mầm non tương lai của đất nước, trong nhà trường kiến thức BVMT đã được lồng ghép vào bài học để giáo dục ý thức cho các em.

Hoa Lư là một huyện thuộc tỉnh Ninh Bình, có vị trí đặc biệt quan trọng trong sự phát triển kinh tế, hội nhập của tỉnh. Bên cạnh đó, Hoa Lư còn được coi là cầu nối giao lưu giữa các huyện với Thành phố Ninh Bình. Được thiên nhiên ban tặng Hoa Lư có nhiều danh lam thắng cảnh với những giá trị văn hóa, lịch sử đặc sắc. Với bề dày truyền thống văn hóa, lịch sử kiến tạo

nên một Hoa Lư hôm nay trở thành huyện đạt chuẩn nông thôn mới đầu tiên của tỉnh Ninh Bình với 1 thị trấn, 10 xã tương ứng với 11 trường Tiểu học. Bên cạnh đó, sự gia tăng về lượng khách du lịch đã kéo theo vấn nạn về tình trạng ô nhiễm môi trường trên địa bàn huyện cũng như sự phát triển của các làng nghề, các cơ sở sản xuất,... đang có những tác động tiêu cực ảnh hưởng tới môi trường và căn bản nguyên nhân chính vẫn là do sự thiếu hiểu biết của mọi người còn chưa cao, chưa có ý thức BVMT.

GDMT cho học sinh ở trường Tiểu học chiếm vị trí đặc biệt quan trọng bởi trường Tiểu học là nơi đào tạo thế hệ trẻ - những chủ nhân tương lai của đất nước. Ngay từ khi được ngồi trên ghế nhà trường cần giáo dục cho các em một cách có hệ thống về tư tưởng, thái độ và về tình cảm. GDMT cho HSTH vừa đem lại những lợi ích trước mắt và cả lợi ích lâu dài vì vậy việc làm này được coi là hiệu quả và bền vững nhất. Việc GDMT trong nhà trường Tiểu học là một quá trình nhận thức giúp các em hiểu biết về thiên nhiên, môi trường, từ đó giáo dục các em ý thức quan tâm thường xuyên đến môi trường, dần dần hình thành ở các em lòng yêu thích, tôn trọng thiên nhiên, BVMT sống, phong cảnh đẹp, các di tích lịch sử của đất nước.

Các môn Tự nhiên xã hội, đặc biệt là phân môn Khoa học lớp 4 là một môn học có rất nhiều nội dung GDMT được lồng ghép trong tiết dạy. Các em được học môn Khoa học chính là được tìm hiểu về những sự vật, hiện tượng đang diễn ra hàng ngày, hàng giờ xung quanh các em.

Có thể nói rằng, nâng cao hiểu biết về khoa học và các vấn đề môi trường trong cuộc sống là nhằm kích thích nghiên cứu, quan sát, phân tích, suy luận và đánh giá có phê phán để hình thành khả năng tiếp nhận thông tin và thu thập bằng chứng, giải quyết vấn đề theo hướng phát huy tính tích cực, sáng tạo của học sinh. Tuy nhiên những tài liệu, những công trình nghiên cứu về tích hợp GDMT trong dạy học môn Khoa học lớp 4 còn chưa nhiều, các đề tài nghiên cứu phần lớn vẫn mang lý thuyết chưa cụ thể vào quá trình dạy học thực tế cho học sinh thông qua môn Khoa học lớp 4.

Xuất phát từ những lí do trên, chúng tôi đã chọn đề tài: “***Thiết kế kế hoạch dạy học tích hợp giáo dục bảo vệ môi trường trong môn Khoa học lớp 4 ở trường Tiểu học***”.

2. Tổng quan tình hình nghiên cứu

2.1. Trên thế giới

Từ thập kỷ 70, giáo dục môi trường đã được đưa vào hệ thống trung học phổ thông ở nhiều nước như: Mexico, Mỹ và Liên Xô cũ. Những chủ đề về BVMT không chỉ được lồng ghép vào những môn học có nhiều liên quan đến môi trường như Sinh học, Địa lý, Hóa học và cả các môn học khác như: Giáo dục công dân, Đạo đức, Thẩm mỹ học... [11].

Trước những năm 1960, lĩnh vực gần gũi nhất với GDMT là các nghiên cứu thiên nhiên, nghiên cứu nông thôn và điều tra hiện trường. Vào thời gian này việc nghiên cứu các loài được thực hiện riêng lẻ để tìm hiểu về đặc điểm riêng, hành vi và nhu cầu của chúng. Sau đó, khái niệm Sinh thái ra đời, mối quan hệ tương tác giữa các loài với nhau cũng như giá trị của các hệ sinh thái bắt đầu được đánh giá đúng.

Năm 1972, tại Hội nghị toàn cầu lần thứ nhất về môi trường được tổ chức tại Stockholm (Thụy Điển), khái niệm GDMT chính thức ra đời. Sự ra đời của GDMT góp phần giúp con người nhận thức rõ hơn tác động của mình đối với môi trường. Tiếp theo hội nghị Stockholm, một số hội nghị quốc tế khác về GDMT đã được tổ chức, trong đó có hội nghị ở Belgrade (1975). Tại đây, định nghĩa đầu tiên về giáo dục được đề xuất. Năm 1977, Hội nghị liên chính phủ về GDMT - tổ chức ở Tbilisi (Nga) đã chính thức đưa ra định nghĩa và các nguyên tắc của GDMT [22].

2.2. Ở Việt Nam

Tài liệu “*Giáo dục môi trường cho học sinh tiểu học*” (2002) thuộc dự án của Tổ chức Phát triển Hà Lan nghiên cứu xây dựng chương trình giảng dạy về BVMT trong các trường Tiểu học nhằm mục đích thay đổi hành vi BVMT của HSTH bằng việc học tập nâng cao nhận thức về môi trường cho các em HSTH thông qua các hoạt động đã được thiết kế trong chương trình giảng dạy [5].

Theo tác giả Nguyễn Thơ (2015), ở trường học việc GDMT cho học sinh tất yếu phải thông qua môn học. Tuy nhiên, quỹ thời gian học tập ở trường có hạn, nên vấn đề GDMT phải được tích hợp thông qua một số môn học, mà nội dung có quan hệ gần gũi với môi trường [19].

Theo tác giả Nguyễn Thị Thấn (2009) thì ở cấp Tiểu học các môn học như: Tự nhiên và xã hội, Khoa học, Lịch sử và địa lý có khả năng GDMT nổi trội so với các môn học còn lại. Qua các môn học đó, giúp học sinh có được những kiến thức cơ bản về môi trường cũng như cơ sở khoa học của các biện pháp cải thiện và BVMT [18].

Trong bài viết *“Môn tự nhiên xã hội lớp 3 mới với những vấn đề giáo dục bảo vệ môi trường”* (2004) của tác giả Dương Quang Ngọc cho biết: Trong quá trình giảng dạy môn Tự nhiên và Xã hội lớp 3 cần giúp học sinh hiểu được những vấn đề như tầm quan trọng của con người; nguyên nhân chính gây ô nhiễm môi trường, vệ sinh môi trường và trách nhiệm của học sinh; sự phong phú đa dạng của giới sinh vật trên trái đất và những nguy cơ đe dọa chúng. Từ đó hình thành cho học sinh những biểu tượng ban đầu về môi trường tự nhiên, hình thành trong chúng tình yêu thiên nhiên, gia đình, trường lớp, có ý thức sống ngăn nắp, gọn gàng, tiết kiệm [14].

Trong cuốn *“Giáo dục bảo vệ môi trường trong môn Tiếng việt cấp tiểu học”* (2010), của Bộ Giáo dục và Đào tạo đã nêu một trong những nguyên nhân chính gây ô nhiễm môi trường là do sự thiếu hiểu biết về môi trường và GDMT. Do đó, cần phải giáo dục cho mọi người đặc biệt là HSTH để hiểu biết được về môi trường và tầm quan trọng của môi trường [3].

Theo tác giả Nguyễn Minh Giang và Hoàng Thy Thơ (2013) thì việc quan sát trực tiếp môi trường xung quanh có tác dụng hình thành ở học sinh những biểu tượng sinh động, đầy đủ, chính xác và chân thực về các sự vật và hiện tượng. Các em có thể thấy được vẻ đẹp, sự kì diệu hay hiện trạng của môi trường xung quanh mình. Đó là cơ sở quan trọng để giáo dục cho học sinh tình cảm và ý thức giải quyết các vấn đề môi trường, cải thiện hiện trạng và BVMT sống của mình [9].

Tác giả Đặng Thị Hồng Nhung (2015) cho rằng: Giáo dục BVMT được thực hiện cho tất cả các khối Tiểu học từ lớp 1 đến lớp 5, thì học sinh lớp 1, 2, 3 có nhận thức và hiểu biết về vấn đề BVMT ở mức độ giản đơn hơn. Tuy nhiên, tỷ lệ học sinh có ý thức giữ gìn vệ sinh chung, cất đồ dùng học tập đúng nơi quy định ở tất cả các lứa tuổi đều đã tăng lên nhiều; học sinh biết sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả, đặc biệt tăng từ 60% - 100% (đối với lớp 4,5). Ngoài ra, các em đã nhận biết và phân loại rác tăng từ 60 – 90% (đối với lớp 4, 5) và 40% - 70% (đối với lớp 1, 2, 3); *“Học sinh đã biết giúp đỡ gia đình, hứng thú tham gia làm các công việc nhẹ nhàng như quét nhà, tưới cây, chăm sóc, bảo vệ cây xanh”*; ngoài ra các em còn biết hành vi nào của mọi người là BVMT hay phá hoại môi trường [15].

Theo tác giả Võ Trung Minh (2015), thông qua tích hợp GDMT dựa vào trải nghiệm, học sinh có nhiều điều kiện thuận lợi để thể hiện hết những hiểu biết, kết hợp với khai thác các giác quan của cá nhân, rèn luyện hành vi và thói quen BVMT. GDMT dựa vào trải nghiệm sẽ giúp cho giáo viên và học sinh được tiếp xúc với môi trường thực tiễn, thể hiện các hoạt động BVMT có hiệu quả. Đồng thời, GDMT dựa vào trải nghiệm còn giúp cho học sinh và giáo viên kiểm nghiệm, vận dụng những kiến thức đã được học vào thực tiễn BVMT; điều chỉnh kịp thời những hành vi, thái độ gây ảnh hưởng xấu đến môi trường sống [13].

Theo Nguyễn Thơ (2015): Tích hợp không chỉ là để tinh giản, thu gọn, mà trong chừng mực nào đấy chúng ta có điều kiện bổ sung thêm kiến thức cho người học, đồng thời còn làm cho nội dung bài giảng thêm phong phú, tiết học trở nên hấp dẫn hơn...mà vẫn không làm ảnh hưởng đến nội dung bài học. Môn Tự nhiên và Xã hội ở lớp 1, 2, 3 là môn học có nhiều thuận lợi để tích hợp nội dung GDMT cho học sinh. Việc giáo dục cho học sinh có ý thức BVMT không phải ngày một, ngày hai... mà phải được giáo dục thường xuyên từ năm này qua năm khác, từ cấp học này lên cấp học khác, thậm chí là giáo dục suốt đời...Vì vậy, đòi hỏi giáo viên phải nghiên cứu thực hiện ở nhiều mức độ khác nhau và có thể tiến hành bằng nhiều hình thức, phương

pháp khác nhau... mới mong đạt được kết quả tốt trong việc tích hợp GDMT cho học sinh [19].

Bài viết “*Giáo dục môi trường ngoài giờ lên lớp*” (2005) của Dương Thị Thúy Giang đã kết luận: Do cán bộ quản lý, giáo viên thiếu kiến thức cũng như kỹ năng cần thiết về công tác GDMT và GDMT ngoài giờ lên lớp nên việc GDMT chưa nằm trong kế hoạch hoạt động của các tổ chuyên môn, tổ chủ nhiệm, tổ chức các hoạt động ở ngoài trời giáo viên chưa chú ý khai thác đầy đủ mục tiêu giáo dục khác...[8].

Nguyễn Thị Hường và Lê Thanh Hương (2011) cho rằng: việc sử dụng phương pháp điều tra khi dạy học chủ đề “môi trường và tài nguyên thiên nhiên” của môn Khoa học ở Tiểu học có thể giúp học sinh cơ hội tìm hiểu bài học một cách sinh động, hấp dẫn; rèn luyện cho học sinh những kỹ năng như quan sát, phân tích, đo đạc, khả năng thích ứng với môi trường, kỹ năng xử lý tình huống. Đồng thời, học tập theo phương pháp điều tra còn tạo điều kiện để học sinh tìm hiểu rõ thực tế địa phương và các biện pháp BVMT mà người dân thực hiện; từ đó, giáo dục cho học sinh lòng yêu quê hương, đất nước, giáo dục ý thức BVMT [10].

GDMT là một việc làm rất cần thiết và quan trọng, nhất là với lứa tuổi HSTH. Tuy nhiên chúng ta giáo dục học sinh ý thức BVMT bằng cách nào, hình thức nào đó là một vấn đề đáng quan tâm. Chính vì thế chúng tôi đã chọn nghiên cứu về tích hợp giáo dục BVMT trong dạy học môn Khoa học lớp 4 vì trong môn Khoa học có rất nhiều nội dung hay có thể tích hợp BVMT qua nội dung bài học. Như thế sẽ giúp các em có thái độ và cách ứng xử đúng đắn về các vấn đề môi trường và ý thức đúng đắn được tầm quan trọng của môi trường với cuộc sống các em và mọi người xung quanh.

Như vậy, cho đến nay đã có rất nhiều công trình nghiên cứu về tích hợp nội dung GDMT trong dạy học các môn học ở Tiểu học, tuy nhiên để đi sâu vào việc GDMT trong các bài học cụ thể còn hạn chế đặc biệt là việc phân tích các nội dung dạy học để tích hợp GDMT, vì vậy trong đề tài nghiên cứu của mình chúng tôi tập trung vào việc nghiên cứu quy trình và thiết kế các kế

hoạch dạy học tích cực có tích hợp giáo dục BVMT nhằm nâng cao hiệu quả của việc dạy môn Khoa học lớp 4 nói chung và GDMT nói riêng.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

3.1. Mục đích nghiên cứu

Thiết kế kế hoạch dạy học tích hợp nội dung giáo dục BVMT trong dạy học môn Khoa học lớp 4 nhằm giúp học sinh khắc sâu được kiến thức, rèn luyện một số kỹ năng và nâng cao ý thức BVMT.

3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Nghiên cứu cơ sở lí luận, cơ sở thực tiễn của việc thiết kế kế hoạch dạy học tích hợp giáo dục BVMT.

Nghiên cứu cấu trúc chương trình và nội dung của môn Khoa học lớp 4 làm cơ sở xây dựng nội dung cần tích hợp.

Xác định quy trình thiết kế kế hoạch dạy học giáo dục BVMT trong dạy học ở trường Tiểu học và trong dạy học môn Khoa học lớp 4.

Vận dụng quy trình thiết kế kế hoạch dạy học giáo dục BVMT để lập kế hoạch dạy học một số bài, chủ đề cụ thể của môn Khoa học lớp 4.

Phân tích kết quả đánh giá nội dung tích hợp của các giáo viên dạy môn Khoa học lớp 4.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

4.1. Đối tượng nghiên cứu

Tích hợp giáo dục BVMT trong dạy học môn Khoa học lớp 4.

4.2. Phạm vi nghiên cứu

Nội dung: Thiết kế kế hoạch dạy học tích hợp giáo dục BVMT vào một số nội dung dạy học môn Khoa học lớp 4.

Thời gian: Từ tháng 10 năm 2019 đến tháng 5 năm 2020.

Không gian: Trường Tiểu học Trường Yên, Trường Tiểu học Ninh An và Trường Tiểu học thị trấn Thiên Tôn của huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình.

5. Phương pháp nghiên cứu

5.1. Nghiên cứu lý luận

Phân tích, tổng hợp, so sánh, hệ thống hóa những vấn đề lý luận có liên quan đến đề tài.

5.2. Nghiên cứu thực tiễn

5.2.1. Phương pháp điều tra, phỏng vấn

Phiếu điều tra: Điều tra thực trạng GDMT ở một số trường Tiểu học huyện Hoa Lư để tìm hiểu mức độ nhận thức về vấn đề môi trường và BVMT của giáo viên và học sinh. Sử dụng phiếu điều tra để thu nhận xét đánh giá của giáo viên về các kế hoạch bài học đã thiết kế.

Phỏng vấn giáo viên, học sinh, trao đổi với tổ trưởng tổ chuyên môn môn học nói chung và dạy học môn Khoa học nói riêng. Với cán bộ quản lý nhà trường Tiểu học về thực tế giảng dạy tích hợp kiến thức giáo dục BVMT qua dạy học.

5.2.2. Phương pháp quan sát

Tiến hành quan sát các hoạt động giáo dục BVMT, việc tổ chức các hoạt động về giáo dục BVMT nhằm xác định những khó khăn, hạn chế của người dạy, người học trong dạy học tích hợp giáo dục BVMT.

5.2.3. Phương pháp chuyên gia

Phương pháp chuyên gia: sử dụng đội ngũ giáo viên có năng lực, trình độ và kinh nghiệm dạy học đưa ra các nhận xét, đánh giá kết quả thiết kế kế hoạch dạy học đã bằng các phiếu đánh giá.

5.3. Phương pháp thống kê toán học

Xử lý kết quả điều tra bằng phương pháp thống kê toán học, từ đó rút ra kết luận của đề tài.

6. Ý nghĩa khoa học và ý nghĩa thực tiễn

6.1. Ý nghĩa khoa học

Hệ thống hóa được các nguyên tắc, quy trình thiết kế kế hoạch dạy học hoàn thiện lý luận dạy học tích hợp giáo dục BVMT theo đổi mới phương pháp dạy học hiện nay.

6.2. Ý nghĩa thực tiễn

Các kế hoạch dạy học xây dựng theo quy trình thiết kế kế hoạch dạy học tích hợp giáo dục ý thức BVMT làm tư liệu dạy học góp phần nâng cao hiệu quả tích hợp giáo dục BVMT trong dạy học môn Khoa học lớp 4, đồng thời nâng cao ý thức BVMT cho HSTH.

NỘI DUNG

Chương 1

CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN CỦA ĐỀ TÀI

1.1. CƠ SỞ LÝ LUẬN

1.1.1. Giáo dục môi trường

1.1.1.1. Khái niệm môi trường

Theo cuốn *Môi trường và con người* của Mai Đình Yên định nghĩa môi trường như sau: “Môi trường là một khái niệm gắn liền với sự sống, bao gồm những thực thể và hiện tượng của tự nhiên, bảo đảm cho sự phát sinh và phát triển của sự sống. Nói cách khác, môi trường là toàn bộ các điều kiện tự nhiên tác động trực tiếp hoặc gián tiếp đến đời sống của sinh vật” [20].

Theo Điều 1, Luật Bảo vệ môi trường của Việt Nam, năm 1993 đưa ra định nghĩa về môi trường như sau: “Môi trường bao gồm các yếu tố tự nhiên và yếu tố vật chất nhân tạo có quan hệ mật thiết với nhau, bao quanh con người, có ảnh hưởng tới đời sống, sản xuất, sự tồn tại, phát triển của con người và thiên nhiên [16].

Theo Lê Văn Khoa (1995): “Môi trường theo nghĩa rộng nhất là tập hợp các điều kiện bên ngoài có ảnh hưởng tới một vật thể hoặc một sự kiện. Bất cứ một vật thể, một sự kiện nào cũng tồn tại và diễn biến trong một môi trường”. Khái niệm chung về môi trường như vậy được cụ thể hoá đối với từng đối tượng và từng mục đích nghiên cứu [12].

Đối với cơ thể sống thì “Môi trường sống” là tổng hợp những điều kiện bên ngoài có ảnh hưởng tới đời sống và sự phát triển của cơ thể.

Theo Vũ Trung Tạng (2000): “Môi trường là một phần của ngoại cảnh, bao gồm các hiện tượng và các thực thể của tự nhiên,... mà ở đó, cá thể, quần thể, loài,... có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp bằng các phản ứng thích nghi của mình” [17].

Theo cuốn giáo trình về *Môi trường và con người* của Nguyễn Xuân Cự, Nguyễn Thị Phương Loan đã định nghĩa về môi trường như sau:

“Môi trường của một vật thể, sự kiện, sinh vật là tổng hợp các điều kiện bên ngoài có ảnh hưởng tới vật thể, sự kiện, sinh vật đó. Môi trường tự nhiên là một hệ thống thống nhất, ổn định, cân bằng động, tồn tại và vận động tuân theo những quy luật tự nhiên nhất định. Các đặc trưng cơ bản của hệ thống chỉ được duy trì và thể hiện khi hệ thống được bảo toàn nguyên trạng và ổn định.

Môi trường sống của con người theo nghĩa rộng là cả vũ trụ bao la, bao gồm tổng hợp các điều kiện tự nhiên (tài nguyên và môi trường), nhân tạo (công cụ, phương tiện,...), xã hội (tổ chức, thể chế, luật lệ,...) bao quanh và có ảnh hưởng tới con người nói riêng và sự phát triển của xã hội loài người nói chung” [4].

Thông qua các khái niệm trên chúng ta có thể nhận thấy *môi trường sống của con người rất đa dạng và phức tạp, bao gồm môi trường tự nhiên, môi trường xã hội và môi trường nhân tạo. Nhưng chúng lại có mối quan hệ chặt chẽ và tác động qua lại với nhau.* Đặc biệt là sau Hội nghị thượng đỉnh Trái Đất Rio năm 1992 thì vấn đề môi trường được nhấn mạnh tới việc giải quyết các mâu thuẫn giữa sự phát triển kinh tế xã hội và nhận thức của mỗi con người về BVMT trong cuộc sống hàng ngày.

Như vậy, chúng ta có thể hiểu *môi trường là tất cả các yếu tố tự nhiên, các dạng vật chất bao quanh chúng ta và những dạng vật chất do con người tạo ra, có ảnh hưởng và tác động tới quá trình lao động, sản xuất, sinh sống và phát triển của con người, sinh vật hiện tại trong tương lai.*

1.1.1.2. Khái niệm bảo vệ môi trường

Khái niệm BVMT được Luật bảo vệ môi trường của Việt Nam (1993) ghi rõ: “BVMT là những hoạt động giữ gìn cho môi trường trong lành, sạch đẹp, cải thiện môi trường, đảm bảo cân bằng sinh thái, ngăn chặn, khắc phục những hậu quả xấu do con người và thiên nhiên gây ra cho môi trường, khai thác, sử dụng hợp lý và tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên” [16].

Theo Luận án Tiến sĩ của Võ Trung Minh thì: “BVMT là ý muốn chung hướng tới việc sử dụng hợp lý có cải tạo và phục hồi các nguồn tài nguyên trong thiên nhiên, bảo vệ tính đa dạng sinh học, sự cân bằng sinh thái, phòng chống sự suy thoái và ô nhiễm môi trường” [13].

Đại hội Đảng Cộng sản Việt Nam lần thứ XI khẳng định: “BVMT là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị, toàn xã hội và của mọi công dân. Kết hợp chặt chẽ giữa kiểm soát, ngăn ngừa, khắc phục ô nhiễm với khôi phục và BVMT sinh thái. Phát triển năng lượng sạch, sản xuất sạch, tiêu dùng sạch. Đẩy mạnh công tác nghiên cứu, dự báo và ứng phó với sự biến đổi khí hậu, các thảm họa thiên nhiên. Tăng cường quản lý, bảo vệ và sử dụng hợp lý, có hiệu quả tài nguyên quốc gia” [7].

Như vậy, *BVMT là không làm thay đổi tới sự phát triển của nền kinh tế - xã hội mà đảm bảo cho kinh tế - xã hội không ngừng phát triển, bên cạnh sự phát triển kinh tế phải đi đôi với BVMT. BVMT chính là bảo vệ cuộc sống của mỗi chúng ta khỏi những tác hại xấu từ môi trường đem lại bầu không khí, chất lượng cuộc sống tốt nhất.*

1.1.1.3. Khái niệm giáo dục môi trường

Bên cạnh sự phát triển nhanh chóng của nền kinh tế - xã hội cả về tốc độ lẫn quy mô thì vấn đề môi trường và BVMT ngày càng trở nên cần thiết với tất cả nhân loại. Nó là một vấn đề thời sự được quan tâm hơn bao giờ hết. Từ đó, có nhiều phương hướng đưa ra để gìn giữ môi trường ngày càng bền vững, như vậy một thuật ngữ “giáo dục môi trường” đã được nhắc tới ngày càng nhiều trong những thập niên gần đây. Để hiểu hơn về GDMT chúng tôi đã tìm hiểu về khái niệm môi trường như sau:

- Trong Luật Giáo dục môi trường của Mỹ (1970), GDMT được định nghĩa như sau: “GDMT là quá trình giúp cho người học hiểu được mối quan hệ giữa con người với môi trường tự nhiên và môi trường xã hội bao quanh, nhận thức được các vấn đề dân số, ô nhiễm, bảo toàn thiên nhiên, kỹ thuật, phát triển đô thị và nông thôn,... có ảnh hưởng đến môi trường con người như thế nào” [6].

- Tại hội thảo “GDMT trong chương trình của trường học” của IUCN (Hiệp hội Quốc tế về Tự nhiên và Tài nguyên thiên nhiên) năm 1970, GDMT được định nghĩa như sau: “GDMT là một quá trình hình thành những nhận thức, hiểu biết về mối quan hệ qua lại giữa con người với môi trường tự nhiên

và xã hội bao quanh con người. Hơn nữa, GDMT cũng đòi hỏi hình thành ở người học khả năng quyết định và những hành động liên quan tới chất lượng môi trường” [6].

Từ các khái niệm trên, chúng ta có thể hiểu rằng *GDMT là một quá trình giúp con người hiểu được sự tác động qua lại giữa các yếu tố trong môi trường với con người, từ đó con người có hiểu biết, nhận thức được tầm quan trọng của môi trường để đưa ra những hành động, việc làm tích cực BVMT.*

1.1.2. Dạy học tích hợp giáo dục môi trường

1.1.2.1. Tích hợp

Theo cuốn *Tích hợp giáo dục môi trường trong dạy học các môn học về Tự nhiên và xã hội* của Nguyễn Thị Thân thì “tích hợp là sự kết hợp một cách hữu cơ, có hệ thống các kiến thức, khái niệm quen thuộc, các môn học khác nhau thành một nội dung thống nhất, dựa trên cơ sở các mối liên hệ về lí luận và thực tiễn được đề cập trong các môn học đó” [18].

Theo từ điển Tiếng Việt: “Tích hợp là sự kết hợp những hoạt động, chương trình hoặc các thành phần khác nhau thành một khối chức năng. Tích hợp là sự thống nhất, sự hài hòa, sự kết hợp” [22].

Theo từ điển Giáo dục học: “Tích hợp là hành động liên kết các đối tượng nghiên cứu, giảng dạy, học tập của cùng một lĩnh vực hoặc vài lĩnh vực khác nhau trong cùng một kế hoạch dạy” [22].

Trong tiếng Anh, tích hợp được viết là “intergration” một từ gốc Latin (integer) có nghĩa là “whole” hay “toàn bộ, toàn thể”. Có nghĩa là sự phối hợp các hoạt động khác nhau, các thành phần khác nhau của một hệ thống để bảo đảm sự hài hòa chức năng và mục tiêu hoạt động của hệ thống ấy [22].

Như vậy, *tích hợp là sự kết hợp các nguồn kiến thức bên ngoài, có liên quan với các kiến thức đã có trong bài học, đảm bảo liên kết với nhau về hình thức, mặt ý nghĩa nhằm tạo nên một nội dung có đầy đủ các yếu tố cần nói đến với đối tượng đang nói và giữa chúng phải luôn có sự thống nhất, hài hòa với nhau.*

1.1.2.2. Tích hợp giáo dục môi trường

Theo cuốn *Tích hợp giáo dục môi trường trong dạy học các môn học về Tự nhiên và xã hội* của Nguyễn Thị Thân tích hợp GDMT được định nghĩa như sau: “Tích hợp GDMT là sự kết hợp một cách có hệ thống các kiến thức GDMT và kiến thức môn học thành một nội dung thống nhất, gắn bó chặt chẽ với nhau dựa trên cơ sở các mối liên hệ về lí luận và thực tiễn được đề cập đến trong bài” [18].

❖ Mục tiêu tích hợp GDMT:

- Kiến thức:

- Cung cấp cho học sinh những hiểu biết về môi trường sống gắn bó với các em, môi trường sống của con người.
- Hình thành các khái niệm ban đầu về môi trường, môi trường tự nhiên, môi trường nhân tạo; sự ô nhiễm môi trường, BVMT.
- Biết một số tài nguyên thiên nhiên, năng lượng, quan hệ khai thác, sử dụng và môi trường. Biết mối quan hệ giữa các loài trên chuỗi thức ăn tự nhiên.
- Những tác động của con người làm biến đổi môi trường cũng như sự cần thiết phải khai thác, BVMT để phát triển bền vững.

- Kỹ năng, hành vi:

- Hình thành cho học sinh những kỹ năng ứng xử, thái độ tôn trọng và BVMT một cách thiết thực, rèn luyện năng lực nhận biết những vấn đề môi trường,...
- Tham gia một số hoạt động BVMT phù hợp với lứa tuổi; thuyết phục người thân, bạn bè có ý thức và hành vi BVMT.

- Thái độ, tình cảm:

- Yêu quý thiên nhiên, mong muốn BVMT, sống cho cây cối, con vật và con người.

❖ Các mức độ tích hợp GDMT:

- Mức độ toàn phần: mục tiêu và nội dung của bài trùng hợp phần lớn hay hoàn toàn với nội dung giáo dục BVMT.

- Mức độ bộ phận: chỉ có một phần bài học có nội dung GDMT được thực hiện bằng mục riêng, một đoạn hay một vài câu trong bài học.

- Mức độ liên hệ: các kiến thức GDMT không được nêu rõ trong sách giáo khoa nhưng không dựa vào kiến thức bài học, giáo viên có thể bổ sung, liên hệ những kiến thức GDMT.

❖ Nguyên tắc tích hợp:

- Tích hợp nhưng không làm thay đổi đặc trưng của môn học, không biến bài học bộ môn thành bài học GDMT. Nghĩa là các kiến thức GDMT được tiềm ẩn trong nội dung bài học phải có mối quan hệ logic, chặt chẽ với các kiến thức sẵn có trong bài học. Theo nguyên tắc này, các kiến thức của bài học được coi như là cơ sở cho kiến thức về môi trường.

- Khai thác nội dung GDMT có chọn lọc, tập trung vào chương, mục nhất định, không tràn lan, tùy tiện. Theo nguyên tắc này, các kiến thức GDMT phải có hệ thống, được sắp xếp hợp lí làm cho kiến thức môn học thêm phong phú, sát với thực tiễn về môi trường, tránh sự trùng lặp, thích hợp với trình độ của học sinh, không gây quá tải làm ảnh hưởng đến việc tiếp thu nội dung chính.

- Phát huy cao độ tính tích cực nhận thức của học sinh và kinh nghiệm thực tế các em đã có, tận dụng tối đa mọi khả năng để học sinh tiếp xúc trực tiếp với môi trường. Theo nguyên tắc này, các kiến thức GDMT đưa vào bài học phải phản ánh được hiện trạng về môi trường và tình hình BVMT ở địa phương nơi trường đóng, giúp học sinh giải quyết vấn đề một cách cụ thể, trực quan và sâu sắc.

- Tuy nhiên để việc GDMT địa phương đạt hiệu quả ngoài những nguyên tắc trên giáo viên cần phải:

- Dựa vào cấu trúc của chương trình: do đặc điểm của chương trình các môn về Tự nhiên và xã hội ở Tiểu học được sắp xếp theo chủ đề và phát triển theo cấu trúc đồng tâm từ lớp dưới lên lớp trên nên trong quá trình tích hợp cần rà soát toàn bộ nội dung GDMT có trong chương trình để việc sắp xếp các kiến thức về môi trường địa phương được đưa vào theo một trật tự hệ

thống hợp lí, logic, tránh sự trùng lặp, không nâng cao, mở rộng gây nhàm chán, giảm hứng thú học tập của học sinh.

- Xác định nội dung những kiến thức được tích hợp sao cho:

- ✓ Kích thích để tạo được tình cảm của học sinh đối với quê hương, làng xóm, khơi dậy lòng khát khao mong muốn cho quê hương mình xanh- sạch- đẹp.

- ✓ Giúp học sinh nhận thức được đầy đủ tình trạng thực tế, cụ thể của môi trường địa phương với cả hai mặt tích cực và tiêu cực để các em thấy được vai trò của mình đối với việc xây dựng và bảo vệ quê hương, mà trước hết là BVMT sống của bản thân, gia đình và người dân địa phương.

- ✓ Khi tích hợp kiến thức, những vấn đề môi trường địa phương cần phải được chọn lọc và tinh giản cho phù hợp với trình độ nhận thức của HSTH.

1.1.2.3. Tích hợp giáo dục môi trường trong dạy học Tiểu học

Bậc Tiểu học là bậc học nền tảng rất quan trọng, dễ tiếp thu những giá trị mới về kiến thức và kỹ năng, nên việc đưa giáo dục BVMT vào bậc học này sẽ giúp cho các em sớm có ý thức trong việc BVMT sống. Nếu được giáo dục tốt các em sẽ là lực lượng nòng cốt trong việc cải tạo, BVMT tại địa phương và đặc biệt hơn các em sẽ trở thành những tuyên truyền viên tích cực trong cộng đồng.

- Tích hợp GDMT trong dạy học Tiểu học là sự cân nhắc, lựa chọn, kết hợp chặt chẽ một cách có hệ thống các kiến thức GDMT và kiến thức môn học thành một nội dung thống nhất, gắn bó với nhau, dựa trên cơ sở các mối liên hệ được đề cập trong bài học...

❖ Ý nghĩa của việc tích hợp GDMT trong dạy học Tiểu học:

- Loại bỏ những trùng lặp về kiến thức trong từng bài học, môn học, cũng như các môn học có mối quan hệ gần gũi.

- Nhờ tích hợp mà chúng ta có điều kiện giảm bớt số lượng môn học bắt buộc, giảm bớt số lượng tiết học, nhằm dành thời gian cho các hoạt động học tập, giáo dục khác; tăng khả năng thực hành, rèn luyện các kỹ năng cần thiết...

- Nhờ tích hợp chúng ta có thêm nhiều thuận lợi để tiến hành giáo dục học sinh về các mặt: đạo đức, lao động, thẩm mỹ, thể chất...

- Nhờ tích hợp mà cùng một sự kiện, một vấn đề, một nội dung... học sinh có thể tiếp thu một cách trọn vẹn, đầy đủ hơn, cũng như thấy được các mối liên hệ có tính bản chất hơn...

Như vậy việc tích hợp GDMT trong dạy học ở Tiểu học là điều rất cần thiết và quan trọng, giúp các em có hiểu biết và nắm rõ kiến thức về môi trường qua các giờ học. Bên cạnh đó việc tích hợp GDMT trong dạy học cũng giúp cho môn học trở nên phong phú về mặt kiến thức, không bị nhàm chán cho người học. Tăng hiệu quả nhận thức và tâm trí thoải mái ngồi học của các em. Từ đó các em có cái nhìn sâu sắc hơn tới môi trường xung quanh và cuộc sống, thôi thúc hành động, chỉnh hướng hành vi của bản thân để làm những điều tốt đẹp BVMT.

1.2. CƠ SỞ THỰC TIỄN

1.2.1. Thực trạng giáo dục bảo vệ môi trường trong dạy môn Khoa học ở trường Tiểu học

Như chúng ta đã biết, việc GDMT cho HSTH là rất quan trọng bởi nhân cách không được hình thành ở cấp Tiểu học thì khó hình thành ở các cấp học khác. Chính vì vậy, ngay từ cấp Tiểu học cần trang bị cho các em kiến thức cơ bản như: các yếu tố của môi trường, vai trò của môi trường đối với con người và tác động của con người đến môi trường. Từ đó bản thân mỗi các em sẽ có tình cảm yêu quý thiên nhiên, yêu quý gia đình, trường lớp, quê hương, đất nước. Có ý thức quan tâm đến vấn đề xung quanh, giữ gìn vệ sinh cá nhân, vệ sinh môi trường.

Vì vậy chúng tôi đã tiến hành điều tra, tìm hiểu thực trạng giáo dục BVMT trong dạy môn Khoa học đối với giáo viên ở ba trường Tiểu học: Trường Tiểu học Trường Yên, Trường Tiểu học Ninh An, Trường Tiểu học thị trấn Thiên Tôn bằng các phiếu hỏi. Sau quá trình phân tích và tổng hợp chúng tôi đã thu được kết quả của quá trình điều tra như sau:

Với câu hỏi tìm hiểu về nhận thức của giáo viên việc dạy học tích hợp giáo dục BVMT thông qua môn Khoa học cho học sinh thì có tới 57,6% giáo viên đều chọn rất cần thiết, 42,4% giáo viên chọn cần thiết. Điều này chứng tỏ

được sự nhận thức của giáo viên về việc dạy học tích hợp giáo dục BVMT thông qua môn Khoa học là rất cần thiết và sự hưởng ứng là rất cao.

Bảng 1.1: Tầm quan trọng của việc dạy học tích hợp giáo dục BVMT thông qua môn Khoa học lớp 4

STT	Nội dung	Kết quả	
		Số lượng	%
1	Rất cần thiết	38	56,7
2	Cần thiết	29	43,3
3	Không cần thiết	0	0

Nhìn vào bảng số liệu trên chúng ta thấy rằng hầu hết giáo viên tiểu học hiện nay đã thực sự đề cao tầm quan trọng của việc dạy học tích hợp giáo dục BVMT thông qua môn Khoa học lớp 4 cho học sinh. Có tới 56,7 % giáo viên đánh giá việc tích hợp giáo dục BVMT thông qua môn Khoa học lớp 4 là rất cần thiết, 43,3 % giáo viên đánh giá ở mức độ cần thiết. Điều đó cho ta thấy rằng giáo viên đã rất quan tâm, chú trọng đến việc dạy học tích hợp GDMT cho học sinh.

Khi chúng tôi tìm hiểu về thực tế về việc thay đổi phương pháp trong quá trình giảng dạy tích hợp cho giáo viên tiểu học thông qua câu hỏi: “*Thầy cô có thường xuyên thay đổi phương pháp để mang lại hiệu quả trong việc giảng dạy tích hợp và tích hợp GDMT không?*”. Chúng tôi đã khi thu được kết quả: 74,6 % giáo viên trả lời ở mức độ thường xuyên, 24,6% giáo viên thỉnh thoảng thay đổi phương pháp trong quá trình dạy tích hợp và tích hợp GDMT cho học sinh. Điều đó cho chúng ta thấy rằng tất cả giáo viên đã nhận thức được việc GDMT cho học sinh là vô cùng quan trọng, để góp phần mang lại hiệu quả cho quá trình đưa kiến thức BVMT trong nội dung bài học tới các em cần phải thường xuyên thay đổi phương pháp dạy học. Điều đó sẽ giúp cho các em cảm thấy hứng thú, thoải mái trong giờ học, giờ học sẽ bớt nhàm chán. Việc giáo viên nhận thức được tầm quan trọng của việc thay đổi phương pháp dạy học sẽ tạo điều kiện cho việc tích hợp GDMT trong môn Khoa học mang lại hiệu quả cao và lan rộng hơn.

Với bất kì môn học nào thì người giáo viên cũng luôn mong muốn cho học trò của mình hứng thú, thoải mái trong quá trình tiếp thu kiến thức. Họ luôn mong được đón nhận lại những ý kiến phản hồi tích cực từ các em học sinh. Để biết được những suy nghĩ, khó khăn trong quá trình dạy học tích hợp GDMT thông qua môn Khoa học lớp 4. Với câu hỏi: “*Quý thầy (cô) có cảm nhận như thế nào về thái độ của học sinh khi dạy học tích hợp GDMT thông qua môn Khoa học lớp 4?*” thì phần lớn giáo viên cho thấy học sinh rất hứng thú trong quá trình học tập, 29,9% giáo viên chọn hứng thú và 4,4% giáo viên cho là học sinh có thái độ bình thường khi học tích hợp nội dung GDMT.

Bảng 1.2: Hiệu quả của việc lồng ghép, tích hợp các kiến thức BVMT trong môn Khoa học lớp 4

STT	Nội dung	Kết quả	
		Số lượng	%
1	Rất hiệu quả	14	20,9
2	Hiệu quả	48	71,6
3	Bình thường	5	7,5
4	Chưa hiệu quả	0	0

Hầu hết giáo viên cho rằng việc lồng ghép, tích hợp các kiến thức BVMT trong môn Khoa học lớp 4 hiện nay mang lại hiệu quả. Cụ thể là có 20,9% giáo viên đánh giá ở mức độ rất hiệu quả, 71,6% giáo viên đánh giá ở mức độ hiệu quả, 7,5% giáo viên đánh giá ở mức độ bình thường. Từ những số liệu trên chúng ta có thể dễ dàng thấy được nhận thức của giáo viên, từ đây giáo viên có thể lồng ghép các kiến thức về môi trường một cách sâu rộng hơn.

Với câu hỏi số 7 về việc tích hợp GDMT trong môn Khoa học sẽ giúp các em học sinh cảm thấy thế nào thì có đến 53,7% giáo viên được hỏi đồng ý là “*Sẽ giúp các em yêu thích môn học*”, 91% giáo viên đồng ý là “*Giúp các em cảm thấy yêu quý thiên nhiên, biết giữ gìn và bảo vệ thiên nhiên*” và 64,2% giáo viên cho rằng việc tích hợp GDMT trong môn Khoa học sẽ “*giúp*

các em ý thức được hành vi của mình”. Và một điều đáng mừng đó là việc tích hợp GDMT trong môn Khoa học “*không gây áp lực tới các em*”.

Việc tích hợp GDMT vào môn Khoa học lớp 4 là rất cần thiết, tuy nhiên không phải là giáo viên có thể tích hợp một cách tùy tiện, không có mục đích, không có trọng tâm. Để việc tích hợp GDMT vào môn Khoa học lớp 4 mang lại hiệu quả thì chúng tôi đã đưa ra một số ý kiến như sau:

- GDMT cần có sự phối hợp của các lực lượng trong và ngoài nhà trường.
- Hình thành cho học sinh kiến thức BVMT.
- Thiết kế các kế hoạch dạy học có tích hợp GDMT.
- Tổ chức các hoạt động ngoài giờ về GDMT.
- Tổ chức các hoạt động thực tế về chủ đề Môi trường của môn học.
- Cần sử dụng các phương tiện trực quan trong môn Khoa học để dạy GDMT.

Hầu hết các giáo viên đều đồng ý với các ý kiến mà chúng tôi đưa ra, tuy nhiên vẫn còn một số ít giáo viên không đồng ý.

Thông qua kết quả của các phiếu hỏi dành cho giáo viên ở một số trường Tiểu học của huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình chúng tôi có thể khẳng định rằng việc tích hợp giáo dục BVMT trong môn Khoa học lớp 4 là vô cùng cần thiết. Bên cạnh đó, môn Khoa học lớp 4 là một môn học có rất nhiều nội dung hay, phong phú và đa dạng với các chủ đề có thể tích hợp nội dung GDMT rất tốt. Điều đó giúp cho các em học sinh có thêm kiến thức về môi trường, hiểu biết hơn về tầm quan trọng của môi trường, các tác động của con người tới môi trường và ngược lại. Hiện nay việc GDMT đang được quan tâm và được các trường Tiểu học áp dụng bằng việc tổ chức các hoạt động cho học sinh nhưng còn gặp rất nhiều khó khăn về khâu xây dựng kế hoạch và hoạt động ngoại khóa tổ chức đòi hỏi kinh phí, thời gian cũng như công sức lớn. Nhưng cũng không mang lại hiệu quả cao về nhiều yếu tố khác nhau làm ảnh hưởng và chi phối mục đích hướng tới của việc giáo dục cho các em. Còn về tích hợp giáo dục BVMT thông qua môn Khoa học mang lại rất nhiều hiệu quả và dễ dàng thực hiện trong mỗi giờ học của môn Khoa học, chúng ta còn có thể thay đổi được phương pháp giảng dạy, cách thức tiến hành để đáp ứng cho

các em được học một cách thoải mái nhất. Như vậy chúng ta thấy rằng tích hợp GDMT vào môn Khoa học đã nhận được sự quan tâm rất lớn từ phía các thầy cô.

1.2.2. Cấu trúc nội dung chương trình môn Khoa học lớp 4

Môn Khoa học lớp 4 được xây dựng trên cơ sở kế thừa và phát triển từ môn Tự nhiên và Xã hội (các lớp 1, 2, 3); tích hợp những kiến thức về vật lý, hóa học, sinh học và nội dung giáo dục sức khỏe, GDMT. Cấu trúc nội dung chương trình môn Khoa học lớp 4 gồm có 70 bài trải đều trong 3 chủ đề: Con người và Sức Khỏe, Vật chất và Năng lượng, Thực vật và Động vật. Chủ đề Con người và Sức khỏe gồm 19 bài từ bài 1 đến bài 19; chủ đề Vật chất và Năng lượng gồm 37 bài từ bài 20 đến bài 56; chủ đề Thực vật và Động vật gồm 14 bài từ bài 57 đến bài 70 [1]. Cụ thể như sau:

Bảng 1.3: Các nội dung tích hợp giáo dục BVMT trong môn Khoa học lớp 4

Chủ đề	Nội dung
Con người và sức khỏe	1. Trao đổi chất ở người - Một số biểu hiện về sự trao đổi chất giữa cơ thể người và môi trường. - Vai trò của các cơ quan trong sự trao đổi chất giữa cơ thể người với môi trường. 2. Nhu cầu dinh dưỡng - Một số chất dinh dưỡng có trong thức ăn và vai trò của chúng đối với cơ thể. - Dinh dưỡng hợp lý. - An toàn thực phẩm. 3. Vệ sinh phòng bệnh - Phòng một số bệnh do ăn thiếu hoặc thừa chất dinh dưỡng. - Phòng một số bệnh lây qua đường tiêu hóa. 4. An toàn trong cuộc sống - Phòng tránh tai nạn đuối nước.
Vật chất	1. Nước

và năng lượng	- Tính chất. - Vai trò. - Sử dụng và bảo vệ nguồn nước. 2. Không khí - Tính chất, thành phần. - Vai trò. - Bảo vệ không khí. 3. Ánh sáng - Vật tự phát sáng và vật được phát sáng. - Vật cho ánh sáng đi qua và vật cản sáng. - Vai trò của ánh sáng. Sử dụng ánh sáng trong đời sống. 4. Nhiệt - Nhiệt độ, nhiệt kế. - Nguồn nhiệt, vật dẫn nhiệt và vật cách nhiệt. - Vai trò của nhiệt. Sử dụng an toàn và tiết kiệm một số nguồn nhiệt trong sinh hoạt. 5. Âm thanh - Nguồn âm. - Vai trò của âm thanh trong cuộc sống. - Một số biện pháp chống tiếng ồn.
Thực vật và Động vật	1. Trao đổi chất ở thực vật - Nhu cầu không khí, nước, chất khoáng, ánh sáng, nhiệt. - Sự trao đổi chất giữa thực vật với môi trường. 2. Trao đổi chất ở động vật - Nhu cầu không khí, nước, chất khoáng, nhiệt. - Sự trao đổi chất giữa động vật với môi trường. 3. Chuỗi thức ăn trong tự nhiên - Một số ví dụ về chuỗi thức ăn trong tự nhiên. - Vai trò của thực vật đối với sự sống trên Trái Đất.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 1

Qua nghiên cứu cơ sở lý luận và cơ sở thực tiễn của việc tích hợp GDMT trong môn Khoa học lớp 4 ở trường Tiểu học, chúng tôi rút ra một số kết luận sau:

- Đối với GDMT, đây là một vấn đề cấp thiết, được Đảng và Nhà nước chú trọng quan tâm. Trong những năm qua Đảng và Nhà nước cùng với các cấp lãnh đạo, các ban ngành, các đoàn thể, tổ chức đã và đang không ngừng đưa ra phương hướng chỉ đạo, kế hoạch triển khai thực hiện nhằm giáo dục ý thức BVMT cho tất cả mọi người, mọi đối tượng tầng lớp nhân dân, nhất là các em học sinh tiểu học.

- Về GDMT cho các em học sinh tiểu học đã nhận được rất nhiều sự quan tâm của nhiều chuyên gia nghiên cứu để tìm ra phương hướng, giải pháp GDMT tới các em làm sao mang lại hiệu quả tốt nhất và thực hiện nó có hiệu quả. Giúp các em hiểu biết tốt hơn về lợi ích được sống trong điều kiện môi trường tốt đẹp và ngược lại. Từ đó các em sẽ có ý thức, thái độ thay đổi hành vi của bản thân để BVMT.

- Nắm bắt được tầm quan trọng của việc tích hợp GDMT, phía nhà trường Tiểu học đã tổ chức việc tích hợp nội dung GDMT vào các môn học chính khóa và vào trong các hoạt động ngoại khóa. Tuy nhiên, việc tích hợp giáo dục BVMT vào trong môn Khoa học lớp 4 ở trường Tiểu học vẫn chưa được thực hiện hay có tích hợp thì mới chỉ sơ qua chưa mang tính cụ thể để giáo dục các em học sinh.

- Môn Khoa học lớp 4 là môn học cung cấp cho học sinh những kiến thức về tự nhiên, gần gũi trong cuộc sống xoay quanh những sự vật, hiện tượng đang diễn ra hàng ngày, hàng giờ xung quanh các em. Trước thực trạng môi trường ngày nay đang bị ô nhiễm trầm trọng thì việc dạy học tích hợp GDMT trong môn Khoa học lớp 4 ở trường Tiểu học là vô cùng cần thiết. Giáo viên đã nhận thức được tầm quan trọng của việc GDMT vào trong môn Khoa học lớp 4 tuy nhiên việc thực hiện vẫn chưa thực sự đem lại hiệu quả cao.

Chương 2

TÍCH HỢP GIÁO DỤC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TRONG DẠY HỌC MÔN KHOA HỌC LỚP 4

2.1. QUY TRÌNH THIẾT KẾ KẾ HOẠCH DẠY HỌC TÍCH HỢP GIÁO DỤC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TRONG MÔN KHOA HỌC LỚP 4

Quy trình thiết kế kế hoạch dạy học tích hợp GDMT được hiểu là trình tự các thao tác để tạo ra kế hoạch dạy học tích hợp GDMT, đạt được mục tiêu dạy học nhất định. Để thiết kế kế hoạch dạy học tích hợp GDMT cần thực hiện theo quy trình gồm 5 bước sau:

Bước 1: Xác định mục tiêu chính của bài và mục tiêu GDMT.

Bước 2: Chia nội dung bài học thành từng phần tương ứng với các hoạt động dạy học.

Bước 3: Chọn hoạt động có thể tích hợp nội dung GDMT.

Bước 4: Dự tính thời gian, lựa chọn phương pháp cụ thể.

Bước 5: Thiết kế kế hoạch dạy học.

2.1.1. Xác định mục tiêu chính của bài và mục tiêu giáo dục môi trường

Mục tiêu của bài học sẽ là căn cứ để đánh giá chất lượng học tập của học sinh và hiệu quả thực hiện bài dạy của giáo viên. Mục tiêu phải nêu cụ thể những kiến thức, kỹ năng, thái độ mà học sinh cần đạt được sau tiết học, đặc biệt chỉ rõ mức độ, yêu cầu. Mục tiêu phải được viết rất cụ thể sao cho có thể đo đạc được, quan sát được, đánh giá được hoặc lượng hoá được.

Mục tiêu bài học thường được chia làm 3 phần: Kiến thức, Kỹ năng, Thái độ.

❖ Kiến thức:

- Kiến thức “là thông tin được chứa trong não”. Các thông tin này có thể bao gồm: Sự kiện thực tế; khái niệm; nguyên lý; quy trình; quá trình; cấu trúc,...

- Để viết được mục tiêu bài giảng lý thuyết cần nắm vững 6 mức độ từ đơn giản đến phức tạp:

- *Biết:* Nhắc lại được, kể tên được, trình bày được, nêu được, điền vào, xác định, liệt kê, đặt tên, nhớ lại, nêu lên, kể ra, viết ra...

- *Hiểu*: Diễn đạt được, mô tả, giải thích, phân tích, diễn đạt, báo cáo, sắp xếp, tính toán, lựa chọn, tóm tắt, khái quát hóa, xây dựng, chứng minh, phân biệt, minh họa, trình bày, chọn lựa, ...

- *Áp dụng*: Thể hiện, ứng dụng, trình diễn, minh họa, bố trí, hoàn thành, áp dụng, liên hệ, giải quyết, so sánh, soạn thảo, bố trí, thiết lập, xếp hạng, phát hiện được,.....

- *Phân tích*: Phân tích, phân hoá, phân loại, đánh giá, so sánh, tính toán...đôi chiều, phân biệt, tìm sự khác nhau, tách ra...

- *Tổng hợp*: Soạn thảo, tổng kết, hệ thống, lập kế hoạch, thiết kế, bố trí, thiết lập, kết hợp, hình thành, lập kế hoạch, đề xuất, liên hệ...

- *Đánh giá*: nhận xét được, đánh giá được, xếp hạng, so sánh, chọn lựa, định giá, cho điểm, lập luận, xác định giá trị, phê phán, nhận xét, bảo vệ, khẳng định. ủng hộ, bình phẩm, miêu tả...

❖ **Kỹ năng:**

- Kỹ năng là: "Hoạt động quan sát được và những phản ứng mà một người thực hiện nhằm đạt được mục đích". Kỹ năng được chia ra: Kỹ năng nhận thức và kỹ năng thực hành.

- Mục tiêu về kiến thức là nhằm phát triển các năng lực cho học sinh như: năng lực tự học, giải quyết vấn đề, sáng tạo, hợp tác, giao tiếp, tính toán,...

Giáo viên cần xác định rõ học sinh đạt được các năng lực gì sau khi học xong bài giảng. Cần sử dụng các động từ để mô tả mức kỹ năng cần đạt được từ đơn giản đến phức tạp, biết thực hiện (hay tiến hành, hoàn thành, làm...) hành động hay hành vi nào đó, ở trình độ nhất định (đúng mẫu, nhanh đến đâu, chính xác ở mức độ nào) như: kể được, vẽ được, thực hành được, thực hiện được, soạn thảo được, định khoản được, làm được, vận dụng được, lắp ráp được, vận hành được, sáng tác được, cải tiến được, thiết kế được, nhận biết được, tiến hành, hoàn thành, giải quyết vấn đề, thực hiện, quan sát, thu thập, sử dụng, đo lường, lập kế hoạch, chuẩn đoán, chế biến, ước lượng, tập hợp, xây dựng, tổ chức, phân tích, xem xét, phát hiện, áp dụng, sử dụng, xử lý, đọc được đúng...

❖ **Thái độ:**

- Thái độ “là cảm nhận của con người và ứng xử của họ đối với một công việc, những thái độ biểu hiện có thể có tính chất cá nhân (thói quen) hoặc hành vi liên cá nhân”. Có 2 loại thái độ: thái độ không quan sát được và thái độ quan sát được.

- Giáo viên cần xác định rõ học sinh có thái độ như thế nào sau khi học xong bài giảng. Cần sử dụng các cụm từ để diễn tả như: qua tiết giảng hình thành được đức tính cẩn thận, trung thực, kiên trì, ý thức trách nhiệm trong công việc, ý thức và đạo đức nghề nghiệp, đoàn kết, nhận thức được, tôn trọng, chấp nhận, đồng tình, ủng hộ, yêu thích, phê phán, bác bỏ, hợp tác, phán xử, tuân thủ, thay đổi, hợp nhất, sửa đổi, tin tưởng, nghiêm túc, chủ động đề xuất, biết tiết kiệm, đảm bảo an toàn, phối hợp...

❖ Ngoài ra đối với các bài có thể tích hợp GDMT giáo viên cũng cần đưa ra mục tiêu giáo dục BVMT trong bài đó là gì. Tuy nhiên không cần phải chia ra 3 phần: kiến thức, kỹ năng, thái độ giống như mục tiêu bài học.

Ví dụ: Bài 25: Nước bị ô nhiễm (Khoa học lớp 4).

I. Mục tiêu bài học

1. Kiến thức

Học sinh nêu được đặc điểm chính của nước sạch và nước bị ô nhiễm:

- Nước sạch: trong suốt, không màu, không mùi, không vị, không chứa các vi sinh vật hoặc các chất hòa tan có hại cho sức khỏe con người.
- Nước bị ô nhiễm: có màu, có chất bẩn, có mùi hôi, chứa vi sinh vật nhiều quá mức cho phép, chứa các chất hòa tan có hại cho sức khỏe con người.

2. Kỹ năng

- Học sinh nhận biết được nguồn nước sạch và nguồn nước bị ô nhiễm trong thực tế cuộc sống.

3. Thái độ

- Giúp các em luôn có ý thức sử dụng nước sạch, không bị ô nhiễm.

❖ Mục tiêu GDMT: Học sinh có ý thức giữ gìn nguồn nước sạch sẽ, cùng mọi người tham gia các hoạt động BVMT nước xung quanh.

2.1.2. Chia nội dung bài học thành từng phần tương ứng với các hoạt động dạy học

Nội dung của mỗi môn học, mỗi bài học đều có mối liên hệ chặt chẽ với nhau. Tính thừa kế và tính phát triển hệ thống các khái niệm qua mỗi bài học, mỗi chương và toàn bộ chương trình. Trong một tiết học cũng thế, hệ thống kiến thức có mối liên hệ logic với nhau. Một bài học có thể chia ra làm 2, 3, 4 hoạt động tùy vào nội dung của từng bài.

Ví dụ ở bài 25: Nước bị ô nhiễm: giáo viên có thể chia nội dung bài thành 3 hoạt động dạy học như sau:

- Hoạt động 1: Làm thí nghiệm: Nước sạch và nước bị ô nhiễm.
- Hoạt động 2: Đặc điểm của nước sạch và nước bị ô nhiễm.
- Hoạt động 3: Trò chơi sắm vai để nhận biết được việc làm đúng sai.

2.1.3. Chọn hoạt động có thể tích hợp nội dung giáo dục môi trường

Khi đã xác định được nội dung trọng tâm của bài học thì giáo viên có thể đưa ra mức độ tích hợp của bài là toàn phần, bộ phận hay liên hệ. Nội dung được tích hợp phải liên quan chặt chẽ đến nội dung bài học, như thế mới giúp học sinh hiểu và vận dụng được vào thực tế.

Ở bài 25: Nước bị ô nhiễm với mục tiêu BVMT là giáo dục học sinh sử dụng tiết kiệm, không làm bẩn nguồn nước. Giáo viên có thể tích hợp vào hoạt động 1: làm thí nghiệm để phân biệt nước sạch, nước bị ô nhiễm và hoạt động 2: đặc điểm của nước sạch và nước bị ô nhiễm.

2.1.4. Dự tính thời gian và lựa chọn phương pháp cụ thể

Ở bậc Tiểu học, thời gian của 1 tiết học kéo dài từ 30 phút đến 35 phút. Chính vì vậy việc dự tính thời gian cho các hoạt động là rất quan trọng. Phân bổ thời gian hợp lý sẽ giúp cho giáo viên tránh được việc dạy thiếu hoặc thừa thời gian. Để phân chia thời gian hợp lý thì giáo viên cần phải nắm rõ được mục tiêu bài học cũng như nội dung trọng tâm của bài là gì để chia ra thời gian phù hợp với các hoạt động của bài học. Ví dụ khi dạy Bài 25: Nước bị ô nhiễm (Khoa học 4) giáo viên xác định được nội dung trọng tâm của bài là học

sinh phân biệt được cũng như nêu được các đặc điểm của nước sạch và nước bị ô nhiễm. Từ đó giáo viên dự tính thời gian cho các hoạt động như sau:

- Hoạt động 1: Làm thí nghiệm: Nước sạch và nước bị ô nhiễm (7 phút).
- Hoạt động 2: Đặc điểm của nước sạch và nước bị ô nhiễm (9 phút).
- Hoạt động 3: Trò chơi sắm vai để nhận biết được việc làm đúng sai (7 phút).

Phương pháp dạy học là những cách thức làm việc giữa thầy giáo và học sinh, nhờ đó mà học sinh nắm vững được kiến thức, kỹ năng, kỹ xảo, hình thành được thế giới quan và năng lực.

Có nhiều phương pháp dạy học khác nhau. Mỗi phương pháp dạy học đều có ưu điểm và hạn chế. Chính vì thế giáo viên trong một tiết học giáo viên cần phải phối hợp nhiều phương pháp nhằm phát huy những điểm mạnh và hạn chế những điểm yếu của từng phương pháp trong quá trình dạy học.

Khi lựa chọn phương pháp giáo viên cần phải căn cứ vào:

- Mục tiêu, nội dung dạy học.
- Nguyên tắc dạy học.
- Đặc điểm tâm, sinh lý, khả năng, trình độ, hứng thú của người học, trình độ chuyên môn, năng lực sư phạm của giáo viên.

Ví dụ: Bài 25: Nước bị ô nhiễm (Khoa học 4): Khi dạy giáo viên có thể sử dụng phương pháp thí nghiệm và phương pháp quan sát để giúp học sinh phân biệt được nước sạch và nước bị ô nhiễm.

2.1.5. Thiết kế các hoạt động dạy học

Tương ứng với nội dung bài học và từng hoạt động dạy học của bài đã xác định, giáo viên đưa ra các bước tiến hành cụ thể cho từng hoạt động. Lưu ý khi xây dựng các bước tiến hành cần phù hợp với mục tiêu của từng hoạt động, tránh lan man tốn thời gian. Như vậy, giáo viên khi lên lớp sẽ làm chủ được tiết học của mình, xử lý tốt các tình huống có thể xảy ra trong tiết học, cũng như giúp học sinh nắm bắt được bài nhanh hơn.

Ví dụ ở hoạt động 1 của Bài 25: Nước bị ô nhiễm có thể tiến hành như sau:

Hoạt động 1: Làm thí nghiệm: nước sạch, nước bị ô nhiễm (9 phút). Mục tiêu: - Phân biệt được nước trong và nước đục bằng cách quan sát thí nghiệm. - Giải thích được tại sao nước sông, ao, hồ thường đục, không sạch. Phương pháp dạy học chủ yếu: quan sát, thí nghiệm. Tiến trình dạy học:	
Giáo viên đề nghị các nhóm báo cáo về việc chuẩn bị đồ dùng của nhóm mình. Yêu cầu học sinh đọc to các bước tiến hành thí nghiệm trước lớp. Giáo viên nêu lại quy trình làm thí nghiệm và một số lưu ý khi tiến hành thí nghiệm. Yêu cầu các nhóm làm thí nghiệm. Giáo viên quan sát, giúp đỡ các nhóm gặp khó khăn. Gọi 2 nhóm lên trình bày, các nhóm khác bổ sung. Giáo viên chia bảng thành 2 cột và ghi nhanh các ý kiến của nhóm. Giáo viên nhận xét, tuyên dương ý kiến	Các nhóm báo cáo. Học sinh đọc các bước tiến hành thí nghiệm. Học sinh lắng nghe. Các nhóm tiến hành thí nghiệm: 2 học sinh trong nhóm thực hiện lọc nước cùng một lúc, các học sinh khác theo dõi để đưa ra ý kiến sau khi quan sát, thư kí ghi các ý kiến vào giấy. Sau đó cả nhóm thống nhất và đưa ra kết luận. Đại diện 2 nhóm trình bày: - Miếng bông lọc chai nước giếng (nước máy) sạch, không có màu hay mùi vì nước này sạch. - Miếng bông lọc chai nước sông (ao, hồ) có nhiều đất, bụi, chất bẩn nhỏ đọng lại vì nước này bẩn. Học sinh lắng nghe.

hay của các nhóm. Qua thí nghiệm chúng tỏ nước sông hay ao, hồ hoặc nước đã sử dụng có nhiều tạp chất như đất, cát, bụi,... nhưng ở sông, hồ, ao còn có những sinh vật hay thực vật nào sống? Ngoài những sinh vật trên trong nước sông, ao, hồ còn chứa nhiều sinh vật mà chúng ta không thể nhìn thấy được bằng mắt thường. Để biết được đó là những sinh vật nào thầy và các em cùng quan sát bằng hiển vi. Yêu cầu 3 học sinh lên quan sát. Yêu cầu từng em đưa ra ý kiến em nhìn thấy gì trong nước đó? <u>Giáo viên nhận xét, kết luận:</u> <i>Nước ao, hồ, sông hay nước đã qua sử dụng thường bị lẫn lẫn nhiều đất cát và nhiều vi khuẩn sinh sống. Nước sông có nhiều phù sa nên có màu đục, nước ao hồ có nhiều sinh vật sống như rong, rêu, tảo nên thường có màu xanh,... Nước giếng hay nước mưa, máy không bị nhiễm nhiều đất, cát,...</i> <u>Giáo dục:</u> <i>Học sinh có ý thức giữ gìn nguồn nước sạch sẽ, cùng mọi người tham gia các hoạt động bảo vệ môi trường nước xung quanh.</i>	Học sinh trả lời: Ở sông, ao hồ còn có các sinh vật như rêu, bèo, rong,... Học sinh quan sát. Học sinh đưa ra ý kiến. Học sinh lắng nghe. Học sinh lắng nghe.
---	--

2.2. CÁC NỘI DUNG TÍCH HỢP GIÁO DỤC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TRONG MÔN KHOA HỌC LỚP 4

Qua nghiên cứu chương trình, sách giáo khoa, tài liệu hướng dẫn dạy học em thống kê được các bài qua bảng 2.1.

Bảng 2.1: Các nội dung tích hợp giáo dục BVMT trong môn Khoa học lớp 4

STT	Bài	Tên bài	Nội dung GDMT đã được tích hợp	Nội dung GDMT cần tích hợp	Mức độ tích hợp
1	1	Con người cần gì để sống?	Con người cần các điều kiện vật chất và tinh thần để sinh sống.		Bộ phận
2	2	Trao đổi chất ở người	Con người lấy từ môi trường thức ăn, nước, không khí và thải ra môi trường chất thừa, cặn bã.		Bộ phận
3	10	Ăn nhiều rau quả chín, sử dụng thực phẩm sạch và an toàn	Tiêu chuẩn của thực phẩm sạch, an toàn; các biện pháp thực hiện vệ sinh an toàn thực phẩm.	Các biện pháp thực hiện vệ sinh an toàn thực phẩm của học sinh và gia đình.	Bộ phận, liên hệ
4	14	Phòng một số bệnh lây qua đường tiêu hóa	Giữ vệ sinh ăn uống; vệ sinh cá nhân; vệ sinh môi trường.		Bộ phận, liên hệ
5	24	Nước cần cho sự sống	Vai trò của nước.	Sử dụng tiết kiệm; không làm nhiễm bẩn nguồn nước.	Bộ phận, liên hệ
6	25	Nước bị ô	Phân biệt nước sạch,	Sử dụng tiết	Toàn

		nhiệm	nước ô nhiễm.	kiệm; không làm nhiễm bản nguồn nước, cùng mọi người tham gia các hoạt động bảo vệ môi trường nước xung quanh.	phần, liên hệ
7	26	Nguyên nhân làm nước bị ô nhiễm	Nguyên nhân làm cho nước bị ô nhiễm; tác hại của việc sử dụng nguồn nước bị ô nhiễm đối với sức khỏe con người.	Nguyên nhân làm cho nguồn nước của địa phương bị ô nhiễm, ảnh hưởng của nguồn nước đối với người dân địa phương. Đồng thời nêu được một số việc làm bảo vệ nguồn nước ở địa phương	Toàn phần, liên hệ
8	27	Một số cách làm sạch nước		Giáo dục học sinh sử dụng tiết kiệm nước trong sinh hoạt hàng ngày và có ý thức giữ gìn vệ sinh nguồn nước.	Liên hệ
9	28	Bảo vệ nguồn nước	Các việc làm bảo vệ nguồn nước; tuyên truyền bảo vệ nguồn	Các việc làm cụ thể bảo vệ nguồn nước của người dân địa phương	Toàn phần, liên hệ

			nước.	và của các em học sinh.	
10	29	Tiết kiệm nước	Những việc cần làm để tiết kiệm nước; tuyên truyền tiết kiệm nước.	Các việc làm cụ thể bảo vệ nguồn nước của người dân địa phương và của các em học sinh.	Toàn phần, liên hệ
11	36	Không khí cần cho sự sống	Oxi cần cho quá trình hô hấp.	Học sinh có ý thức bảo vệ bầu không khí trong sạch.	Toàn phần, liên hệ
12	39	Không khí bị ô nhiễm	Nguyên nhân làm không khí bị ô nhiễm; tác hại của việc không khí bị ô nhiễm.	Tình hình ô nhiễm không khí ở địa phương.	Toàn phần, liên hệ
13	40	Bảo vệ bầu không khí trong sạch	Các biện pháp bảo vệ bầu không khí; tuyên truyền bảo vệ bầu không khí.	Các biện pháp bảo vệ bầu không khí của cá nhân, gia đình và địa phương. Nhắc nhở, tuyên truyền những người xung quanh bảo vệ bầu không khí.	Toàn phần
14	43 44	Âm thanh trong cuộc sống	Ảnh hưởng của tiếng ồn đối với sức khỏe của con người. Các biện pháp làm giảm tiếng ồn.	Tình hình ô nhiễm tiếng ồn ở địa phương; các việc làm cụ thể để giảm tiếng ồn của	Bộ phận, liên hệ

				bản thân.	
15	47 48	Ánh sáng cần cho sự sống	Vai trò của ánh sáng với sự sống. Thực vật nhận ánh sáng để sống và cung cấp thức ăn, không khí sạch cho con người.		Bộ phận
16	53	Các nguồn nhiệt	Vai trò của các nguồn nhiệt; sử dụng tiết kiệm các nguồn nhiệt.	Các việc làm cụ thể của học sinh và gia đình để sử dụng tiết kiệm các nguồn nhiệt.	Bộ phận, liên hệ
17	60	Nhu cầu không khí của thực vật	Cácbonic cần cho quá trình quang hợp, oxi cần cho quá trình hô hấp của cây. Lượng cácbonic quá cao cây sẽ chết.	Tình hình phát triển của thực vật ở nơi học sinh ở.	Bộ phận, liên hệ
18	61	Trao đổi chất ở thực vật	Thực vật cần oxi để hô hấp thải ra khí cácbonic, hơi nước, các khoáng chất khác.		
19	62	Động vật cần gì để sống?	Động vật cần có đủ không khí, thức ăn, nước uống và ánh sáng để tồn tại và phát triển.	Bảo vệ môi trường sống của động vật.	Bộ phận, liên hệ
20	63	Động vật ăn gì để sống?	Mỗi loài động vật có nhu cầu ăn khác nhau.	Không phá hủy thức ăn của động vật hoang dã.	Bộ phận, liên hệ

21	64	Trao đổi chất ở động vật	Động vật hấp thụ khí oxi, nước, các chất hữu cơ, thải ra khí cacbonic, nước tiểu, các chất thải.		Bộ phận
22	65 66	Quan hệ thức ăn trong tự nhiên	Sinh vật này là thức ăn của sinh vật khác; trong tự nhiên có nhiều chuỗi thức ăn.		Bộ phận, liên hệ
23	67 68	Ôn tập: Thực vật và động vật. Các chuỗi thức ăn trong tự nhiên	Con người là mắt xích trong nhiều chuỗi thức ăn.	Không tiêu diệt các mắt xích trong các chuỗi thức ăn tự nhiên.	Bộ phận, liên hệ
24	69 70	Ôn tập và kiểm tra cuối năm	Mối quan giữa các yếu tố vô sinh vật hữu sinh; Vai trò của sự vật với sự sống trên trái đất.		Bộ phận

2.3. MỘT SỐ KẾ HOẠCH DẠY HỌC TÍCH HỢP GIÁO DỤC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Trong môn Khoa học lớp 4 có rất nhiều bài có thể tích hợp giáo dục BVMT mà chúng tôi đã liệt kê được ở trên. Nhưng qua tìm hiểu về các chủ đề nội dung của từng bài học thì nhiều bài có phần sách giáo khoa chưa có nội dung GDMT, cần được bổ sung nội dung GDMT. Vì vậy chúng tôi đã chọn ra 15 bài điển hình để tích hợp GDMT vào trong bài soạn. Đây đều là những bài có nội dung, kiến thức và lượng thông tin cung cấp về môi trường dễ dàng nhất giúp cho các học sinh khi học có thể hiểu bài, liên hệ và hình dung vào trong thực tế tốt nhất.

STT	Tên bài	Nội dung tích hợp	Các hoạt động trong bài	Mức độ tích hợp
1	Bài 14: Phòng một số bệnh lây qua đường tiêu hóa.	Giáo dục học sinh có ý thức giữ gìn vệ sinh ăn uống, vệ sinh cá nhân, vệ sinh môi trường.	Hoạt động 1: Tìm hiểu một số bệnh lây qua đường tiêu hóa và tác hại của nó.	Bộ phận
			Hoạt động 2: Nguyên nhân và cách đề phòng các bệnh lây qua đường tiêu hóa.	Bộ phận
			Hoạt động 3: Vẽ tranh cổ động nhằm nâng cao ý thức phòng bệnh và vận động mọi người cùng thực hiện.	Liên hệ
2	Bài 24: Nước cần cho sự sống	Vai trò của nước. Sử dụng tiết kiệm; không làm nhiễm bẩn nguồn nước.	Hoạt động 1: Tìm hiểu vai trò của nước đối với sự sống của con người, động vật và thực vật.	Bộ phận, liên
			Hoạt động 2: Vai trò của nước trong một số hoạt động	Liên hệ

			của con người.	
3	Bài 25: Nước bị ô nhiễm	Phân biệt nước sạch, nước ô nhiễm.	Hoạt động 1: Làm thí nghiệm: nước sạch, nước bị ô nhiễm.	Toàn phần, liên hệ
		Sử dụng tiết kiệm, không làm nhiễm bẩn nguồn nước, cùng mọi người tham gia các hoạt động bảo vệ môi trường nước xung quanh.	Hoạt động 2: Nước sạch, nước bị ô nhiễm.	
			Hoạt động 3: Trò chơi sắm vai để học sinh nhận biết được những việc làm đúng.	
4	Bài 26: Nguyên nhân làm nước bị ô nhiễm	Nguyên nhân làm cho nguồn nước của địa phương bị ô nhiễm, ảnh hưởng của nguồn nước đối với người dân địa phương. Đồng thời nêu được một số việc làm bảo vệ nguồn nước ở địa phương	Hoạt động 1: Những nguyên nhân làm nước bị ô nhiễm.	Toàn phần, liên hệ
			Hoạt động 2: Tìm hiểu thực tế về hiện trạng nước ở địa phương.	
			Hoạt động 3: Tác hại của nguồn nước bị ô nhiễm.	
5	Bài 27: Một số cách làm sạch nước	Giáo dục học sinh sử dụng tiết kiệm nước trong sinh hoạt hàng ngày và có ý thức giữ gìn	Hoạt động 1: Các cách làm sạch nước thông thường.	Liên hệ
			Hoạt động 2: Tác dụng của lọc nước	
			Hoạt động 3: Tích hợp	

		vệ sinh nguồn nước.	GDMT: Sự cần thiết phải đun sôi nước trước khi uống.	
6	Bài 28: Bảo vệ nguồn nước	Học sinh có ý thức và việc làm bảo vệ nguồn nước, tuyên truyền người dân địa phương bảo vệ nguồn nước.	Hoạt động 1: Những việc nên làm và không nên làm để bảo vệ nguồn nước.	Toàn phần, liên hệ
			Hoạt động 2: Liên hệ để học sinh nêu được những việc làm bảo vệ nguồn nước.	
			Hoạt động 3: Cuộc thi: Đội tuyên truyền giỏi nhằm giáo dục học sinh tuyên truyền cho mọi người bảo vệ nguồn nước.	
7	Bài 29: Tiết kiệm nước	Giáo dục học sinh sử dụng tiết kiệm nước, có ý thức bảo vệ nguồn nước và tuyên truyền người dân địa phương bảo vệ nguồn nước.	Hoạt động 1: Tìm hiểu tại sao phải tiết kiệm nước và làm thế nào để tiết kiệm nước.	Toàn phần, liên hệ
			Hoạt động 2: Vẽ tranh cổ động và tuyên truyền tiết kiệm nước.	
8	Bài 36: Không khí cần cho sự sống	Oxi cần cho quá trình hô hấp. Giáo dục học sinh có ý thức bảo vệ bầu không khí trong sạch.	Hoạt động 1: Vai trò của không khí đối với con người.	Toàn phần, liên hệ
			Hoạt động 2: Vai trò của không khí đối với động vật và thực vật.	
			Hoạt động 3: Ứng dụng vai trò của không khí trong cuộc sống.	
			Hoạt động 4: Tích hợp	

			GDMT.	
9	Bài 39: Không khí bị ô nhiễm	Học sinh biết được nguyên nhân, tác hại của việc không khí bị ô nhiễm và tình hình ô nhiễm không khí ở địa phương.	Hoạt động 1: Không khí sạch và không khí bị ô nhiễm.	Toàn phần, liên hệ
			Hoạt động 2: Nguyên nhân làm ô nhiễm bầu không khí.	
			Hoạt động 3: Tác hại của không khí bị ô nhiễm.	
10	Bài 40: Bảo vệ bầu không khí trong sạch	Các biện pháp bảo vệ bầu không khí của cá nhân, gia đình và địa phương. Nhắc nhở, tuyên truyền những người xung quanh bảo vệ bầu không khí.	Hoạt động 1: Tìm hiểu những biện pháp bảo vệ bầu không khí trong sạch.	Toàn phần
			Hoạt động 2: Hình thức bảo vệ bầu không khí trong sạch.	
11	Bài 48: Ánh sáng cần cho sự sống (tiếp theo)	Vai trò của ánh sáng với sự sống của con người và động vật.	Hoạt động 1: Vai trò của ánh sáng đối với đời sống con người.	Bộ phận
			Hoạt động 2: Vai trò của ánh sáng đối với đời sống động vật.	
12	Bài 53: Các nguồn nhiệt	Các việc làm cụ thể của học sinh và gia đình để sử dụng tiết kiệm các nguồn nhiệt.	Hoạt động 1: Các nguồn nhiệt và vai trò của chúng.	Bộ phận
			Hoạt động 2: Cách phòng tránh rủi ro, nguy hiểm khi sử dụng nguồn nhiệt.	Bộ phận
			Hoạt động 3: Thực hiện tiết	Liên

			kiệm khi sử dụng nhiệt.	hệ
13	Bài 60: Nhu cầu không khí của thực vật	Cácbonic cần cho quá trình quang hợp, oxi cần cho quá trình hô hấp của cây. Lượng cácbonic quá cao cây sẽ chết.	Hoạt động 1: Tìm hiểu về sự trao đổi khí của thực vật trong quá trình quang hợp và hô hấp.	Bộ phận
		Tình hình phát triển của thực vật ở nơi học sinh ở.	Hoạt động 2: Tìm hiểu một số ứng dụng thực tế về nhu cầu không khí của thực vật.	Liên hệ
14	Bài 63: Động vật ăn gì để sống?	Mỗi loài động vật có nhu cầu ăn khác nhau.	Hoạt động 1: Học tập dựa vào trải nghiệm	Bộ phận
		Không phá hủy thức ăn của động vật hoang dã.	Hoạt động 2: Tích hợp giáo dục BVMT.	Liên hệ
15	Bài 65: Quan hệ thức ăn trong tự nhiên	Sinh vật này là thức ăn của sinh vật khác; trong tự nhiên có nhiều chuỗi thức ăn.	Hoạt động 1: Mối quan hệ giữa thực vật và các yếu tố vô sinh trong tự nhiên.	Bộ phận
		Không tiêu diệt các mắt xích trong các chuỗi thức ăn tự nhiên.	Hoạt động 2: Mối quan hệ thức ăn giữa các sinh vật.	Bộ phận
			Hoạt động 3: Tích hợp GDMT: trò chơi “ Ai nhanh nhất”.	Liên hệ

BÀI 28: BẢO VỆ NGUỒN NƯỚC

Bước 1: Xác định mục tiêu chính của bài và mục tiêu GDMT

❖ Mục tiêu bài học:

- Kiến thức

Học sinh nêu được một số biện pháp bảo vệ nguồn nước:

- Phải vệ sinh xung quanh nguồn nước.
- Làm nhà tiêu tự hoại xa nguồn nước.
- Xử lý nước thải bảo vệ hệ thống thoát nước thải,...

- Kỹ năng

- Học sinh thực hiện bảo vệ nguồn nước.
- KNS: kỹ năng bình luận, đánh giá về việc sử dụng và bảo vệ nguồn nước.

- Thái độ

• Giáo dục học sinh luôn có ý thức giữ gìn, bảo vệ nguồn nước; sử dụng nước sạch hợp lý.

❖ **Mục tiêu GDMT:** Học sinh biết những việc nên làm và không nên làm để bảo vệ nguồn nước. Từ đó có ý thức và việc làm bảo vệ nguồn nước, tuyên truyền người dân địa phương bảo vệ nguồn nước.

Bước 2: Chia nội dung bài học thành từng phần tương ứng với các hoạt động dạy học

- Bài học được chia thành 3 phần tương ứng với 3 hoạt động:

- Hoạt động 1: Những việc nên làm và không nên làm để bảo vệ nguồn nước.
- Hoạt động 2: Liên hệ để học sinh nêu được những việc làm bảo vệ nguồn nước.
- Hoạt động 3: Cuộc thi: Đội tuyên truyền giỏi nhằm giáo dục học sinh tuyên truyền cho mọi người bảo vệ nguồn nước.

Bước 3: Chọn hoạt động có thể tích hợp nội dung GDMT

Ở bài này tích hợp GDMT ở mức độ toàn phần và liên hệ nên cả ba hoạt động đều có thể tích hợp như sau:

- Hoạt động 1: Những việc nên làm và không nên làm để bảo vệ nguồn nước.
- Hoạt động 2: Sau khi học sinh nêu được những việc làm để bảo vệ nguồn nước giáo viên giáo dục học sinh bảo vệ nguồn nước ngay tại địa phương mình (liên hệ).
- Hoạt động 3: Giáo viên tổ chức cuộc thi vẽ tranh tuyên truyền, cổ động mọi người cùng bảo vệ nguồn nước (liên hệ).

Bước 4: Dự tính thời gian và lựa chọn phương pháp cụ thể

Tiến trình hoạt động gồm có các bước và thời gian, phương pháp dạy học như sau:

- Ổn định lớp: 1 phút.
- Kiểm tra bài cũ (phương pháp đàm thoại): 3 phút.
- Bài mới: 28 phút:
 - Giới thiệu bài: 1 phút.
 - Hoạt động 1 (phương pháp: thảo luận nhóm, đàm thoại): 10 phút.
 - Hoạt động 2 (phương pháp: đàm thoại): 10 phút.
 - Hoạt động 3 (phương pháp: thực hành – luyện tập, thuyết trình): 10 phút.
- Củng cố - dặn dò: 1 phút.

Bước 5: Thiết kế kế hoạch dạy học

BÀI 28: BẢO VỆ NGUỒN NƯỚC

I. Mục tiêu bài học

1. Kiến thức

Học sinh nêu được một số biện pháp bảo vệ nguồn nước:

- Phải vệ sinh xung quanh nguồn nước.
- Làm nhà tiêu tự hoại xa nguồn nước.
- Xử lý nước thải bảo vệ hệ thống thoát nước thải,...

2. Kỹ năng

Thực hiện bảo vệ nguồn nước.

KNS: kỹ năng bình luận, đánh giá về việc sử dụng và bảo vệ nguồn nước.

3. Thái độ

Giáo dục học sinh luôn có ý thức giữ gìn, bảo vệ nguồn nước; sử dụng nước sạch hợp lý.

❖ **GDMT:** Học sinh biết những việc nên làm và không nên làm để bảo vệ nguồn nước. Từ đó có ý thức và việc làm bảo vệ nguồn nước, tuyên truyền người dân địa phương bảo vệ nguồn nước.

II. Đồ dùng dạy học

1. Giáo viên

Các hình minh họa trong SGK trang 58, 59.

Sơ đồ dây chuyền sản xuất và cung cấp nước sạch của nhà máy nước.

2. Học sinh

SGK, vở ghi.

Bút màu, giấy.

III. Các hoạt động dạy học

Hoạt động của Giáo viên	Hoạt động của Học sinh
1. Ôn định lớp (1 phút) 2. Kiểm tra bài cũ (3 phút) Gọi học sinh trả lời câu hỏi: 1) Dùng sơ đồ mô tả dây chuyền sản xuất và cung cấp nước sạch của nhà máy.	Học sinh trả lời. 1) Nước được lấy từ nguồn như nước giếng, nước sông,... đưa vào trạm bơm đợt một. Sau đó chảy qua dàn khử sắt, bể lắng để loại chất sắt và những chất không hoà tan trong nước. Tiếp tục qua bể lọc để loại các chất không tan trong nước. Rồi qua bể sát trùng và được dồn vào bể chứa. Sau đó nước chảy vào trạm bơm đợt hai để chảy về nơi cung cấp nước sản

2) Tại sao chúng ta phải đun sôi nước trước khi uống? Giáo viên nhận xét.	xuất và sinh hoạt. 2) Điều không uống ngay được. Chúng ta cần phải đun sôi nước trước khi uống để diệt hết các vi khuẩn nhỏ sống trong nước và loại bỏ các chất độc còn tồn tại trong nước. Học sinh lắng nghe.
3. Bài mới (30 phút) Giới thiệu bài (1 phút): Nước có vai trò rất quan trọng đối với đời sống của con người, động vật, thực vật. Vậy chúng ta phải làm gì để bảo vệ nguồn nước? Bài học hôm nay sẽ giúp các em trả lời câu hỏi đó.	
Hoạt động 1: Những việc nên làm và không nên làm để bảo vệ nguồn nước (10 phút). Mục tiêu: Học sinh nêu được những việc nên làm và không nên làm để bảo vệ nguồn nước. Phương pháp dạy học chủ yếu: thảo luận nhóm, đàm thoại. Tiến trình dạy học:	
Giáo viên tổ chức cho học sinh thảo luận nhóm theo định hướng. Chia lớp thành 6 nhóm đảm bảo 1 hình vẽ có 2 nhóm thảo luận. Yêu cầu các nhóm quan sát hình vẽ được giao. Thảo luận và trả lời các câu hỏi: 1) Hãy mô tả những gì em nhìn thấy trong hình vẽ? 2) Theo em việc làm đó là nên hay không nên làm? Vì sao?	Học sinh thảo luận. Học sinh quan sát. Học sinh trả lời: + Hình 1: Vẽ biển cấm đục phá ống nước. Việc làm đó nên làm vì để tránh lãng phí nước và tránh đất, cát, bụi hay các tạp chất khác

Giáo viên giúp đỡ các nhóm còn gặp khó khăn. Gọi các nhóm trình bày, các nhóm có cùng nội dung bổ sung.	lẫn vào nước sạch làm ô nhiễm nguồn nước. + Hình 2: Vẽ 2 người đổ rác thải, chất bẩn xuống ao. Việc làm đó không nên làm vì như vậy sẽ gây ô nhiễm nguồn nước, ảnh hưởng đến sức khỏe của con người, động vật sống ở đó. + Hình 3: Vẽ một sọt đựng rác thải. Việc làm đó là nên làm, vì nếu rác thải vứt bỏ không đúng nơi quy định sẽ gây ô nhiễm môi trường, chất không sử dụng hết sẽ ngấm xuống đất gây ô nhiễm nước ngầm và nuồn nước. + Hình 4: Vẽ sơ đồ nhà tiêu tự hoại. Việc làm này là nên, vì như vậy sẽ ngăn không cho chất thải ngấm xuống đất gây ô nhiễm mạch nước ngầm. + Hình 5: Vẽ một gia đình đang làm vệ sinh xung quanh giếng nước. Việc làm này nên làm vì làm như vậy không để rác thải hay chất bẩn ngấm xuống đất gây ô nhiễm nguồn nước. + Hình 6: Các cô chú công nhân đang xây dựng hệ thống thoát nước thải. Việc làm đó nên làm, vì
---	--

Giáo viên nhận xét và tuyên dương các nhóm. Giáo viên liên hệ giữa nguồn nước và nước biển, sự ô nhiễm nguồn nước là một trong những nguyên nhân gây ô nhiễm biển. <u>Giáo dục:</u> <i>Không vứt rác, túi nilong và các chất thải xuống sông, hồ, kênh, rạch làm ô nhiễm nguồn nước. Tham gia tuyên truyền về tiết kiệm nước và bảo vệ nguồn nước sạch.</i> Yêu cầu 2 học sinh đọc mục <i>Bạn cần biết</i>.	trong nước thải có rất nhiều chất độc và vi khuẩn gây hại, nếu chúng chảy ra ngoài sẽ ngấm xuống đất gây ô nhiễm nguồn nước. Học sinh lắng nghe. Học sinh lắng nghe. Học sinh đọc.
Hoạt động 2: Liên hệ (10 phút) Mục tiêu: Học sinh nêu được các việc cần làm để bảo vệ nguồn nước. Phương pháp dạy học chủ yếu: đàm thoại. Tiến trình dạy học:	
Giáo viên giới thiệu: Xây nhà tiêu 2 ngăn, nhà tiêu đào cải tiến, cải tạo và bảo vệ hệ thống nước thải sinh hoạt, công nghiệp, nước mưa,...là công việc làm lâu dài để bảo vệ nguồn nước. Vậy các em đã và sẽ làm gì để bảo vệ nguồn nước? Giáo viên nhận xét và khen ngợi học sinh có ý kiến tốt. <u>Giáo dục:</u> <i>Nước có vai trò quan</i>	Học sinh lắng nghe. Học sinh trả lời. Học sinh lắng nghe. Học sinh lắng nghe.

<i>trọng đối với con người. Vì vậy mỗi chúng ta cần phải có ý thức và trách nhiệm để bảo vệ nguồn nước không bị ô nhiễm. Bên cạnh những việc làm các em vừa nêu trên thì thầy hi vọng các em sẽ cố gắng phát huy và làm nhiều việc tích cực hơn nữa để bảo vệ nguồn nước ngay tại địa phương chúng ta.</i>	
Hoạt động 3: Cuộc thi: Đội tuyên truyền giỏi (10 phút). Mục tiêu: Học sinh tuyên truyền, cổ động mọi người bảo vệ nguồn nước. Phương pháp dạy học chủ yếu: thực hành- luyện tập, thuyết trình. Tiến trình dạy học:	
Giáo viên chia lớp thành 4 nhóm, tổ chức các nhóm thi vẽ tranh. Yêu cầu các nhóm vẽ tranh với nội dung tuyên truyền, cổ động mọi người cùng bảo vệ nguồn nước. Thời gian vẽ tranh là 5 phút. Giáo viên hướng dẫn từng nhóm, đảm bảo học sinh nào cũng được tham gia. Yêu cầu các nhóm thi tranh vẽ, đại diện các nhóm giới thiệu về bức tranh của nhóm mình. Mỗi nhóm cử 1 học sinh làm giám khảo. Giáo viên nhận xét, cho điểm từng nhóm. <u>Giáo dục:</u> Ở phần thi vẽ vừa rồi thầy thấy các em có rất nhiều ý tưởng hay trong việc tuyên truyền mọi người bảo vệ nguồn nước. Qua đây, thầy mong	Học sinh thảo luận nhóm chọn đề tài. Các nhóm vẽ tranh. Đại diện các nhóm giới thiệu về bức tranh của nhóm mình. Học sinh lắng nghe. Học sinh lắng nghe.

<i>các em ý thức được trách nhiệm của bản thân trong việc sử dụng nước hàng ngày một cách hợp lý, tiết kiệm. Đồng thời tuyên truyền, vận động mọi người sử dụng và bảo vệ nguồn nước hợp lý, tránh xả thải các chất độc hại, phế phẩm chăn nuôi, sinh hoạt trực tiếp ra nguồn nước làm ô nhiễm nguồn nước và môi trường.</i>	
4. Củng cố- dặn dò (1 phút) Giáo viên nhận xét tiết học Dặn học sinh về nhà học thuộc mục <i>Bạn cần biết</i>. Dặn học sinh luôn có ý thức bảo vệ nguồn nước và tuyên truyền mọi người cùng thực hiện.	Học sinh lắng nghe.

IV. Rút kinh nghiệm

BÀI 36. KHÔNG KHÍ CẦN CHO SỰ SỐNG

Bước 1: Xác định mục tiêu chính của bài và mục tiêu GDMT

❖ Mục tiêu bài học:

- Kiến thức:
 - Học sinh nêu được thực vật, động vật, thực vật phải có không khí thì mới sống được.
- Kỹ năng:
 - Củng cố cho học sinh kỹ năng làm thí nghiệm, quan sát, làm việc nhóm,...
- Thái độ:
 - Giáo dục học sinh có thái độ yêu quý thiên nhiên, có ý thức bảo vệ bầu không khí trong sạch.

❖ **Mục tiêu GDMT:** Giáo dục học sinh có ý thức bảo vệ bầu không khí trong sạch.

Bước 2: Chia nội dung bài học thành từng phần tương ứng với các hoạt động dạy học

Bài học được chia làm 4 phần tương ứng với 4 hoạt động:

- Hoạt động 1: Vai trò của không khí đối với con người.
- Hoạt động 2: Vai trò của không khí đối với động vật và thực vật.
- Hoạt động 3: Ứng dụng vai trò của không khí trong cuộc sống.
- Hoạt động 4: Tích hợp GDMT.

Bước 3: Chọn hoạt động tích hợp nội dung GDMT

Tích hợp toàn phần về vai trò của không khí, có bổ sung, mở rộng thêm ở hoạt động 4.

- Hoạt động 4: Sau khi học sinh biết được về vai trò của không khí đối với con người, động vật, thực vật và ứng dụng của chúng trong cuộc sống giáo viên tổ chức cho học sinh xem hai hình ảnh về không khí trong sạch và không khí ô nhiễm để học sinh thấy được những tác hại của không khí ô nhiễm. Từ đó giáo dục các em cần phải bảo vệ bầu không khí trong sạch (liên hệ).

Bước 4: Dự tính thời gian và lựa chọn phương pháp cụ thể

❖ Tiến trình hoạt động gồm có các bước, thời gian và phương pháp dạy học cụ thể như sau:

- Ổn định lớp: 1 phút.
- Kiểm tra bài cũ: 3 phút.
- Bài mới: 30 phút:
 - Giới thiệu bài: 1 phút.
 - Hoạt động 1 (phương pháp: thí nghiệm): 9 phút.
 - Hoạt động 2 (phương pháp: thảo luận, thuyết trình): 9 phút.
 - Hoạt động 3 (phương pháp: đàm thoại): 6 phút.
 - Hoạt động 4 (phương pháp: quan sát): 5 phút.
- Củng cố - dặn dò: 1 phút.

Bước 5: Thiết kế kế hoạch dạy học

BÀI 36: KHÔNG KHÍ CẦN CHO SỰ SỐNG

I. Mục tiêu bài học

1. Kiến thức

Học sinh nêu được thực vật, động vật, thực vật phải có không khí thì mới sống được.

2. Kỹ năng

Củng cố cho học sinh kỹ năng làm thí nghiệm, quan sát, làm việc nhóm,...

3. Thái độ

Giáo dục học sinh có thái độ yêu quý thiên nhiên, có ý thức bảo vệ bầu không khí trong sạch.

❖ **GDMT:** Giáo dục học sinh có ý thức bảo vệ bầu không khí trong sạch.

II. Đồ dùng dạy học

1. Giáo viên

Tranh ảnh về các người bệnh đang thở bằng bình ô-xi.

Bể cá đang được bơm không khí.

Hai hình ảnh: 1 hình về bầu không khí trong lành, 1 hình về bầu không khí ô nhiễm.

2. Học sinh

Chuẩn bị các cây con vật nuôi do giáo viên giao từ tiết trước.

III. Các hoạt động dạy học

Hoạt động của Giáo viên	Hoạt động của Học sinh
1. Ổn định lớp (1 phút) 2. Kiểm tra bài cũ (3 phút) Gọi 3 học sinh lên bảng trả lời câu hỏi: 1) Khí ô-xi có vai trò như thế nào đối với sự cháy? 2) Khí ni-tơ có vai trò như thế nào đối với sự cháy?	Học sinh trả lời: 1) Khí ô-xi giúp duy trì sự cháy. 2) Ni-tơ trong không khí không duy trì sự cháy nhưng nó giữ cho sự cháy không diễn ra quá nhanh.

3) Tại sao muốn sự cháy được tiếp diễn ta phải liên tục cung cấp không khí? Giáo viên nhận xét và cho điểm.	3) Tại vì khí ô-xi có vai trò duy trì sự cháy. Học sinh lắng nghe.
3. Bài mới (30 phút) Giới thiệu bài (1 phút): Ở tiết học trước chúng ta đã tìm hiểu không khí cần thiết như thế nào đối với sự cháy. Hôm nay thầy và các em sẽ cùng tìm hiểu về sự cần thiết của không khí, mà phạm vi rộng hơn là đối với con người, động vật và thực vật. Chúng ta bước sang Bài 36: Không khí cần cho sự sống.	
Hoạt động 1: Vai trò của không khí đối với con người (9 phút). Mục tiêu: Học sinh biết được vai trò của không khí đối với con người. Phương pháp dạy học chủ yếu: thí nghiệm. Tiến trình dạy học:	
Giáo viên yêu cầu cả lớp: - Đặt tay trước mũi thở ra và hít vào. Em có nhận xét gì? Gọi học sinh trả lời câu hỏi. Giáo viên: <i>Khi thở ra và hít vào phổi của chúng ta có nhiệm vụ lọc không khí để lấy khí ô-xi và thải ra khí các-bô-níc.</i> Yêu cầu 2 học sinh ngồi cùng bàn gần nhau lấy tay bịt mũi nhau và yêu cầu người bị bịt mũi phải ngậm miệng lại. Giáo viên hỏi học sinh bị bịt mũi. 1) Em cảm thấy thế nào khi bị bịt mũi	Học sinh thực hiện theo giáo viên. Học sinh trả lời: Đặt tay trước mũi thở ra và hít vào em thấy có luồng không khí ấm chạm vào tay khi thở ra và luồng không khí mát tràn vào lỗ mũi. Học sinh lắng nghe. Học sinh tiến hành theo cặp đôi. Học sinh trả lời: 1) Em thấy tức ngực khó chịu và

và ngậm miệng lại? 2) Qua thí nghiệm trên em thấy không khí có vai trò gì đối với đời sống con người? <u>Kết luận:</u> Không khí rất cần cho đời sống con người. Trong không khí có chứa khí ô-xi, con người tá sống không thể thiếu ô-xi nếu quá 3-4 phút. Chuyên ý: Không khí rất cần cho hoạt động hô hấp của con người. Còn đối với các sinh vật khác thì sao các em sẽ tìm hiểu hoạt động 2.	không thể chịu đựng được lâu hơn nữa. 2) Không khí rất cần cho quá trình thở của con người. Nếu không có không khí để thở thì con người sẽ chết. Học sinh lắng nghe.
Hoạt động 2: Vai trò của không khí đối với thực vật và động vật (9 phút). Mục tiêu: Học sinh biết được vai trò của không khí đối với động vật và thực vật. Phương pháp dạy học chủ yếu: thảo luận, thuyết trình. Tiến trình dạy học:	
Giáo viên tổ chức cho học sinh hoạt động nhóm. Yêu cầu các nhóm có thể trưng bày các vật nuôi, cây trồng theo yêu cầu tiết học trước. Yêu cầu mỗi nhóm cử một đại diện lên trình bày về kết quả thí nghiệm của nhóm mình đã làm ở nhà.	Học sinh hoạt động. Trong nhóm thảo luận về cách trình bày. Các nhóm cử đại diện thuyết minh. 4 học sinh cầm cây trồng (con vật) của mình trên tay và nêu kết quả. + Nhóm 1: Con cào cào của nhóm em vẫn sống bình thường. + Nhóm 2: Con cào cào của

Câu hỏi thảo luận: + Với những điều kiện nuôi như nhau: thức ăn, nước uống thì tại sao con sâu này lại chết? + Còn hạt đậu này khi gieo mọc thành cây thì tại sao lại không sống và phát triển được bình thường? + Qua 2 thí nghiệm trên em thấy không khí có vai trò như thế nào đối với thực vật và động vật? Giáo viên nhận xét. <i>Kết luận:</i> Không khí rất cần thiết cho hoạt động sống của các sinh vật. Sinh vật phải có không khí để thở thì mới sống được. Trong không khí có chứa ô-xi đây là thành phần rất quan trọng cho hoạt động hô hấp của con người và động, thực vật.	nhóm em nuôi cho ăn uống đầy đủ nhưng đã chết. + Nhóm 3: Hạt đậu của nhóm em trồng vẫn sống và phát triển bình thường. + Nhóm 4: Hạt đậu của nhóm em trồng sau khi nảy mầm đã bị héo úa hai lá mầm Trao đổi và trả lời: + Con cào cào này đã chết là do nó không có không khí để thở. Khi nắp lọ bị đóng kín lượng ô-xi có trong không khí trong lọ bị hết là nó chết. + Là do cây đậu đã bị thiếu không khí. Cây sống được là nhờ vào sự trao đổi khí với môi trường. + Không khí rất cần thiết cho hoạt động sống của động vật, thực vật. Thiếu ô - xi trong không khí, động, thực vật sẽ bị chết. Học sinh lắng nghe.
Hoạt động 3: Ứng dụng vai trò của khí ô-xi trong cuộc sống (6 phút).	

Mục tiêu: Học sinh biết được những ứng dụng về vai trò của khí ô-xi trong cuộc sống của con người, động vật và thực vật. Phương pháp dạy học chủ yếu: đàm thoại. Tiến trình dạy học:	
Giáo viên nêu: Khí ô - xi có vai trò rất quan trọng đối với sự thở và con người đã ứng dụng rất nhiều vào trong đời sống. Các em hãy quan sát hình 5 và 6 trong SGK và cho biết tên các dụng cụ giúp người thợ lặn có thể lặn sâu dưới nước và dụng cụ giúp cho nước trong bể cá có nhiều không khí hoà tan. Gọi học sinh phát biểu. Gọi học sinh nhận xét câu trả lời của bạn. Giáo viên nhận xét và kết luận. Giáo viên yêu cầu học sinh chia theo nhóm 4 và yêu cầu học sinh trao đổi các câu hỏi. Giáo viên đưa bảng phụ: 1) Những ví dụ nào chứng tỏ không khí cần cho sự sống con người, động vật, thực vật? 2) Trong không khí thành phần nào là quan trọng nhất đối với sự thở?	Học sinh lắng nghe. Học sinh quan sát. 2 học sinh vừa chỉ hình vừa nói: + Dụng cụ giúp người thợ lặn có thể lặn sâu dưới nước là bình ô-xi mà họ đeo ở lưng. + Dụng cụ giúp nước trong bể cá có nhiều không khí hoà tan là máy bơm không khí vào nước. Học sinh nhận xét. Học sinh lắng nghe. 4 học sinh cùng bàn trao đổi thảo luận, cử đại diện trình bày. Học sinh trả lời: 1) Không có không khí thì con người, động vật, thực vật sẽ chết. Con người không thể nhịn thở quá 3- 4 phút. 2) Trong không khí thì ô-xi là thành phần quan trọng nhất đối

3) Trong trường hợp nào con người phải thở bằng bình ô - xi? Gọi học sinh lên trình bày. Mỗi nhóm trình bày 1 câu, các nhóm khác nhận xét bổ sung. <u>Giáo viên nhận xét và kết luận:</u> <i>Người, động vật, thực vật sống được là cần có ô-xi để thở.</i>	với sự thở của người, động vật, thực vật. 3) Người ta phải thở bình ô-xi: làm việc lâu dưới nước, thợ làm việc trong hầm lò, người bị bệnh nặng cần cấp cứu, ... Các nhóm nhận xét, bổ sung. Học sinh lắng nghe.
Hoạt động 4: Tích hợp GDMT (5 phút). Mục tiêu: Học sinh biết được những việc cần làm để bảo vệ bầu không khí. Phương pháp dạy học chủ yếu: quan sát. Tiến trình dạy học:	
Giáo viên trình chiếu 2 hình ảnh: - Một hình ảnh thể hiện không khí trong lành. - Một hình ảnh có nhiều khói bụi độc hại. Câu hỏi: - Em hãy quan sát và nhận xét về sự khác biệt của 2 hình ảnh? - Nêu tác hại của không khí ô nhiễm	Học sinh quan sát. Học sinh trả lời: - Nhận xét 2 hình: + Hình 1: bầu trời trong xanh, cây cối xanh tốt, có bầu không khí trong lành mát mẻ. +Hình 2: có nhiều khói bụi màu đen của các nhà máy công nghiệp, phương tiện giao thông, không khí bị ô nhiễm. - Gây ảnh hưởng xấu đến hô

nhiều khói bụi độc hại? - Chúng ta cần phải làm gì để bảo vệ bầu không khí trong lành?	hấp của con người, thực vật và động vật. - Không đốt rác bừa bãi, sử dụng các phương tiện công cộng thay thế cho ô tô, xe máy để giảm khí thải ra môi trường, trồng nhiều cây xanh, ...
4. Củng cố- dặn dò (1 phút) Giáo viên hỏi: Bài học chúng ta chúng ta cần phải ghi nhớ điều gì? Giáo viên nhận xét tiết học. Dặn dò học sinh về nhà học bài và chuẩn bị bài tiếp theo: <i>Bài 37: Tại sao có gió?</i>	Học sinh trả lời. Học sinh lắng nghe.

IV. Rút kinh nghiệm

KẾT LUẬN CHƯƠNG 2

Qua việc nghiên cứu về vấn đề tích hợp giáo dục BVMT trong dạy học môn Khoa học lớp 4 chúng tôi đưa ra được các kết luận sau:

- Quy trình thiết kế kế hoạch dạy học tích hợp giáo dục BVMT trong môn Khoa học lớp 4 gồm có 5 bước:

- Bước 1: Xác định mục tiêu chính của bài và mục tiêu GDMT.
- Bước 2: Chia nội dung bài học thành từng phần tương ứng với các hoạt động dạy học.
- Bước 3: Chọn hoạt động có thể tích hợp nội dung GDMT.
- Bước 4: Dự tính thời gian, lựa chọn phương pháp cụ thể.
- Bước 5: Thiết kế kế hoạch dạy học.

- Xác định các bài có thể tích hợp nội dung tích hợp GDMT (có 29/70 bài), đồng thời xác định được mức độ tích hợp của từng bài là toàn phần, bộ phận hay liên hệ. Trong đó có 7/29 bài có thể tích hợp ở mức độ toàn phần, còn lại các bài được tích hợp ở mức độ bộ phận. Hầu hết các bài đều có thể liên hệ mở rộng giúp các em áp dụng vào trong cuộc sống ở trường lớp, gia đình hay địa phương.

- Thiết kế các kế hoạch dạy học tích hợp GDMT trong môn Khoa học lớp 4 theo quy trình 5 bước với các mức độ tích hợp phù hợp. Chúng tôi đã lựa chọn và thiết kế 15 kế hoạch dạy học tương ứng với 15 bài có nội dung GDMT phù hợp với các em.

Chương 3

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

3.1. MỤC ĐÍCH ĐÁNH GIÁ

- Bước đầu đánh giá hiệu quả và tính khả thi của các kế hoạch dạy học tích hợp GDMT trong môn Khoa học lớp 4.

3.2. NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ

3.2.1. Các bài học được thiết kế tích hợp giáo dục môi trường

Các bài học có nội dung có thể tích hợp GDMT trong môn Khoa học lớp 4, cụ thể:

STT	Tên bài
1	Bài 14: Phòng một số bệnh lây qua đường tiêu hóa
2	Bài 24: Nước cần cho sự sống
3	Bài 25: Nước bị ô nhiễm
4	Bài 26: Nguyên nhân làm nước bị ô nhiễm
5	Bài 27: Một số cách làm sạch nước
6	Bài 28: Bảo vệ nguồn nước
7	Bài 29: Tiết kiệm nước
8	Bài 36: Không khí cần cho sự sống
9	Bài 39: Không khí bị ô nhiễm
10	Bài 40: Bảo vệ bầu không khí trong sạch
11	Bài 48: Ánh sáng cần cho sự sống (tiếp theo)
12	Bài 53: Các nguồn nhiệt
13	Bài 60: Nhu cầu không khí của thực vật
14	Bài 63: Động vật ăn gì để sống?
15	Bài 65: Quan hệ thức ăn trong tự nhiên

Các giáo án tích hợp GDMT được trình bày ở phần Phụ lục.

3.2.2. Bảng đánh giá theo các tiêu chí

Phiếu 1: Đánh giá kế hoạch dạy học

Các mặt đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Mức độ (điểm)				
		1	2	3	4	5
Mục tiêu học tập (15đ)	1. Xác định đầy đủ các thành tố của mục tiêu bài học					
	2. Diễn đạt mục tiêu đơn giản, cụ thể, có thể đo, đếm được					
	3. Mục tiêu đảm bảo chuẩn kiến thức, kỹ năng và có sự phù hợp với khả năng HS, điều kiện thực hiện.					
Nội dung học tập (20đ)	4. Đảm bảo tính chính xác, logic, khoa học, làm rõ được trọng tâm					
	5. Đảm bảo được mức độ phân hóa, phù hợp với khả năng của HS					
	6. Liên hệ thực tế, cập nhật kiến thức.					
	7. Tích hợp được các nội dung giáo dục (đạo đức, giá trị, kỹ năng sống, hứng thú, niềm tin...)					
Thiết bị dạy học (TBDH) và học liệu (10đ)	8. Lựa chọn TBDH sáng tạo, các học liệu (kể cả sự hỗ trợ của CNTT) phù hợp mục đích tổ chức các hoạt động học tập					
	9. Lựa chọn TBDH đa dạng, đơn giản, phổ biến và dễ sử dụng					
Tổ chức các hoạt	10. Lựa chọn được phương pháp/kỹ thuật dạy học phù hợp với nội dung từng hoạt động					
	11. Lựa chọn các phương pháp, kỹ thuật,					

động học tập (45đ)	hình thức dạy học đa dạng, linh hoạt kích thích khả năng tự học, tích cực hoá được người học					
	12. Thể hiện được việc sử dụng hợp lý các phương pháp thu thập thông tin phản hồi về mức độ nhận thức của HS					
	13. Đặt các câu hỏi/bài tập có tính phân hóa, kích thích tư duy của HS					
	14. Thể hiện việc sử dụng thiết bị dạy học hợp lý, hiệu quả					
	15. Có sự phân bố thời gian hợp lý cho các hoạt động					
	16. Dự kiến xử lý các tình huống sư phạm trong giờ học					
	17. Dự kiến cho HS nhận xét, đánh giá					
	18. Có hướng dẫn HS thực hiện nhiệm vụ trong các hoạt động học tập					
Tổng kết và hướng dẫn học tập (10đ)	19. Tổng kết, hệ thống hóa bài học một cách cụ thể, cô đọng để HS dễ nhớ, dễ ghi chép					
	20. Hướng dẫn HS học tập ở nhà đầy đủ và chính xác					
Điểm tổng cộng:		/100				
Xếp loại giờ dạy:						

Phiếu 2. Đánh giá tích hợp GDMT

Câu 1: Mục tiêu GDMT:

- ☐ Đã đầy đủ. ☐ Đạt mục tiêu ☐ Chưa đạt.

Câu 2: Nội dung tích hợp GDMT:

- ☐ Đã xác định đúng, đủ nội dung.
☐ Đủ nội dung.
☐ Chưa đủ nội dung.

Câu 3: Phương pháp GDMT:

- ☐ Sử dụng các PPDH phong phú, nắm rõ cách thực hiện các bước.
☐ Sử dụng các phương pháp tốt nhưng chưa phong phú các phương pháp.
☐ Các phương pháp sử dụng còn chưa rõ ràng .

Câu 4: Hình thức tích hợp GDMT:

- ☐ Đã xác định đúng và phong phú các hình thức.
☐ Đôi chỗ còn nhầm lẫn các hình thức tích hợp .
☐ Chưa xác định đúng các hình thức, các hình thức còn đơn điệu.

Câu 5: Nguyên tắc tích hợp GDMT:

- ☐ Thiết kế đảm bảo đúng nguyên tắc.
☐ Thiết kế có đôi chỗ còn chưa đảm bảo.
☐ Thiết kế chưa đảm bảo nguyên tắc.

3.3. TIẾN HÀNH ĐÁNH GIÁ

3.3.1. Thời gian thiết kế kế hoạch dạy học và đánh giá chuyên gia

- Tôi tiến hành thiết kế kế hoạch dạy học tích hợp giáo dục BVMT trong môn Khoa học lớp 4 từ ngày 05/01/2020 đến ngày 10/4/2020.
- Các giáo viên tham gia đánh giá kế hoạch dạy học từ ngày 15/04/2020 đến ngày 04/05/2020.

3.3.2. Chọn giáo viên tham gia đánh giá

Chúng tôi tiến hành khảo sát, đánh giá tại 3 trường tiểu học thuộc 3 xã tại huyện Hoa Lư Ninh Bình, cụ thể:

- + Trường Tiểu học Trường Yên.
- + Trường Tiểu học Ninh An.

+ Trường Tiểu học thị trấn Thiên Tôn.

Dựa vào kết quả khảo sát, phân loại và sự hợp tác chúng tôi chọn được 9 giáo viên khối 4 và khối 5. Trong đó có 5 giáo viên trường Tiểu học Trường Yên, 2 giáo viên trường Tiểu học Ninh An, 2 giáo viên trường Tiểu học thị trấn Thiên Tôn. Đây đều là những giáo viên có năng lực chuyên môn, có phẩm chất của người nghiên cứu khoa học.

3.3.3. Cách tiến hành đánh giá

3.3.3.1. Xây dựng hệ thống đánh giá: đánh giá bằng 2 phiếu đánh giá

Phiếu 1: Đánh giá kế hoạch dạy học, được đánh giá 5 nội dung, với 20 tiêu chí, cụ thể như sau:

- Mục tiêu học tập: 3 tiêu chí
- Nội dung học tập: 4 tiêu chí
- Thiết bị dạy học và tư liệu: 2 tiêu chí
- Tổ chức các hoạt động học tập: 9 tiêu chí
- Tổng kết và hướng dẫn học tập: 2 tiêu chí

Phiếu 2: Đánh giá tích hợp GDMT: bằng các câu hỏi trắc nghiệm về mục tiêu, nội dung, phương pháp, hình thức và nguyên tắc tích hợp GDMT.

3.3.3.2. Hướng dẫn kĩ thuật đánh giá

1. Xác định đầy đủ các thành tố của mục tiêu của bài học (kiến thức, kĩ năng, thái độ)

Mức độ 5: Trình bày được mục tiêu bài học đầy đủ và đúng các thành tố của mục tiêu: kiến thức, kĩ năng, thái độ.

Mức độ 3: Trình bày được mục tiêu bài học cơ bản đúng các thành tố của mục tiêu: kiến thức, kĩ năng, thái độ.

Mức độ 1: Trình bày mục tiêu bài học chung chung, không thể hiện rõ hay còn nhầm lẫn giữa các thành tố.

2. Diễn đạt mục tiêu đơn giản, cụ thể, có thể đo, đếm được

Mức độ 5: Mục tiêu đơn giản, cụ thể; sử dụng các động từ có thể quan sát và đo lường được để viết mục tiêu bài học.

Mức độ 3: Mục tiêu chưa thực sự đơn giản, cụ thể; sử dụng các động từ đo lường được khi viết mục tiêu bài học.

Mức độ 1: Mục tiêu không rõ ràng; sử dụng các động từ không đo được để viết các mục tiêu bài học.

3. Mục tiêu đảm bảo chuẩn kiến thức, kỹ năng và có sự phù hợp với khả năng HS, điều kiện thực hiện

Mức độ 5: Trình bày được mục tiêu bài học đầy đủ theo chuẩn kiến thức, kỹ năng và có sự phù hợp với khả năng HS, điều kiện thực hiện.

Mức độ 3: Trình bày được mục tiêu bài học theo chuẩn kiến thức, kỹ năng, song chưa rõ hoặc còn thiếu; chưa thực sự phù hợp với khả năng HS hay điều kiện thực hiện.

Mức độ 1: Trình bày mục tiêu bài học không theo chuẩn kiến thức, kỹ năng, không phù hợp với khả năng HS, hoặc thiếu những mục tiêu quan trọng.

4. Đảm bảo tính chính xác, lôgic, khoa học, làm rõ được trọng tâm

Mức độ 5: Đảm bảo chính xác các khái niệm, thuật ngữ khoa học; các đơn vị kiến thức, kỹ năng được sắp xếp lô gic; xác định rõ kiến thức trọng tâm của bài học.

Mức độ 3: Đảm bảo chính xác các khái niệm, thuật ngữ khoa học, các đơn vị kiến thức, kỹ năng chưa được sắp xếp lô gic hoặc chưa xác định được kiến thức trọng tâm.

Mức độ 1: Các khái niệm, thuật ngữ khoa học có nội dung không chuẩn xác; không xác định được kiến thức trọng tâm.

5. Đảm bảo được mức độ phân hóa, phù hợp với khả năng của HS

Mức độ 5: Đảm bảo mức độ phân hoá theo trình độ HS trong lớp học: nội dung kiến thức, kỹ năng chuẩn; nội dung kiến thức, kỹ năng nâng cao dành cho HS khá, giỏi. Có biện pháp hỗ trợ HS yếu.

Mức độ 3: Các nội dung kiến thức, kỹ năng dành cho các đối tượng HS yếu hoặc HS khá giỏi trong lớp học không được xác định rõ ràng.

Mức độ 1: Không có sự phân hóa các nội dung kiến thức, kỹ năng dành cho các đối tượng khác nhau trong lớp học.

6. Liên hệ thực tế, cập nhật kiến thức.

Mức độ 5: Nội dung kiến thức được cập nhật, đảm bảo tính hiện đại, thời sự và các ví dụ xuất phát từ thực tế hoặc có liên hệ ứng dụng trong thực tế.

Mức độ 3: Nội dung kiến thức được cập nhật, tuy nhiên chưa đảm bảo được tính hiện đại, thời sự. Lấy được các ví dụ liên hệ thực tế song chưa thật tiêu biểu.

Mức độ 1: Nội dung kiến thức không được cập nhật, không liên hệ với thực tế.

7. Tích hợp được các nội dung giáo dục (giá trị, kỹ năng sống, hứng thú, niềm tin...)

Mức độ 5: Nội dung kiến thức có tích hợp một cách hợp lý các ví dụ, câu chuyện, bài học đạo đức, giáo dục giá trị sống, kỹ năng sống, nuôi dưỡng hứng thú, tạo niềm tin,...có sức hấp dẫn HS.

Mức độ 3: Nội dung kiến thức có lồng ghép các nội dung giáo dục đạo đức, giá trị, kỹ năng sống,... song chưa thật tiêu biểu... chưa thực sự hấp dẫn HS.

Mức độ 1: Nội dung kiến thức khô khan, thuần kiến thức môn học, không được lồng ghép các nội dung giáo dục.

8. Lựa chọn TBDH sáng tạo, các học liệu (kể cả sự hỗ trợ của CNTT) phù hợp mục đích tổ chức các hoạt động học tập

Mức độ 5: TBDH được lựa chọn một cách sáng tạo, các học liệu phù hợp mục đích tổ chức các hoạt động

Mức độ 3: TBDH, học liệu được lựa chọn nhưng chưa thật sáng tạo, chưa thật phù hợp mục đích tổ chức các hoạt động

Mức độ 1: TBDH, học liệu được lựa chọn không phù hợp mục đích tổ chức các hoạt động.

9. Lựa chọn TBDH đa dạng, đơn giản, phổ biến và dễ sử dụng

Mức độ 5: Có lựa chọn TBDH đa dạng, đơn giản, phổ biến và dễ sử dụng

Mức độ 3: Lựa chọn TBDH chưa thật đa dạng, đơn giản, phổ biến và dễ sử dụng

Mức độ 1: Không lựa chọn những TBDH đa dạng, đơn giản, phổ biến và dễ sử dụng.

10. Lựa chọn được phương pháp/kỹ thuật dạy học phù hợp với nội dung từng hoạt động

Mức độ 5: Phương pháp/kỹ thuật dạy học đa dạng, tân tiến, phù hợp với nội dung từng hoạt động. HS dễ hiểu, tích cực tham gia.

Mức độ 3: Phương pháp/kỹ thuật dạy học đa dạng, chưa thật phù hợp với nội dung của hoạt động.

Mức độ 1: Phương pháp/kỹ thuật dạy học lạc hậu, không phù hợp với mục tiêu, nội dung của bài học.

11. Lựa chọn các phương pháp, kỹ thuật, hình thức dạy học đa dạng, linh hoạt kích thích khả năng tự học, tích cực hoá được người học

Mức độ 5: Lựa chọn được các phương pháp/kỹ thuật, hình thức dạy học một cách linh hoạt, sáng tạo, phát huy được tính tích cực của HS, kích thích sự tranh luận, hợp tác nhóm và tư duy phê phán của HS.

Mức độ 3: Lựa chọn được các phương pháp/kỹ thuật, hình thức dạy học vào các tình huống dạy học, nhưng chưa sáng tạo hoặc chưa kích thích được tính tích cực của HS.

Mức độ 1: Lựa chọn phương pháp, hình thức đơn điệu, không phát huy được tính tích cực học tập của HS.

12. Thể hiện được việc sử dụng hợp lý các phương pháp thu thập thông tin phản hồi về mức độ nhận thức của HS

Mức độ 5: Thể hiện được các phương pháp, hình thức đánh giá phù hợp, vận dụng sáng tạo, đa dạng hóa kênh thu nhận thông tin phản hồi mức độ nhận thức của HS, để từ đó điều chỉnh PPDH.

Mức độ 3: Có thể hiện các phương pháp, hình thức đánh giá thu nhận thông tin phản hồi mức độ nhận thức của HS, nhưng chưa phù hợp.

Mức độ 1: Không có phương pháp thu thập thông tin phản hồi về mức độ nhận thức của HS.

13. Đặt các câu hỏi/bài tập có tính phân hóa, kích thích tư duy của HS

Mức độ 5: Đặt được các câu hỏi/bài tập có tính phân hóa phù hợp cho các nhóm HS (khá giỏi, trung bình, yếu). Câu hỏi/bài tập kích thích tư duy

của HS, kích lệ HS suy nghĩ, tranh luận, vận dụng xử lý các vấn đề của cá nhân/thực tế.

Mức độ 3: Đặt được các câu hỏi/bài tập khác nhau, ở góc độ nào đó là thích hợp cho các đối tượng, nhưng tính phân hóa chưa rõ, chưa kích thích được tư duy của HS.

Mức độ 1: Các câu hỏi/bài tập đặt ra chỉ đơn thuần là ghi nhớ, học thuộc, không kích thích tư duy, không có tính phân hóa. Không kích lệ HS suy nghĩ.

14. Thể hiện việc sử dụng thiết bị dạy học hợp lý, hiệu quả

Mức độ 5: Thiết bị dạy học và học liệu được thể hiện trong các hoạt động có tính khả thi cao và có hiệu quả.

Mức độ 3: Thiết bị dạy học và học liệu được thể hiện trong các hoạt động nhưng chưa rõ ràng, tính hiệu quả chưa cao.

Mức độ 1: Thiết bị dạy học và học liệu thể hiện trong các hoạt động không hợp lý, kém hiệu quả.

15. Có sự phân bổ thời gian hợp lý cho các hoạt động

Mức độ 5: Phân bổ thời gian cho các hoạt động hợp lý.

Mức độ 3: Thời gian phân bổ cho các hoạt động chưa thật hợp lý hoặc chưa hiệu quả.

Mức độ 1: Phân bổ thời gian cho các hoạt động không hợp lý, hoặc không có sự phân bổ thời gian cho các hoạt động.

16. Dự kiến xử lý các tình huống sư phạm trong giờ học

Mức độ 5: Dự kiến tình huống và xử lý các tình huống trong giờ học hợp lý, đảm bảo tính sư phạm.

Mức độ 3: Dự kiến tình huống và xử lý các tình huống trong giờ học chưa thật hợp lý, tính sư phạm chưa rõ.

Mức độ 1: Dự kiến tình huống và xử lý các tình huống trong giờ học không hợp lý, thiếu tính sư phạm.

17. Dự kiến cho HS nhận xét, đánh giá

Mức độ 5: Dự kiến cho HS được nhận xét, đánh giá theo hướng tích cực.

Mức độ 3: Dự kiến cho HS được nhận xét, đánh giá nhưng chưa theo hướng tích cực.

Mức độ 1: Không dự kiến cho HS được nhận xét, đánh giá

18. Có hướng dẫn HS thực hiện nhiệm vụ trong các hoạt động học tập

Mức độ 5: Có hướng dẫn HS thực hiện nhiệm vụ học tập một cách cụ thể, tích cực, có chọn lựa phương pháp phù hợp với từng nội dung học tập.

Mức độ 3: Có hướng dẫn HS thực hiện nhiệm vụ học tập một cách cụ thể, tích cực.

Mức độ 1: Không có hướng dẫn HS thực hiện nhiệm vụ học tập.

19. Tổng kết, hệ thống hóa bài học một cách cụ thể, cô đọng để HS dễ nhớ, dễ ghi chép

Mức độ 5: Nội dung bài học được tổng kết, hệ thống hóa một cách cụ thể, cô đọng.

Mức độ 3: Nội dung bài học được tổng kết, hệ thống hóa nhưng chưa cụ thể, cô đọng.

Mức độ 1: Không có tổng kết, hệ thống hóa nội dung bài học.

20. Hướng dẫn HS học tập ở nhà đầy đủ và chính xác

Mức độ 5: Có hướng dẫn HS học tập ở nhà đầy đủ và chính xác.

Mức độ 3: Có hướng dẫn HS học tập ở nhà nhưng chưa đầy đủ và chính xác.

Mức độ 1: Không có hướng dẫn HS học tập ở nhà.

❖ Xếp loại kế hoạch bài học

Có 20 tiêu chí làm cơ sở cho việc đánh giá KHBH. Mỗi tiêu chí, khi đánh giá được chia làm 5 mức độ từ thấp đến cao: 1, 2, 3, 4, 5. Mỗi mức độ chênh nhau 1 điểm.

Cụ thể là: Mức độ 1: 1 điểm; Mức độ 2: 2 điểm; Mức độ 3: 3 điểm; Mức độ 4: 4 điểm; Mức độ 5: 5 điểm

- Loại tốt: Đảm bảo 2 yêu cầu:

+ Điểm tổng cộng đạt 86 điểm trở lên;

+ Các tiêu chí phải đạt ở mức độ 4 trở lên.

- Loại khá: Đảm bảo 2 yêu cầu:

- + Điểm tổng cộng đạt từ 70 điểm đến dưới 86 điểm.
- + Các tiêu chí phải đạt ở mức độ 3 trở lên.
- Loại trung bình: Điểm tổng cộng đạt từ 55 điểm đến dưới 70 điểm.
- Chưa đạt yêu cầu: cho các trường hợp còn lại
- Tổng điểm đánh giá chung (trung bình cộng) để xếp loại KHBH của GV có thể để điểm lẻ làm tròn đến 0,5đ.

3.3.3.3. Trung cầu ý kiến các chuyên gia

Chúng tôi xây dựng các phiếu đánh giá, bảng hướng dẫn cách đánh giá cho các tiêu chí, sau đó gửi các kế hoạch bài học đã thiết kế cho các giáo viên đã được lựa chọn, để các thầy cô đọc, nhận xét và đánh giá từng bài học.

Ngoài việc đánh giá bằng điểm số theo các tiêu chí thì chúng tôi còn tiến hành trung cầu ý kiến về các nội dung tích hợp GDMT bằng các câu hỏi trắc nghiệm như mục tiêu, nội dung, phương pháp, hình thức và nguyên tắc tích hợp GDMT. Bên cạnh đó chúng tôi có thêm cả phần giáo viên nhận xét và đưa ra ý kiến để hoàn thiện kế hoạch bài dạy đối với từng bài cụ thể.

3.3.3.4. Thu thập và xử lý các ý kiến

Sau khi đã thu thập được sự nhận xét, đánh giá các kế hoạch bài dạy (cụ thể là 15 bài) chúng tôi tiến hành xử lý các ý kiến bằng cách tổng hợp kết quả đánh giá bằng điểm số là kết quả trung bình của tất cả các GV được gửi phiếu đánh giá, phân tích và đưa ra kết luận.

3.4. KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ

3.4.1. Phân tích định lượng

Bảng 3.1: Bảng đánh giá kết quả kế hoạch dạy học tích hợp GDMT

STT	Tên bài	Điểm TB	Xếp loại
1	Bài 14: Phòng một số bệnh lây qua đường tiêu hóa	98	Giỏi
2	Bài 24: Nước cần cho sự sống	86	Giỏi
3	Bài 25: Nước bị ô nhiễm	97	Giỏi
4	Bài 26: Nguyên nhân làm nước bị ô nhiễm	98	Giỏi

5	Bài 27: Một số cách làm sạch nước	87	Giỏi
6	Bài 28: Bảo vệ nguồn nước	97	Giỏi
7	Bài 29: Tiết kiệm nước	98	Giỏi
8	Bài 36: Không khí cần cho sự sống	93	Giỏi
9	Bài 39: Không khí bị ô nhiễm	97	Giỏi
10	Bài 40: Bảo vệ bầu không khí trong sạch	97	Giỏi
11	Bài 48: Ánh sáng cần cho sự sống (tiếp theo)	83	Khá
12	Bài 53: Các nguồn nhiệt	97	Giỏi
13	Bài 60: Nhu cầu không khí của thực vật	97	Giỏi
14	Bài 63: Động vật ăn gì để sống	88	Giỏi
15	Bài 65: Quan hệ thức ăn trong tự nhiên	97	Giỏi
Tổng điểm		94	Giỏi

Từ bảng 3.1 ta thấy rằng, trung bình các kế hoạch dạy học tích hợp GDMT được xếp loại giỏi. Ở từng tiêu chí đều được giáo viên đánh giá cao, đạt mức 4- 5 điểm, cụ thể như sau:

Với “Bài 14: Phòng một số bệnh lây qua đường tiêu hóa” đạt 98/100 điểm. Trong đó hầu như các tiêu chí đều đạt mức điểm tối đa là 5 điểm, chỉ có hai tiêu chí đạt mức 4 điểm đó là “*Đặt các câu hỏi/bài tập có tính phân hóa, kích thích tư duy của học sinh*” và “*Dự kiến xử lý các tình huống sư phạm trong giờ học*”.

Đối với “Bài 24: Nước cần cho sự sống” có khá nhiều tiêu chí được giáo viên đánh giá ở mức độ 4 điểm và cũng có tiêu chí giáo viên để ở mức độ tối đa như: “*Thể hiện được việc hợp lý các phương pháp thu thập thông tin phản hồi về mức độ nhận thức của học sinh*”, “*Có sự phân bố thời gian hợp lý cho các hoạt động*”, “*Dự kiến xử lý các tình huống sư phạm trong giờ học*”, “*Có hướng dẫn học sinh thực hiện nhiệm vụ trong các hoạt động học tập*” và “*Tổng kết, hệ thống hóa bài học một cách cụ thể, cô đọng để học sinh dễ nhớ, dễ ghi chép*”. Tổng cộng các tiêu chí đạt 86 điểm.

Với “Bài 25: Nước bị ô nhiễm” đạt 97 điểm, hầu hết các tiêu chí đều đạt mức 5 điểm, ngoài ra còn ba tiêu chí đạt mức 4 điểm đó là: *“Liên hệ thực tế, cập nhật kiến thức”*, *“Tích hợp được các nội dung giáo dục (đạo đức, giá trị, kỹ năng sống...)”* và *“Lựa chọn các phương pháp, kỹ thuật, hình thức dạy học đa dạng, linh hoạt kích thích khả năng tự học, tích cực hóa được người học”*.

“Bài 26: Nguyên nhân làm nước bị ô nhiễm” có tổng điểm là 98. Trong đó đa số các tiêu chí được đánh giá ở mức độ 5 điểm, chỉ có hai tiêu chí ở mức độ 4 điểm là: *“Đặt các câu hỏi/bài tập có tính phân hóa, kích thích tư duy của học sinh”* và *“Dự kiến xử lý các tình huống sư phạm trong giờ học”*.

“Bài 27: Một số cách làm sạch nước” các tiêu chí được giáo viên đánh giá ở mức độ 4 điểm còn lại 8 tiêu chí được đánh giá ở mức độ 5 điểm. Tổng cộng được 87 điểm.

Với “Bài 28: Bảo vệ nguồn nước” có tổng điểm là 97/100. Trong đó các tiêu chí hầu hết đều được đánh giá cao ở mức độ 5 điểm, riêng có các tiêu chí là: *“Tích hợp được các nội dung giáo dục (đạo đức, giá trị, kỹ năng sống...)”*, *“Lựa chọn các phương pháp, kỹ thuật, hình thức dạy học đa dạng, linh hoạt kích thích khả năng tự học, tích cực hóa được người học”* và *“Dự kiến xử lý các tình huống sư phạm trong giờ học”* được đánh giá ở mức độ 4 điểm.

Bài 29 được giáo viên đánh giá rất cao với số điểm là 98/100 điểm. Hầu như các tiêu chí đều đạt mức điểm tối đa, chỉ có 2 tiêu chí đạt mức 4 điểm đó là *“Đảm bảo được sự phân hóa, phù hợp với khả năng của học sinh”* và *“Đặt các câu hỏi/bài tập có tính phân hóa, kích thích tư duy của học sinh”*.

“Bài 36: Không khí cần cho sự sống” có tổng cộng là 93 điểm. Trong đó có nhiều tiêu chí đạt mức 5 điểm và một vài tiêu chí đạt mức 4 điểm như tiêu chí số 5, 11, 13, 14, 16, 17, 20.

Tổng điểm của “Bài 36: Không khí bị ô nhiễm” là 97 điểm, đa số các tiêu chí đều đạt mức 5 điểm, riêng chỉ có ba tiêu chí đạt 4 điểm là *“Liên hệ thực tế, cập nhật kiến thức”*, *“Tích hợp được các nội dung giáo dục (đạo đức, giá trị, kỹ năng sống...)”*, *“Lựa chọn các phương pháp, kỹ thuật, hình thức dạy học đa dạng, linh hoạt kích thích khả năng tự học, tích cực hóa được người học”*.

Đối với “Bài 40: Bảo vệ bầu không khí trong sạch” có tổng điểm là 97/100. Các tiêu chí được đánh khá cao, hầu hết đều đạt 5 điểm và ba tiêu chí đạt mức 4 điểm là *“Lựa chọn các phương pháp, kỹ thuật, hình thức dạy học đa dạng, linh hoạt kích thích khả năng tự học, tích cực hóa được người học”*, *“Đặt các câu hỏi/bài tập có tính phân hóa, kích thích tư duy của học sinh”* và *“Dự kiến xử lý các tình huống sư phạm trong giờ học”*.

Trong tất cả các kế hoạch dạy học có “Bài 48: Ánh sáng cần cho sự sống (tiếp theo)” có số điểm thấp hơn so với các kế hoạch dạy học khác, đạt 83 điểm. Chỉ có năm tiêu chí đạt 5 điểm đó là tiêu chí số 15, 18, 19; còn lại các tiêu chí đạt mức 4 điểm.

Với “Bài 53: Các nguồn nhiệt” đạt 97 điểm, trong đó có hầu hết các tiêu chí đều đạt mức 5 điểm, chỉ có ba tiêu chí đạt 4 điểm là *“Liên hệ thực tế, cập nhật kiến thức”*, *“Lựa chọn các phương pháp, kỹ thuật, hình thức dạy học đa dạng, linh hoạt kích thích khả năng tự học, tích cực hóa được người học”* và *“Dự kiến xử lý các tình huống sư phạm trong giờ học”*.

“Bài 60: Nhu cầu không khí của thực vật” cũng đạt mức 97 điểm. Ngoài các tiêu chí đạt mức 5 điểm thì có ba tiêu chí đạt mức 4 điểm là *“Đảm bảo được sự phân hóa, phù hợp với khả năng của học sinh”*, *“Đặt các câu hỏi/bài tập có tính phân hóa, kích thích tư duy của học sinh”* và *“Dự kiến xử lý các tình huống sư phạm trong giờ học”*.

Với “Bài 63: Động vật ăn gì để sống?” được thiết kế theo hình thức dạy học tham quan cũng được giáo viên đánh giá khá cao 88 điểm. Trong đó có tám tiêu chí được đánh giá ở mức 5 điểm, còn lại 12 tiêu chí đánh giá ở mức 4 điểm.

Cuối cùng là “Bài 65: Quan hệ thức ăn trong tự nhiên” cũng đạt mức 97 điểm. Trong đó hầu như các tiêu chí đều đạt 5 điểm, chỉ còn ba tiêu chí đạt mức 4 điểm đó là *“Liên hệ thực tế, cập nhật kiến thức”*, *“Tích hợp được các nội dung giáo dục (đạo đức, giá trị, kỹ năng sống...)”* và *“Lựa chọn TBDH đa dạng, đơn giản, phổ biến và dễ sử dụng”*.

Qua kết quả trên chúng tôi thấy rằng để xây dựng một kế hoạch dạy học tích hợp GDMT đạt hiệu quả thì giáo viên cần phải đảm bảo đầy đủ các

nội dung, tiêu chí như: mục tiêu, nội dung, phương tiện dạy học,... Từ đó sẽ giúp giáo viên trong quá trình dạy học truyền thụ đầy đủ các kiến thức cho học sinh và việc GDMT đạt hiệu quả.

Bảng 3.2: Bảng đánh giá mục tiêu GDMT

Mức độ đánh giá	Kết quả	
	Số lượng	%
Đã đầy đủ	12	80
Đạt mục tiêu	3	20
Chưa đạt	0	0

Từ bảng 3.2 ta thấy có tới 80% giáo viên cho rằng mục tiêu đã được xác định đầy đủ, còn 20% giáo viên cho rằng đã đạt mục tiêu. Từ đó chúng tôi thấy rằng việc xác định mục tiêu GDMT trong môn Khoa học lớp 4 thông qua mỗi bài học là việc làm rất quan trọng. Nó giúp chúng ta định hướng trước những hoạt động sẽ làm trong bài học nhằm mang lại kiến thức, giá trị bài học cho người học một cách đầy đủ và có trọng tâm.

Bảng 3.3: Bảng đánh giá nội dung tích hợp GDMT

Mức độ đánh giá	Kết quả	
	Số lượng	%
Đã xác định đúng, đủ nội dung	12	80
Đủ nội dung	3	20
Chưa đủ nội dung	0	0

Qua bảng trên chúng ta cũng thấy là: 80% các chuyên gia đánh giá là đã xác định đúng, đủ nội dung tích hợp GDMT trong bài học; 20% chuyên gia cho rằng đủ nội dung tích hợp GDMT. Qua đây chúng tôi thấy rằng một kế hoạch bài học cần phải xác định đúng, đủ nội dung và phải rõ ràng, cụ thể thì mới đảm bảo được lượng kiến thức truyền tải đến học sinh và mang lại hiệu quả cao trong quá trình dạy học.

Bảng 3.4: Bảng đánh giá phương pháp GDMT

Mức độ đánh giá	Kết quả	
	Số lượng	%
Sử dụng các PPDH phong phú, nắm rõ cách thực hiện các bước	11	73,33
Sử dụng các phương pháp tốt nhưng chưa phong phú các phương pháp	4	26,67
Các phương pháp sử dụng còn chưa rõ ràng	0	0

Về phương pháp GDMT thì có 73,33% giáo viên đánh giá là trong các kế hoạch dạy học tích hợp GDMT đã sử dụng các phương pháp dạy học phong phú, nắm rõ cách thực hiện các bước. Nhìn chung để một giờ dạy đạt hiệu quả và sôi nổi thì trong quá trình giảng dạy người giáo viên cần sử dụng linh hoạt các phương pháp giảng dạy khác nhau. Vì mỗi phương pháp dạy học đều có những ưu và nhược điểm khác nhau, không có phương pháp nào là mang lại hiệu quả tuyệt đối nên chúng ta cần phải biết thay đổi và thực hiện tốt các phương pháp để truyền đạt kiến thức cho học sinh.

Bảng 3.5: Bảng đánh giá hình thức tích hợp GDMT

Mức độ đánh giá	Kết quả	
	Số lượng	%
Đã xác định đúng và phong phú các hình thức	11	73,33
Đôi chỗ còn nhầm lẫn các hình thức tích hợp	4	26,67
Chưa xác định đúng các hình thức, các hình thức còn đơn điệu	0	0

Đối với hình thức GDMT chúng tôi thu được là 73,33% chuyên gia cho thấy là chúng tôi đã xác định đúng và phong phú các hình thức, tuy nhiên vẫn còn 26,67% các chuyên gia còn lại đánh giá là đôi chỗ còn nhầm lẫn các hình thức tích hợp. Điều đó cho chúng ta thấy rằng việc sử dụng các hình thức tổ chức

GDMT là rất cần thiết bởi vì chúng ta phải biết tiến hành thực hiện các hình thức dạy học GDMT cho các em học sinh làm sao mang lại hiệu quả nhất để phù hợp với phương pháp, nội dung bài học mà giữa chúng không bị tách rời.

Bảng 3.6: Bảng đánh giá nguyên tắc tích hợp GDMT

Mức độ đánh giá	Kết quả	
	Số lượng	%
Thiết kế đảm bảo đúng nguyên tắc	12	80
Thiết kế có đôi chỗ còn chưa đảm bảo	3	20
Thiết kế chưa đảm bảo nguyên tắc	0	0

Còn về nguyên tắc tích hợp GDMT có 80% giáo viên tham gia đánh giá cho rằng đã thiết kế đảm bảo đúng nguyên tắc và 20% giáo viên cho rằng thiết kế có đôi chỗ còn chưa đảm bảo, các giáo viên cũng đưa ra một số nhận xét cụ thể và chúng tôi đã tiếp thu và sửa chữa theo các ý kiến hợp lý.

Bên cạnh đó, để chứng minh được tính hiệu quả và giá trị của các kế hoạch dạy học tích hợp GDMT trong môn Khoa học lớp 4 trong quá trình thực tập tôi đã sử dụng chính các kế hoạch dạy học đó để dạy cho học sinh. Bản thân tôi đã rất vui mừng khi nhận được sự đánh giá cao của giáo viên và các em học sinh đã tiếp thu kiến thức rất nhanh. Sau khi tiết học kiến thức chúng tôi đã hỏi lại các em học sinh những kiến thức về môi trường đa phần các em đã có hiểu biết và có thái độ rất tốt về trách nhiệm của bản thân đối về BVMT. Kết quả chúng tôi thu được tuy không phải là thực nghiệm do không có đối chứng nhưng được các giáo viên đánh giá rất cao. Đây là bước tiền đề quan trọng chứng minh rằng việc thiết kế kế hoạch dạy học tích hợp GDMT trong môn Khoa học lớp 4 sẽ đem lại hiệu quả cao cho người học về việc BVMT.

3.4.2. Phân tích định tính

Qua việc đánh giá kế hoạch dạy học tích hợp GDMT trong môn Khoa học lớp 4 của các giáo viên chúng tôi thấy rằng việc tích hợp nội dung GDMT vào môn Khoa học lớp 4 sẽ mang lại hiệu quả cao, dễ thực hiện trong giảng

dạy. Bên cạnh đó, sẽ giúp các em học sinh cũng dễ nắm bắt nội dung giáo dục mà không làm mất đi nội dung kiến thức chính của bài.

Ngoài ra, chúng tôi còn tiến hành lấy ý kiến giáo viên về các nội dung có liên quan tới GDMT và tiến hành tổng hợp kết quả đánh giá của các giáo viên thành các bảng đánh giá với các tiêu chí GDMT khác nhau thì đều thu được kết quả tích cực. Qua đó chúng tôi thấy rằng việc tích hợp GDMT vào trong môn học là rất cần thiết và mang lại hiệu quả. Những thiết kế đó sẽ cung cấp thêm cho các em những kiến thức về môi trường và BVMT. Hình thành cho các em tình yêu thiên nhiên, yêu quê hương đất nước, yêu gia đình, trường lớp; rèn luyện cho các em ý thức, việc làm cụ thể BVMT.

Ví dụ như đối với bài 29 “ Tiết kiệm Nước “ thì nội dung GDMT là giáo dục học sinh sử dụng tiết kiệm nước, có ý thức bảo vệ nguồn nước và tuyên truyền người dân địa phương bảo vệ nguồn nước. Các giáo viên đều khẳng định nội dung giáo dục đó sẽ giúp các em có thái độ, suy nghĩ hiểu biết về vai trò của nguồn nước đối với đời sống của con người. Từ đó, các em sẽ có những việc làm hành động cụ thể bảo vệ nguồn nước như : Sử dụng tiết kiệm nước trong sinh hoạt, ở trường lớp, không vứt rác bừa bãi ra môi trường và nguồn nước. Còn khi ở trường thì các em sẽ sử dụng nước tiết kiệm với các vòi nước công cộng trong nhà trường, không sử dụng nước để nô nghịch. Qua các bài dạy có tích hợp nội dung GDMT hình thành cho các em kiến thức liên quan, hình thành thói quen và rèn luyện các hành động, kỹ năng khác nhau nhằm tích cực BVMT xung quanh trở nên tốt đẹp hơn, mỗi các em sẽ là những cá nhân mang nhưng việc làm thiết thực, phong trào thi đua tích cực trong công tác BVMT.

Như vậy, các kế hoạch dạy học tích hợp GDMT trong môn Khoa học lớp 4 mang lại hiệu quả giáo dục cao. Trang bị thêm cho các em các kiến thức về môi trường, rèn luyện kỹ năng BVMT hình thành thái độ tình yêu thiên nhiên yêu cuộc sống bằng những việc làm cụ thể và góp phần vào việc nâng cao chất lượng giáo dục trong nhà trường hiện nay với phương châm phát triển học sinh toàn diện về mọi mặt, nhà trường xanh- sạch- đẹp.

Chính vì thế, việc tích hợp GDMT trong môn Khoa học lớp 4 là rất cần thiết và cần được sự quan tâm của lãnh đạo nhà trường và cán bộ giáo viên.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 3

Sau khi chúng tôi lấy ý kiến đánh giá của các chuyên gia tại 3 trường Tiểu học đó là: Trường Tiểu học Trường Yên, trường Tiểu học Ninh An và trường Tiểu học thị trấn Thiên Tôn với 15 kế hoạch bài dạy. Các kế hoạch bài dạy được các chuyên gia đánh giá cao với số điểm trung bình là 94 điểm. Từ đó chúng tôi đưa ra được một số kết luận như sau:

- Việc thiết kế kế hoạch dạy học tích hợp giáo dục môi trường trong môn khoa học lớp 4 mang lại hiệu quả giáo dục cao, dễ dàng thực hiện trong giảng dạy qua đó các kiến thức nội dung trọng tâm cơ bản không bị mất mà còn giúp thêm vào nội dung học lượng kiến thức về môi trường, thực tế cho các em học sinh.

- Ngoài ra, việc dạy học tích hợp GDMT còn đem lại cho các em sự thoải mái, tinh thần vui vẻ tạo cảm giác thân thiện không bị gò bó trong môn học.

- Để việc tích hợp GDMT vào trong môn khoa học lớp 4 mang lại hiệu quả cần phải có sự quan tâm, chú trọng, chỉ đạo thực hiện sát sao từ phía lãnh đạo nhà trường về mọi mặt. Hơn cả nhất là điều kiện cơ sở vật chất phải được đảm bảo để người giáo viên có thể yên tâm thực hiện tốt công giảng dạy của mình.

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1. Kết luận

Qua quá trình nghiên cứu đề tài: “*Thiết kế kế hoạch dạy học tích hợp giáo dục bảo vệ môi trường trong môn Khoa học lớp 4 ở trường Tiểu học*” tôi đã rút ra được một số kết luận như sau:

- Thứ nhất: đề tài đã đóng góp trong việc nghiên cứu về cơ sở lí luận GDMT trong nhà trường Tiểu học cho học sinh thông qua việc tích hợp GDMT trong môn Khoa học lớp 4.

Về cơ sở thực tiễn thì đề tài đã đóng góp làm thay đổi nhận thức và hành vi của HSTH đối với việc BVMT, cung cấp, trang bị cho các em thêm kiến thức và hiểu biết về môi trường. Từ đó sẽ mang lại cho học sinh những nhận thức đúng đắn, thay đổi hành vi, việc làm của bản thân trong việc BVMT. Sau khi được học các bài học có tích hợp GDMT sẽ hình thành cho các em tình yêu thiên nhiên, yêu gia đình, trường lớp, trách nhiệm của bản thân với việc BVMT hơn.

- Thứ hai: về cấu trúc chương trình lớp 4 gồm có 70 bài có nội dung rất đa dạng, trong đó có 29 bài có thể tích hợp nội dung GDMT với các mức độ tích hợp GDMT khác nhau như toàn phần, bộ phận, liên hệ mở rộng.

- Thứ ba: để quá trình tích hợp GDMT đạt được hiệu quả chúng tôi đã xây dựng được quy trình thiết kế kế hoạch dạy học trong môn Khoa học lớp 4 gồm 5 bước:

- Bước 1: Xác định mục tiêu chính của bài và mục tiêu GDMT.
- Bước 2: Chia nội dung bài học thành từng phần tương ứng với các hoạt động dạy học.
- Bước 3: Chọn hoạt động có thể tích hợp nội dung GDMT.
- Bước 4: Dự tính thời gian, lựa chọn phương pháp cụ thể.
- Bước 5: Thiết kế kế hoạch dạy học.

- Thứ tư: chúng tôi đã tiến hành thiết kế 15 kế hoạch dạy học có nội dung GDMT nổi bật tuân thủ theo 5 bước như trên. Trong các kế hoạch dạy học đã chỉ ra được nội dung tích hợp GDMT.

- Thứ năm: từ việc phân tích, tổng hợp kết quả đánh giá của các chuyên gia về kế hoạch dạy học tích hợp GDMT trong môn Khoa học lớp 4 chúng tôi thấy rằng các chuyên gia đã đánh giá rất cao và phù hợp với học sinh. Điều này cho thấy các kế hoạch dạy học tích hợp GDMT mang lại hiệu quả giáo dục cao, có thể áp dụng vào trong quá trình dạy học sau này.

Như vậy, qua đề tài trên chúng tôi mong muốn rằng, với kết quả vừa thu được sẽ làm điểm tựa cho các đề tài về tích hợp GDMT trong các môn học khác nhau ở mức độ cao hơn.

2. Kiến nghị

Với đề tài trên chúng tôi đưa ra một số kiến nghị như sau:

- Với cấp lãnh đạo nhà trường:
 - + Cần có sự quan tâm hơn nữa đến công tác giáo dục ý thức, thái độ BVMT cho học sinh.
 - + Thường xuyên cập nhật những tài liệu có liên quan đến môi trường cho giáo viên và học sinh.
 - + Coi việc trang bị kiến thức là cần thiết, thường xuyên cho giáo viên tham gia các buổi tập huấn, trau dồi kiến thức về môi trường và BVMT.
 - + Tạo điều kiện, hỗ trợ cho giáo viên về cơ sở vật chất và điều kiện giảng dạy tốt nhất để giáo viên có một tinh thần thoải mái truyền thụ kiến thức cho các em học sinh.
- Đối với giáo viên tiểu học:
 - + Mỗi thầy cô giáo phải không ngừng bồi dưỡng, nâng cao kiến thức về môi trường và BVMT, nâng cao trình độ chuyên môn của bản thân trong việc dạy học.
 - + Để giúp cho học sinh không bị nhàm chán trong quá trình lĩnh hội kiến thức thì người giáo viên phải thường xuyên thay đổi phương pháp, phương tiện dạy học tích cực.

Chúng tôi mong rằng với đề tài trên sẽ được nhiều người tham khảo và có thể áp dụng rộng rãi ở các trường Tiểu học.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2017), *Sách Khoa học lớp 4*, Nxb Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.
2. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2010), *Sách giáo dục bảo vệ môi trường trong môn Mĩ thuật (tài liệu bồi dưỡng giáo viên)*, Hà Nội.
3. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2010), *Sách giáo dục bảo vệ môi trường trong môn Tiếng Việt cấp Tiểu học (tài liệu bồi dưỡng giáo viên)*, Hà Nội.
4. Nguyễn Xuân Cự và Nguyễn Thị Phương Loan (2014), *Môi trường và con người*, Nxb Giáo dục.
5. Dự án của Tổ chức Phát triển Hà Lan (SNV) (2002), *Giáo dục môi trường cho học sinh tiểu học*.
6. Nguyễn Hữu Dục, Vũ Thu Hương, Nguyễn Thị Vân Hương, Nguyễn Thị Thân (2003), *Giáo dục môi trường trong trường tiểu học*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
7. Đảng cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XI*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
8. Dương Thị Thúy Giang (2005), “Giáo dục môi trường ngoài giờ lên lớp”, *Tạp chí Giáo dục*, (126).
9. Nguyễn Minh Giang và Hoàng Thy Thơ (2013), “Giáo dục môi trường cho học sinh lớp 5 bằng phương pháp dạy học theo dự án”, *Tạp chí Khoa học ĐHSP TPHCM*, (50).
10. Nguyễn Thị Hường, Lê Thanh Hương (2011), “Sử dụng phương pháp điều tra trong dạy học chủ đề “Môi trường và tài nguyên thiên nhiên” của môn Khoa học ở Tiểu học”, *Tạp chí giáo dục*, (đặc biệt).
11. Lê Văn Khoa và CS (2007), *Khoa học môi trường*, Nxb Giáo dục.
12. Lê Văn Khoa (1995), *Môi trường và ô nhiễm*, Nxb Giáo dục Hà Nội.
13. Võ Trung Minh (2015), *Giáo dục môi trường dựa vào trải nghiệm trong dạy học môn khoa học ở tiểu học*, Luận án tiến sĩ Khoa học giáo dục.
14. Dương Quang Ngọc (2004), “Môn tự nhiên và xã hội lớp 3 mới với vấn đề giáo dục bảo vệ môi trường”, *Tạp chí Giáo dục*, (97).

15. Đặng Thị Hồng Nhung (2015), *Nghiên cứu xây dựng và lồng ghép nội dung giáo dục môi trường vào chương trình đào tạo cho học sinh tại trường tiểu học quốc tế Olympia – Khu đô thị Trung Văn – Hà Nội*, Luận văn thạc sĩ Khoa học.
16. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (1993), *Luật bảo vệ môi trường*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
17. Vũ Trung Tạng (2000), *Cơ sở sinh thái học*, Nxb Đại học quốc gia.
18. Nguyễn Thị Thân (2009), *Tích hợp giáo dục môi trường trong dạy học các môn học về Tự nhiên và xã hội*, Nxb Đại học Sư phạm.
19. Nguyễn Thơ (2015), *Đề tài Tích hợp giáo dục môi trường trong môn Tự nhiên- Xã hội lớp 1,2,3*.
20. Mai Đình Yên (1994), *Môi trường và con người*, Nxb Giáo dục Hà Nội.
21. <http://cdspgialai.edu.vn/Article/Detail/722> (17/10/2019)
22. [tailieu.vnuf2.edu.vn › claroline › backends › download](http://tailieu.vnuf2.edu.vn/claroline/backends/download) (17/10/2019)
23. <http://www.sch.vn/luu-tru/1004-giao-vien-gii/12766-day-hoc-tich-hop> (25/12/2019)

PHỤ LỤC
PHỤ LỤC 1
PHIẾU HỎI
(DÀNH CHO GIÁO VIÊN)

Thưa quý thầy cô thân mến!

Việc giáo dục ý thức bảo vệ môi trường là một việc làm rất cần thiết và quan trọng cho các em học sinh. Một trong những nòng cốt để đưa giáo dục ý thức bảo vệ môi trường tới các em chính là những thầy, cô đang trực tiếp giảng dạy các em. Chúng tôi đang tiến hành nghiên cứu đề tài: *“Thiết kế kế hoạch dạy học tích hợp giáo dục bảo vệ môi trường trong môn Khoa học lớp 4 ở trường Tiểu học”*. Vì vậy kính mong quý thầy cô vui lòng cho biết ý kiến của mình vào phiếu. Những ý kiến của quý thầy cô sẽ giúp ích cho chúng tôi rất nhiều.

Xin chân thành cảm ơn sự hợp tác của quý thầy cô!

I. THÔNG TIN GIÁO VIÊN

1. Học và tên:.....
2. Đơn vị công tác:
3. Chủ nhiệm lớp/ Bộ môn:.....

II. NỘI DUNG CÂU HỎI

Đánh dấu “X” vào ô trống (□) trước ý kiến mà thầy, cô đồng ý hoặc đưa ra ý kiến của mình vào chỗ chấm.

Câu hỏi 1: Theo quý thầy (cô), việc giáo dục môi trường ở trường Tiểu học là:

- ☐ Rất quan trọng. ☐ Quan trọng. ☐ Không quan trọng.

Câu hỏi 2: Theo quý thầy (cô), việc dạy học tích hợp giáo dục bảo vệ môi trường thông qua môn Khoa học cho học sinh là:

- ☐ Rất cần thiết. ☐ Cần thiết. ☐ Không cần thiết.

Câu hỏi 3: Thầy (cô) có thường xuyên thay đổi phương pháp để mang lại hiệu quả trong việc giảng dạy tích hợp và tích hợp giáo dục môi trường không?

- ☐ Thường xuyên
☐ Thỉnh thoảng

- ☐ Chưa bao giờ

Câu hỏi 4: Theo quý thầy (cô), nên tích hợp giáo dục môi trường cho học sinh ở môn học nào thì đạt hiệu quả?

.....

.....

Câu hỏi 5: Quý thầy (cô) có cảm nhận như thế nào về thái độ của học sinh khi dạy học tích hợp giáo dục môi trường thông qua môn Khoa học lớp 4?

- ☐ Rất hào hứng.
- ☐ Hào hứng.
- ☐ Bình thường.
- ☐ Không thích.

Câu hỏi 6: Theo thầy (cô) việc tích hợp, lồng ghép các kiến thức bảo vệ môi trường trong môn Khoa học lớp 4 hiện nay là:

- ☐ Rất hiệu quả. ☐ Hiệu quả.
- ☐ Bình thường. ☐ Chưa mang lại hiệu quả.

Câu hỏi 7: Theo quý thầy (cô), việc tích hợp GDMT trong môn Khoa học sẽ giúp các em học sinh cảm thấy?

- ☐ Yêu thích môn học.
- ☐ Yêu quý thiên nhiên, biết giữ gìn và bảo vệ thiên nhiên.
- ☐ Ý thức được hành vi của mình.
- ☐ Bị áp lực do lượng kiến thức nhiều hơn.

Câu hỏi 8: Theo quý thầy (cô), để mang lại hiệu quả cho việc tích hợp GDMT trong môn Khoa học lớp 4 cần đảm bảo những yêu cầu gì?

<i>Biện pháp nâng cao hiệu quả việc tích hợp GDMT trong môn Khoa học</i>	Đồng ý	Không đồng ý
Giáo dục môi trường cần có sự phối hợp của các lực lượng trong và ngoài nhà trường		
Hình thành cho học sinh ý thức bảo vệ môi trường		
Thiết kế các kế hoạch dạy học có tích hợp giáo dục môi trường		

Tổ chức các hoạt động ngoài giờ về giáo dục môi trường		
Tổ chức các hoạt động thực tế về chủ đề môi trường của môn học		
Cần sử dụng các phương tiện trực quan trong môn Khoa học để dạy giáo dục môi trường		
Ý kiến khác (nếu có).....		

Câu hỏi 9: Quý thầy (cô) vui lòng đề xuất một số biện pháp của mình nhằm nâng cao hiệu quả cho việc tích hợp GDMT trong môn Khoa học lớp 4 (nếu có)?

.....

.....

.....

.....

.....

PHỤ LỤC 2
KẾ HOẠCH DẠY HỌC TÍCH HỢP GIÁO DỤC
BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TRONG MÔN KHOA HỌC LỚP 4
BÀI 25: NƯỚC BỊ Ô NHIỄM

Bước 1: Xác định mục tiêu chính của bài và mục tiêu GDMT

❖ **Mục tiêu bài học:**

- Kiến thức:
 - Học sinh nêu được đặc điểm phân biệt của nước sạch và nước bị ô nhiễm:
 - ✓ Nước sạch: trong suốt, không màu, không mùi, không vị, không chứa các vi sinh vật hoặc các chất hòa tan có hại cho sức khỏe con người.
 - ✓ Nước bị ô nhiễm: có màu, có chất bẩn, có mùi hôi, chứa vi sinh vật hoặc các chất hòa tan có hại cho sức khỏe con người.
- Kỹ năng:
 - Học sinh nhận biết được nguồn nước sạch và nguồn nước bị ô nhiễm trong thực tế cuộc sống.
- Thái độ:
 - Giúp các em luôn có ý thức sử dụng, bảo vệ nước sạch, không bị ô nhiễm.

❖ **Mục tiêu GDMT:** Học sinh phân biệt được nước sạch và nước bị ô nhiễm. Từ đó có ý thức có ý thức sử dụng tiết kiệm, không làm nhiễm bẩn nguồn nước, cùng mọi người tham gia các hoạt động bảo vệ môi trường nước xung quanh.

Bước 2: Chia nội dung bài học thành từng phần tương ứng với các hoạt động dạy học

- Bài học được chia làm 3 phần tương ứng với 3 hoạt động:
- Hoạt động 1: Làm thí nghiệm: nước sạch, nước bị ô nhiễm.
- Hoạt động 2: Nước sạch, nước bị ô nhiễm.
- Hoạt động 3: Tích hợp GDMT.

Bước 3: Chọn hoạt động tích hợp nội dung GDMT

- Hoạt động 1: Làm thí nghiệm: nước sạch, nước bị ô nhiễm (tích hợp bộ phận).

- Hoạt động 2: Nước sạch, nước bị ô nhiễm (tích hợp bộ phận).

- Hoạt động 3: Sau khi cho học sinh phân biệt được nước sạch và nước bị ô nhiễm giáo viên tổ chức cho học sinh giải quyết tình huống để học sinh biết được những việc nên làm và thảo luận nhóm điền vào phiếu học tập những việc nên làm để bảo vệ nguồn nước (liên hệ).

Bước 4: Dự tính thời gian và lựa chọn phương pháp cụ thể

❖ Tiến trình hoạt động gồm có các bước, thời gian và phương pháp dạy học cụ thể như sau:

- Ổn định lớp: 1 phút.
- Kiểm tra bài cũ (phương pháp: trò chơi học tập): 3 phút.
- Bài mới: 30 phút:
 - Giới thiệu bài: 1 phút.
 - Hoạt động 1 (phương pháp: quan sát, thí nghiệm): 9 phút.
 - Hoạt động 2 (phương pháp: thảo luận): 9 phút.
 - Hoạt động 3 (phương pháp: động não, thảo luận): 11 phút.
- Củng cố - dặn dò: 1 phút.

Bước 5: Thiết kế kế hoạch dạy học

BÀI 25: NƯỚC BỊ Ô NHIỄM

I. Mục tiêu bài học

1. Kiến thức

Học sinh nêu được đặc điểm chính của nước sạch và nước bị ô nhiễm:

- Nước sạch: trong suốt, không màu, không mùi, không vị, không chứa các vi sinh vật hoặc các chất hòa tan có hại cho sức khỏe con người.

- Nước bị ô nhiễm: có màu, có chất bẩn, có mùi hôi, chứa vi sinh vật hoặc các chất hòa tan có hại cho sức khỏe con người.

2. Kỹ năng

Học sinh nhận biết được nguồn nước sạch và nguồn nước bị ô nhiễm trong thực tế cuộc sống.

3. Thái độ

Giúp các em luôn có ý thức sử dụng, bảo vệ nước sạch, không bị ô nhiễm.

❖ **GDMT:** Học sinh phân biệt được nước sạch và nước bị ô nhiễm. Từ đó có ý thức có ý thức sử dụng tiết kiệm, không làm nhiễm bẩn nguồn nước, cùng mọi người tham gia các hoạt động bảo vệ môi trường nước xung quanh.

II. Đồ dùng dạy học

1. Giáo viên

Kính lúp cho các nhóm.

Hai phễu lọc nước, 2 miếng bông.

Mẫu bảng tiêu chuẩn đánh giá theo nhóm.

Phiếu học tập số 1

BẢNG TIÊU CHUẨN NHẬN BIẾT CÁC NGUỒN NƯỚC

Thời gian thực hiện: 3 phút

Tiêu chuẩn	Nước sạch	Nước bị ô nhiễm
Màu sắc		
Mùi vị		
Các tạp chất		

Phiếu học tập số 2

Thời gian thực hiện: 4 phút

Những việc nên làm để bảo vệ nguồn nước
.....
.....

.....

2. Học sinh

Chuẩn bị theo nhóm:

Một chai nước sông (ao, hồ,...), một chai nước giếng hoặc nước máy.

Hai vỏ chai.

III.Các hoạt động dạy học

Hoạt động của Giáo viên	Hoạt động của Học sinh
1. Ổn định lớp (1 phút) 2. Kiểm tra bài cũ (3 phút) Trò chơi: “Chuyền quả” Giáo viên phổ biến luật chơi và cách chơi. Câu hỏi trong hộp quả: 1) Em hãy nêu vai trò của nước đối với đời sống của người, động vật, thực vật? 2) Nước có vai trò gì trong sản xuất nông nghiệp? Lấy ví dụ? Giáo viên nhận xét, tuyên dương học sinh trả lời đúng.	Học sinh nghe giáo viên phổ biến luật chơi và cách chơi. Học sinh trả lời: 1) Nước có vai trò đặc biệt quan trọng đối với sự sống của con người, động vật và thực vật. Nước chiếm phần lớn trọng lượng cơ thể. Mất một lượng nước từ 10 đến 20% nước trong cơ thể sinh vật có thể bị chết. 2) Vai trò của nước trong sản xuất nông nghiệp: Trồng lúa, tưới rau, trồng cây, ... Học sinh lắng nghe.
3. Bài mới (30 phút) Giới thiệu bài (1 phút): Để phân biệt được nước sạch và nước bị ô nhiễm cũng như là tác hại của	

nước bị ô nhiễm đối với đời sống của con người như thế nào hôm nay thầy và các em sẽ cùng nhau tìm hiểu bài 25: Nước bị ô nhiễm.	
Hoạt động 1: Làm thí nghiệm: nước sạch, nước bị ô nhiễm (9 phút). Mục tiêu: Phân biệt được nước trong và nước đục bằng cách quan sát thí nghiệm. Giải thích được tại sao nước sông, ao, hồ thường đục, không sạch. Phương pháp dạy học chủ yếu: quan sát, thí nghiệm. Tiến trình dạy học:	
Giáo viên đề nghị các nhóm báo cáo về việc chuẩn bị đồ dùng của nhóm mình. Yêu cầu học sinh đọc to các bước tiến hành thí nghiệm trước lớp. Giáo viên nêu lại quy trình làm thí nghiệm và một số lưu ý khi tiến hành thí nghiệm. Yêu cầu các nhóm làm thí nghiệm. Giáo viên quan sát, giúp đỡ các nhóm gặp khó khăn. Gọi 2 nhóm lên trình bày, các nhóm khác bổ sung. Giáo viên chia bảng thành 2 cột và ghi nhanh các ý kiến của nhóm.	Các nhóm báo cáo. Học sinh đọc các bước tiến hành thí nghiệm. Học sinh lắng nghe. Các nhóm tiến hành thí nghiệm: 2 học sinh trong nhóm thực hiện lọc nước cùng một lúc, các học sinh khác theo dõi để đưa ra ý kiến sau khi quan sát, thư kí ghi các ý kiến vào giấy. Sau đó cả nhóm thống nhất và đưa ra kết luận. Đại diện 2 nhóm trình bày: - Miếng bông lọc chai nước giếng (nước máy) sạch, không có màu hay mùi vì nước này sạch.

Giáo viên nhận xét, tuyên dương ý kiến hay của các nhóm. Qua thí nghiệm chứng tỏ nước sông hay ao, hồ hoặc nước đã sử dụng có nhiều tạp chất như đất, cát, bụi,... nhưng ở sông, hồ, ao còn có những sinh vật hay thực vật nào sống? Ngoài những sinh vật trên trong nước sông, ao, hồ còn chứa nhiều sinh vật mà chúng ta không thể nhìn thấy được bằng mắt thường. Để biết được đó là những sinh vật nào thầy và các em cùng quan sát bằng hiển vi. Yêu cầu 3 học sinh lên quan sát. Yêu cầu từng em đưa ra ý kiến em nhìn thấy gì trong nước đó? <u>Giáo viên nhận xét, kết luận:</u> <i>Nước ao, hồ, sông hay nước đã qua sử dụng thường bị lẫn lẫn nhiều đất cát và nhiều vi khuẩn sinh sống. Nước sông có nhiều phù sa nên có màu đục, nước ao hồ có nhiều sinh vật sống như rong, rêu, tảo nên thường có màu xanh,... Nước giếng hay nước mưa,</i>	- Miếng bông lọc chai nước sông (ao, hồ) có nhiều đất, bụi, chất bẩn nhỏ đọng lại vì nước này bẩn. Học sinh lắng nghe. Học sinh trả lời: Ở sông, ao hồ còn có các sinh vật như rêu, bèo, rong,... Học sinh quan sát. Học sinh đưa ra ý kiến. Học sinh lắng nghe.
--	--

<i>máy không bị nhiễm nhiều đất, cát,...</i> <u>Giáo dục:</u> Học sinh có ý thức giữ gìn nguồn nước sạch sẽ, cùng mọi người tham gia các hoạt động bảo vệ môi trường nước xung quanh.	Học sinh lắng nghe.
Hoạt động 2: Nước sạch, nước bị ô nhiễm (9 phút). Mục tiêu: Học sinh nêu được đặc điểm chính của nước sạch và nước ô nhiễm. Phương pháp dạy học chủ yếu: thảo luận. Tiến trình dạy học:	
Giáo viên phát phiếu bảng tiêu chuẩn (PHT số 1) cho từng nhóm yêu cầu học sinh thảo luận nhóm và đưa ra các đặc điểm của từng loại nước theo các tiêu chuẩn đặt ra. Kết quả cuối cùng sẽ do thư kí ghi vào phiếu. Giáo viên quan sát, giúp đỡ các nhóm học khó khăn. Yêu cầu 2- 3 nhóm đọc nhận xét của nhóm mình và các nhóm khác bổ sung. Giáo viên ghi kết quả đã thống nhất của các nhóm lên bảng. <u>Giáo viên nhận xét, chốt lại:</u> Đặc điểm của nước sạch và nước bị ô nhiễm: <i>Nước sạch: trong suốt, không màu, không mùi, không vị, không chứa các vi sinh vật hoặc các chất hòa tan có hại cho</i>	Học sinh thảo luận, thống nhất kết quả điền vào phiếu. 2-3 nhóm nêu nhận xét của nhóm mình. Học sinh quan lắng nghe.

<i>sức khỏe con người.</i> <i>Nước bị ô nhiễm: có màu, có chất bẩn, có mùi hôi, chứa vi sinh vật nhiều quá mức cho phép, chứa các chất hòa tan có hại cho sức khỏe con người.</i> Yêu cầu học sinh đọc mục <i>Bạn cần biết</i> trang 53 trong SGK.	Học sinh đọc mục <i>Bạn cần biết</i>.
Hoạt động 3: Tích hợp GDMT (11 phút) Mục tiêu: Học sinh nhận biết được những việc làm đúng và các việc làm góp phần bảo vệ nguồn nước. Phương pháp dạy học chủ yếu: động não, thảo luận. Tiến trình dạy học:	
Giáo viên đưa ra tình huống cho cả lớp cùng suy nghĩ: Một lần Minh cùng mẹ đến nhà Nam chơi. Mẹ Nam bảo Nam đi gọt hoa quả mời khách. Vội quá Nam liền rửa hoa quả vào ngay chậu nước mẹ vừa rau. Nêu yêu cầu: Nếu là Nam em sẽ nói với Minh thế nào? Giáo viên cho học sinh tự do đưa ra ý kiến của mình. Giáo viên nhận xét, tuyên dương học sinh có câu trả lời hay và trình bày lưu loát. Giáo viên chia lớp thành 4 nhóm, phát phiếu học tập (PHT số 2) cho các nhóm. Yêu cầu các nhóm nêu những việc nên làm để góp phần bảo vệ nguồn nước vào	Học sinh lắng nghe. Học sinh đưa ra ý kiến của mình. Học sinh lắng nghe. Các nhóm thảo luận, điền vào phiếu học tập.

phiếu học tập trong thời gian 4 phút. Giáo viên gọi 2 nhóm bất kì lên trình bày. Các nhóm còn lại quan sát, nhận xét và bổ sung. Giáo viên nhận xét. <u>Giáo viên kết luận:</u> <i>Bảo vệ nguồn nước là một việc làm rất quan trọng các em ạ. Đây cũng là trách nhiệm của tất cả mọi người. Chính vì vậy phải luôn có ý thức và làm những việc bảo vệ nguồn nước, đồng thời tuyên truyền mọi người xung quanh bảo vệ nguồn nước để nước không bị ô nhiễm.</i>	2 nhóm lên bảng trình bày: - Không vứt rác xuống ao, hồ, sông suối,... - Không thải nước bẩn ra sông ngòi,.. Các nhóm nhận xét, bổ sung. Học sinh lắng nghe.
4. củng cố- dặn dò (1 phút) Nhận xét giờ học, tuyên dương học sinh, nhóm học sinh hăng hái tham gia xây dựng bài, nhắc nhở những học sinh còn chưa chú ý. Dặn học sinh về nhà học thuộc mục <i>Bạn cần biết</i>. Dặn học sinh về nhà tìm hiểu tại sao nước ở địa phương em lại bị ô nhiễm?	Học sinh lắng nghe. Học sinh lắng nghe.

IV. Rút kinh nghiệm

BÀI 29: TIẾT KIỆM NƯỚC

Bước 1: Xác định mục tiêu chính của bài và mục tiêu GDMT

❖ Mục tiêu bài học

- Kiến thức:

• Thực hiện tiết kiệm nước:

✓ Giải thích được lí do phải tiết kiệm nước.

✓ Đóng vai vận động tuyên truyền tiết kiệm nước.

✓ Giáo dục học sinh bảo vệ, cách thức làm cho nước sạch, tiết kiệm nước; bảo vệ bầu không khí.

- Kỹ năng:

• Xác định giá trị bản thân trong việc tiết kiệm, tránh lãng phí nước.

• Đảm nhận trách nhiệm trong việc tiết kiệm, tránh lãng phí nước.

- Thái độ:

• Bình luận về việc sử dụng nước (quan điểm khác nhau về tiết kiệm nước)

❖ **Mục tiêu GDMT:** Giáo dục học sinh sử dụng tiết kiệm nước, có ý thức bảo vệ nguồn nước và tuyên truyền người dân địa phương bảo vệ nguồn nước.

Bước 2: Chia nội dung bài học thành từng phần tương ứng với các hoạt động dạy học

- Bài học được chia làm 2 phần tương ứng với 2 hoạt động:

- Hoạt động 1: Tìm hiểu tại sao phải tiết kiệm nước và làm thế nào để tiết kiệm nước.

- Hoạt động 2: Vẽ tranh cổ động và tuyên truyền tiết kiệm nước.

Bước 3: Chọn hoạt động tích hợp nội dung GDMT

Ở bài này tích hợp giáo dục môi trường ở mức độ toàn phần nên cả hai hoạt động đều có thể tích hợp như sau:

- Hoạt động 1: Học sinh nêu được những việc nên và không nên làm để bảo vệ nguồn nước từ đó học sinh nhận thức được bản thân về việc bảo vệ nguồn nước.

- Hoạt động 2: Từ việc vẽ tranh tuyên truyền mọi người bảo vệ nguồn nước, giáo viên hình thành cho học sinh những việc làm cụ thể để tuyên truyền người dân địa phương mình bảo vệ nguồn nước (liên hệ).

Bước 4: Dự tính thời gian và lựa chọn phương pháp cụ thể

Tiến trình hoạt động gồm có các bước và thời gian, phương pháp dạy học cụ thể như sau:

- Ổn định lớp: 1 phút.
- Kiểm tra bài cũ: 3 phút.
- Bài mới: 30 phút:
 - Giới thiệu bài: 1 phút.
 - Hoạt động 1 (phương pháp: đàm thoại, thảo luận): 15 phút.
 - Hoạt động 2 (phương pháp: thực hành- luyện tập, thuyết trình): 14 phút.
- Củng cố - dặn dò: 1 phút.

Bước 5: Thiết kế kế hoạch dạy học

BÀI 29: TIẾT KIỆM NƯỚC

I. Mục tiêu bài học

1. Kiến thức

Thực hiện tiết kiệm nước:

Giải thích được lí do phải tiết kiệm nước.

Đóng vai vận động tuyên truyền tiết kiệm nước.

Giáo dục học sinh bảo vệ, cách thức làm cho nước sạch, tiết kiệm nước; bảo vệ bầu không khí.

2. Kỹ năng

Xác định giá trị bản thân trong việc tiết kiệm, tránh lãng phí nước.

Đảm nhận trách nhiệm trong việc tiết kiệm, tránh lãng phí nước.

3. Thái độ

Bình luận về việc sử dụng nước (quan điểm khác nhau về tiết kiệm nước)

❖ **GDMT:** Giáo dục học sinh sử dụng tiết kiệm nước, có ý thức bảo vệ nguồn nước và tuyên truyền người dân địa phương bảo vệ nguồn nước.

II. Đồ dùng dạy học

Giáo viên

Hình ảnh trang 60, 61 trong SGK.

Học sinh

Giấy vẽ, bút, màu.

III. Các hoạt động dạy học

Hoạt động của Giáo viên	Hoạt động của Học sinh
1. Ổn định lớp (1 phút)	Hát bài Trái Đất này là của chúng mình.
2. Kiểm tra bài cũ (3 phút) Câu hỏi: - Để giữ gìn nguồn tài nguyên nước chúng ta cần phải làm gì? Giáo viên nhận xét.	Học sinh trả lời: - Để giữ gìn tài nguyên nước chúng ta phải: bảo vệ nguồn nước, tiết kiệm nước, giữ gìn vệ sinh nguồn nước,... HS lắng nghe.
3. Bài mới (30 phút) Giới thiệu bài (1 phút): Để giữ gìn tài nguyên nước chúng ta phải: bảo vệ nguồn nước, tiết kiệm nước, giữ gìn vệ sinh nguồn nước,...Vậy chúng ta cần làm gì để tiết kiệm nước? Bài học hôm nay sẽ giúp các em trả lời câu hỏi đó.	
Hoạt động 1: Tìm hiểu tại sao phải tiết kiệm nước và làm thế nào để tiết kiệm nước (14 phút). Mục tiêu: Học sinh nêu được những việc nên làm và không nên làm để tiết kiệm nước đồng thời giải thích được lí do phải tiết kiệm nước. Phương pháp dạy học chủ yếu: đàm thoại, thảo luận nhóm. Tiến trình dạy học:	
Giáo viên yêu cầu học sinh quan sát các hình minh họa trong SGK, thảo luận nhóm đôi và trả lời câu hỏi:	Học sinh quan sát, trả lời. + Hình 1: Vẽ một người khoá van vòi nước khi nước đã chảy

- Em nhìn thấy những gì trong hình? - Theo em việc làm đó nên hay không nên? Vì sao? Giáo viên gọi một số học sinh lên bảng trình bày.	đầy chậu. Việc làm đó nên làm vì như vậy sẽ không để nước chảy tràn ra ngoài gây lãng phí nước. + Hình 2: Vẽ một vòi nước chảy tràn ra ngoài chậu. Việc làm đó không nên làm vì sẽ gây lãng phí nước. + Hình 3: Vẽ một em bé đang mời chú công nhân ở công ty nước sạch đến vì ống nước nhà bạn bị vỡ. Việc đó nên làm vì như vậy tránh không cho tạp chất bắn lẫn vào nước sạch và không cho nước chảy ra ngoài gây lãng phí nước. + Hình 4: Vẽ một bạn vừa đánh răng vừa xả nước. Việc đó không nên làm vì nước sạch chảy vô ích xuống đường ống thoát gây lãng phí nước. + Hình 5: Vẽ một bạn múc nước vào ca để đánh răng. Việc đó nên làm vì nước chỉ cần đủ dùng, không nên lãng phí. + Hình 6: Vẽ một bạn đang dùng vòi nước tưới trên ngọn cây. Việc đó không nên làm vì tưới lên ngọn cây là không cần
---	---

Giáo viên gọi học sinh nhận xét, bổ sung. Giáo viên nhận xét. <u>Giáo dục:</u> Giáo viên yêu cầu học sinh liên hệ thực tế về việc sử dụng nước của cá nhân, gia đình và người dân địa phương với câu hỏi sau: - Gia đình, trường học và địa phương em có đủ nước dùng không? - Gia đình và nhân dân địa phương em có tiết kiệm nước không? - Nếu chúng ta không có nước để dùng thì sẽ như thế nào? Giáo viên nhận xét: Khăng định cần phải tiết kiệm nước. Giáo viên hỏi: Tiết kiệm nước mang lại cho chúng ta những lợi ích gì? <u>Kết luận:</u> <i>Nước sạch không phải tự nhiên mà có. Bố mẹ các em phải tốn rất nhiều tiền để chi trả. Vì vậy chúng ta cần phải tiết kiệm nước. Tiết kiệm nước vừa tiết kiệm tiền cho bản thân, vừa để có nước cho nhiều người khác, vừa góp phần bảo vệ nguồn tài nguyên nước.</i>	thiết như vậy sẽ lãng phí nước. Cây chỉ cần tưới một ít xuống gốc. Học sinh nhận xét. Học sinh lắng nghe. Học sinh trả lời. Học sinh lắng nghe. Học sinh trả lời: - Tiết kiệm nước để người khác có nước dùng. - Tiết kiệm nước là tiết kiệm tiền của. Học sinh lắng nghe.
--	---

Hoạt động 2: Vẽ tranh cổ động và tuyên truyền tiết kiệm nước (15 phút). Mục tiêu: Bản thân học sinh cam kết tiết kiệm nước và tuyên truyền cổ động mọi người cùng tiết kiệm nước. Phương pháp dạy học chủ yếu: thực hành- luyện tập, thuyết trình. Tiến trình dạy học:	
Giáo viên chia lớp thành 4 nhóm thi vẽ tranh. Yêu cầu các nhóm vẽ tranh với nội dung tuyên truyền, cổ động mọi người tiết kiệm nước trong thời gian 5 phút. Đại diện các nhóm lên trình bày về bức tranh của nhóm mình. Yêu cầu các nhóm nhận xét lẫn nhau. Giáo viên nhận xét, khen ngợi nhóm có ý tưởng độc đáo. <u>Giáo dục:</u> <i>Mỗi chúng ta không chỉ phải biết sử dụng tiết kiệm nguồn nước trong sinh hoạt như: tắm, giặt đồ,...mà còn phải biết nhắc nhở mọi người cùng chung tay bảo vệ môi trường sống xung quanh để nguồn nước không bị ô nhiễm.</i> Yêu cầu học sinh đọc mục <i>Bạn cần biết</i>.	Lớp chia thành 4 nhóm. Các nhóm vẽ tranh. Đại diện các nhóm lên thuyết trình về bức tranh của nhóm mình. Các nhóm nhận xét lẫn nhau. Học sinh lắng nghe. Học sinh lắng nghe. Học sinh đọc mục <i>Bạn cần biết</i>.
4. Củng cố- dặn dò (1 phút). Giáo viên nhận xét tiết học. Dặn dò học sinh về nhà học thuộc mục <i>Bạn cần biết</i> và chuẩn bị bài tiếp theo. Dặn học sinh luôn có ý thức tiết kiệm nước và vận động mọi người cùng thực hiện.	Học sinh lắng nghe.

IV. Rút kinh nghiệm

BÀI 40: BẢO VỆ BẦU KHÔNG KHÍ TRONG SẠCH

Bước 1: Xác định mục tiêu chính của bài và mục tiêu GDMT

❖ Mục tiêu bài học

- Kiến thức:

• Học sinh nêu được những việc nên làm và không nên làm để bảo vệ bầu không khí trong sạch.

- Kỹ năng:

• Học sinh vẽ tranh cổ động bầu không khí trong sạch.

• KNS: kỹ năng tìm kiếm và xử lý thông tin, kỹ năng trình bày trước đám đông.

- Thái độ:

• Có ý thức bảo vệ bầu không khí trong sạch.

❖ **Mục tiêu GDMT:** Học sinh biết được các biện pháp và hình thức bảo vệ bầu không khí trong sạch. Từ đó có những việc làm cụ thể góp phần bảo vệ bầu không khí trong sạch, tuyên truyền nhắc nhở mọi người cũng bảo vệ bầu không khí trong sạch.

Bước 2: Chia nội dung bài học thành từng phần tương ứng với các hoạt động dạy học

- Bài học được chia làm 2 phần tương ứng với 2 hoạt động:

- Hoạt động 1: Tìm hiểu những biện pháp bảo vệ bầu không khí trong sạch

- Hoạt động 2: Hình thức bảo vệ bầu không khí trong sạch.

Bước 3: Chọn hoạt động tích hợp nội dung GDMT

Bài này tích hợp nội dung GDMT ở mức độ toàn phần nên giáo viên có thể tích hợp như sau:

- Hoạt động 1: Học sinh biết được những việc làm cụ thể bảo vệ bầu không khí trong sạch.

- Hoạt động 2: Học sinh biết được nhiều hình thức bảo vệ bầu không khí như: vẽ tranh cổ động, tham gia chiến dịch mùa hè xanh,...

Bước 4: Dự tính thời gian và lựa chọn phương pháp cụ thể

❖ Tiến trình hoạt động gồm có các bước, thời gian và phương pháp dạy học cụ thể như sau:

- Ổn định lớp: 1 phút.
- Kiểm tra bài cũ: 3 phút.
- Bài mới: 29 phút:
 - Giới thiệu bài: 1 phút.
 - Hoạt động 1 (phương pháp: quan sát, đàm thoại, thảo luận nhóm): 14 phút.
 - Hoạt động 2 (phương pháp: đàm thoại, thực hành- luyện tập): 14 phút.
- Củng cố - dặn dò: 2 phút.

Bước 5: Thiết kế kế hoạch dạy học

BÀI 40: BẢO VỆ BẦU KHÔNG KHÍ TRONG SẠCH

I. Mục tiêu bài học

1. Kiến thức

Học sinh nêu được những việc nên làm và không nên làm để bảo vệ bầu không khí trong sạch.

2. Kỹ năng

Học sinh vẽ tranh cổ động bầu không khí trong sạch.

KNS: kỹ năng tìm kiếm và xử lý thông tin, kỹ năng trình bày trước đám đông.

3. Thái độ

Có ý thức bảo vệ bầu không khí trong sạch.

❖ **GDMT:** Học sinh biết được các biện pháp và hình thức bảo vệ bầu không khí trong sạch. Từ đó có những việc làm cụ thể góp phần bảo vệ bầu không khí trong sạch, tuyên truyền nhắc nhở mọi người cũng bảo vệ bầu không khí trong sạch.

II. Đồ dùng dạy học

1. Giáo viên

Tranh ảnh, video về bầu không khí trong sạch.

Video “Những thói quen cần thay đổi”.

2. Học sinh

Giấy, bút, màu để vẽ tranh.

III. Các hoạt động dạy học

Hoạt động của Giáo viên	Hoạt động của Học sinh
1. Ổn định lớp (1 phút) 2. Kiểm tra bài cũ (3 phút) Giáo viên hỏi: 1) Tiết Khoa học trước chúng ta đã học bài gì? 2) Nêu những nguyên nhân làm cho không khí bị ô nhiễm. Giáo viên gọi học sinh nhận xét, bổ sung. Giáo viên nhận xét, tuyên dương.	Hát bài: Lớp chúng ta đoàn kết. Học sinh trả lời: 1) Tiết trước học bài <i>Không khí bị ô nhiễm</i>. 2) Nguyên nhân làm cho không khí bị ô nhiễm là do bụi (bụi tự nhiên, bụi do núi lửa sinh ra), bụi do hoạt động của con người. Do khí độc: Sự lên men thối của các xác sinh vật, rác thải, sự cháy của than đá, dầu mỏ, khói thuốc lá, chất độc hoá học ... Học sinh nhận xét. Học sinh lắng nghe.
3. Bài mới (29 phút) Giới thiệu bài (1 phút) Bài trước các em đã biết những nguyên nhân làm không khí bị ô nhiễm, tác hại của không khí ô nhiễm đối với cuộc sống của chúng ta. Vậy chúng ta phải làm gì để bảo vệ bầu không khí trong sạch. Để giúp các em trả lời câu hỏi đó thầy và các em cùng vào bài học hôm nay: <i>Bài 40: Bảo vệ bầu không khí.</i>	
Hoạt động 1: Tìm hiểu những biện pháp bảo vệ bầu không khí trong sạch (14 phút). Mục tiêu: Học sinh nêu được những việc nên và không nên làm để bảo vệ bầu không khí. Phương pháp dạy học chủ yếu: quan sát, đàm thoại, thảo luận nhóm.	

Tiến trình dạy học:	
Yêu cầu học sinh quan sát tranh trong SGK trang 80, 81 thảo luận nhóm đôi và trả lời câu hỏi: - Nêu nội dung của từng bức tranh.	Học sinh trả lời. - Nội dung của từng bức tranh: + Hình 1: Các bạn dọn vệ sinh lớp để tránh bụi. + Hình 2: Vứt rác vào thùng có nắp đậy để tránh mùi hôi thối. + Hình 3: Nấu ăn bằng bếp cải tiến để tránh khói, khí thải. + Hình 4: Nhóm bếp bằng than tổ ong gây ra nhiều khí thải độc hại. + Hình 5: Trường học có nhà vệ sinh đúng quy định giúp không gây ô nhiễm môi trường. + Hình 6: Cảnh thu gom rác làm đường phố sạch đẹp, tránh ô nhiễm. + Hình 7: Trồng cây cảnh để giữ cho bầu không khí trong sạch.
- Những hình nào thể hiện việc nên làm để bảo vệ bầu không khí trong sạch? - Vì sao em chọn những hình đó?	- Những hình thể hiện việc nên làm để bảo vệ bầu không khí trong sạch là hình 1,2,3,5,6,7. Vì hình 1 Các bạn dọn vệ sinh lớp để tránh bụi, hình 2 vứt rác vào thùng có nắp đậy để tránh mùi hôi thối, hình 3 nấu ăn bằng bếp cải tiến giúp tiết kiệm nhiên liệu để tránh khói, khí thải, hình 5

- Những hình nào thể hiện việc không nên làm bảo vệ bầu không khí trong sạch? Vì sao? Gọi học sinh nhận xét, bổ sung. Giáo viên nhận xét. Giáo viên chiếu hình ảnh bếp điện, nhà vệ sinh công cộng được xây dựng hiện đại cho học sinh quan sát. Giáo viên: Trong cuộc sống chúng ta con người luôn cho mình những thói quen và để biết thói quen hàng ngày của chúng ta có ảnh hưởng, tác động gì tới cuộc sống hay không thì cả lớp mình cùng xem video: “Những thói quen cần thay đổi để bảo vệ bầu không khí trong sạch”. Giáo viên hỏi: qua đoạn video vừa rồi các em thấy chúng ta phải thay đổi điều gì để bảo vệ bầu không khí trong sạch? Giáo viên gọi học sinh nhận xét, bổ sung. <u>Giáo viên nhận xét, chốt lại:</u>	nhà vệ sinh xây dựng đảm bảo đúng quy cách, hình 6 thu gom rác thải làm đường phố sạch đẹp, hình 7 trồng nhiều cây xanh cho không khí trong lành. - Những hình thể hiện việc không nên làm là hình 4. Vì ở hình 4 nhóm bếp than tổ ong có nhiều khói độc hại bay lên trời gây ô nhiễm không khí. Học sinh nhận xét, bổ sung. Học sinh lắng nghe. Học sinh quan sát. Học sinh xem video. Học sinh trả lời: cần tiết kiệm nước, điện, khi dừng xe phải tắt máy, không khai thác rừng, cây cối bừa bãi,... Học sinh nhận xét, bổ sung. Học sinh lắng nghe.
--	--

<i>Bầu không khí trong lành vô cùng quan trọng đối với cuộc sống của chúng ta. Chống ô nhiễm không khí bằng cách:</i> <i>+ Thu gom rác và xử lý phân hợp lí.</i> <i>+ Giảm lượng khí thải độc hại của xe có động cơ chạy bằng xăng, dầu của nhà máy và giảm khói đun.</i> <i>+ Bảo vệ rừng và trồng nhiều cây xanh và giữ cho bầu không khí trong lành.</i> Chuyển ý: Các em đã biết được những biện pháp bảo vệ bầu không khí trong sạch vậy có những hình thức bảo vệ bầu không khí trong sạch như thế nào thì cả lớp mình cùng chuyển sang hoạt động 2.	
Hoạt động 2: Hình thức bảo vệ bầu không khí trong sạch (14 phút). Mục tiêu: Học sinh biết được lợi ích của việc vẽ tranh cổ động bảo vệ bầu không khí trong sạch và cách hình thức bảo vệ bầu không khí. Phương pháp dạy học chủ yếu: đàm thoại, thực hành- luyện tập. Tiến trình dạy học:	
Giáo viên chia lớp thành 4 nhóm, yêu cầu các nhóm vẽ tranh cổ động, tuyên truyền bảo vệ bầu không khí trong sạch trong thời gian 5 phút. Hết thời gian giáo viên yêu cầu đại diện các nhóm lên trình bày về bức tranh của nhóm mình. Giáo viên nhận xét, tuyên dương. Giáo viên hỏi: - Lợi ích của việc tuyên truyền vẽ tranh cổ động bảo vệ bầu không khí trong sạch	Các nhóm tiến hành vẽ tranh. Đại diện các nhóm mang bức tranh của nhóm mình treo trên bảng và trình bày. Học sinh lắng nghe. Học sinh trả lời: - Để tuyên truyền mọi người có ý thức bảo vệ, giữ gìn bầu không

là gì? - Ngoài hình thức vẽ tranh các em còn có hình thức tuyên truyền nào khác? <u>Giáo dục:</u> <i>Mỗi người chúng ta cần có ý thức bảo vệ bầu không khí trong sạch, bảo vệ bầu không khí chính là bảo vệ cuộc sống của chúng ta.</i> Giáo viên chia lớp thành 3 đội thi vẽ tranh cổ động bảo vệ môi trường trong thời gian 3 phút. Giáo viên gọi đại diện mỗi nhóm lên trình bày bức tranh của đội mình. Gọi học sinh nhận xét, bình chọn bức tranh đẹp. <u>Giáo viên nhận xét:</u> <i>Qua hoạt động vừa rồi thầy thấy các em đã làm rất tốt, mỗi bức tranh đều mang rất nhiều ý nghĩa khác nhau nhằm tuyên truyền, nhắc nhở mọi người bảo vệ môi trường, bầu không khí cũng chính là bảo vệ nguồn sống trong lành của chúng ta.</i> <u>Kết luận:</u> <i>Không khí có ý nghĩa vô cùng quan trọng cho sự sống của chúng ta, cơ thể chúng ta không thể sống khi không có không khí. Để nâng cao chất lượng bầu không khí trong sạch các em cần có ý thức giữ gìn vệ sinh nơi ở sạch sẽ, không vứt rác ra môi trường, sử dụng</i>	khí trong sạch của chúng ta. - Tích cực tham gia các hội thi bảo vệ môi trường, tuyên truyền xung kích các chiến dịch mùa hè xanh. Học sinh lắng nghe. Học sinh thi vẽ tranh. Đại diện mỗi nhóm trình bày. Học sinh nhận xét. Học sinh lắng nghe. Học sinh lắng nghe.
--	---

<i>tiết kiệm giấy, đồng thời mỗi bạn nhỏ cần phải tích cực trồng cây xanh, không ngừng tuyên truyền mọi người nâng cao ý thức bảo vệ bầu không khí trong sạch.</i>	
4. Củng cố- dặn dò (2 phút) Giáo viên cho học sinh nhắc lại kết luận SGK. Nhận xét tiết học, tuyên dương học sinh tích cực. Dặn dò học sinh về nhà học bài và chuẩn bị bài sau: <i>Bài 41: Âm thanh.</i>	Học sinh nhắc lại. Học sinh lắng nghe.

IV. Rút kinh nghiệm